BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC**
**KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG**
Số: 154 /QĐ-ĐHKTKT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2026*

# QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận thí sinh trúng tuyển vào học**
**Hệ Đại học chính quy khóa 2026 – Xét tuyển kết quả học tập THPT – Đợt 1**

## HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

Căn cứ quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 21/09/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương;

Căn cứ vào chỉ tiêu đào tạo hệ Đại học năm 2026 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương;

Căn cứ vào Quy chế tuyển sinh Đại học hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ vào Biên bản xác định điểm trúng tuyển tuyển sinh hệ Đại học năm 2026 (xét tuyển kết quả học tập THPT đợt 1);

Theo đề nghị của Trưởng Phòng tuyển sinh,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công nhận **852** ***(Tám trăm năm mươi ba)*** thí sinh đạt kết quả trúng tuyển diện xét tuyển kết quả học tập THPT kỳ tuyển sinh đợt 1 năm 2026 vào hệ Đại học chính quy khóa 2026, thuộc các ngành:

| STT | Ngành | Số lượng |
|---|---|---|
| 1. | Ngôn ngữ Anh | 25 |
| 2. | Ngôn ngữ Hàn Quốc | 7 |
| 3. | Ngôn ngữ Trung Quốc | 90 |
| 4. | Quan hệ công chúng | 23 |
| 5. | Quản trị kinh doanh | 58 |
| 6. | Marketing | 58 |
| 7. | Tài chính - Ngân hàng | 39 |
| 8. | Kế toán | 106 |
| 9. | Quản trị văn phòng | 69 |
| 10. | Luật | 2 |
| 11. | Luật kinh tế | 0 |
| 12. | Kỹ thuật phần mềm | 8 |
| 13. | Công nghệ thông tin | 24 |
| 14. | Công nghệ kỹ thuật ô tô | 89 |
| 15. | Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử | 99 |
| 16. | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng | 82 |
| 17. | Dược học | 4 |

| STT | Ngành | Số lượng |
|---|---|---|
| 18. | Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống | 12 |
| 19. | Thương mại điện tử | 16 |
| 20. | Truyền thông đa phương tiện | 41 |

*(Có danh sách kèm theo)*

**Điều 2.** Các Ông/Bà Trưởng phòng Quản lý đào tạo, các phòng, khoa, các đơn vị liên quan và các thí sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (b/c);
- UBND TP. Hồ Chí Minh (b/c);
- Như điều 2 (thực hiện);
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ-KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

**TS. LS. Nguyễn Thị Thu Hà**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC**
**KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2026*

# BIÊN BẢN ĐIỂM TRÚNG TUYỂN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY THEO PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN RIÊNG CỦA TRƯỜNG NĂM 2026 - ĐỢT 1

| ƯU TIÊN | | Khu vực 3 | Khu vực 2 | Khu vực 2NT | Khu vực 1 | CỘNG |
|---|---|---|---|---|---|---|
| ***Học sinh Phổ thông*** | *Điểm trúng tuyển* | 15 | 14.75 | 14.5 | 14.25 | |
| | Số người đạt điểm trúng tuyển | **26** | **498** | **268** | **29** | **821** |
| ***Nhóm 2*** | *Điểm trúng tuyển* | 14 | 13.75 | 13.5 | 13.25 | |
| | Số người đạt điểm trúng tuyển | **0** | **18** | **8** | **0** | **26** |
| ***Nhóm 1*** | *Điểm trúng tuyển* | 13 | 12.75 | 12.5 | 12.25 | |
| | Số người đạt điểm trúng tuyển | **0** | **0** | **0** | **5** | **5** |
| **TỔNG SỐ NGƯỜI ĐẠT ĐIỂM TRÚNG TUYỂN** | | **26** | **516** | **276** | **34** | **852** |

* Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.
Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:
**Mức điểm ưu tiên thí sinh được hưởng = [(30 - Tổng điểm đạt được của thí sinh)/7,5] x Tổng điểm ưu tiên được xác định thông thường.**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ-KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

**TS. LS. Nguyễn Thị Thu Hà**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU TS2

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 08 năm 2026*

**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN**
**ĐỢT XÉT TUYỂN: TUYỂN SINH ĐỢT 1**
**NGÀNH: NGÔN NGỮ ANH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 154 /QĐ-ĐHKTKT ngày 14 tháng 08 năm 2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương)*

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | ĐDCN | KV ƯT | ĐT ƯT | Mã tỉnh | Tên tỉnh | Mã quận huyện | Tên quận huyện | Môn 1 | | Môn 2 | | Môn 3 | | Mã PTXT | Mã THM | Điểm lệch | Tổng điểm chưa có ƯT (Thang 30) | Điểm ưu tiên (Thang 30) | Điểm trúng tuyển | Năm TN |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | TỐNG THỊ QUY | 26/09/2008 | Nữ | 052308003427 | 2NT | | 52 | Gia Lai | 21853 | Xã Phù Cát | VA | 7,33 | N1 | 6,93 | KTPL | 8,53 | 200 | D66 | | 22,79 | 0,48 | 23,27 | 2026 |
| 2 | PHẠM HUỲNH ANH | 13/09/2008 | Nữ | 075308010719 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25909 | Xã Thường Tân | VA | 6,8 | SU | 7,43 | DI | 7,33 | 200 | C00 | | 21,56 | 0,5 | 22,06 | 2026 |
| 3 | NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG TRINH | 12/06/2008 | Nữ | 074308006239 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25846 | Phường Thới Hòa | VA | 7,4 | SU | 9,03 | DI | 7,63 | 200 | C00 | | 24,06 | 0,2 | 24,26 | 2026 |
| 4 | HỲ CHÁNH PHỒ | 25/03/2008 | Nam | 068208006629 | 2 | 05a | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25813 | Phường Bến Cát | VA | 6,67 | SU | 8,23 | DI | 6,97 | 200 | C00 | | 21,87 | 1,25 | 23,12 | 2026 |
| 5 | PHAN PHÚC KHANG | 17/04/2008 | Nam | 074208005669 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25966 | Phường Lái Thiêu | TO | 7,07 | VA | 6,07 | SU | 6,77 | 200 | C03 | | 19,91 | 0,25 | 20,16 | 2026 |
| 6 | TRƯƠNG BỬI THANH NGỌC | 08/10/2008 | Nữ | 074308006662 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25987 | Phường Bình Hòa | VA | 7,6 | N1 | 8,1 | KTPL | 8,17 | 200 | D66 | | 23,87 | 0,2 | 24,07 | 2026 |
| 7 | NGUYỄN NHẬT TÂN | 18/07/2008 | Nam | 074208004031 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25760 | Phường Bình Dương | TO | 7 | VA | 7,8 | SU | 8,2 | 200 | C03 | | 23 | 0,23 | 23,23 | 2026 |
| 8 | NGUYỄN THỊ DIỄM QUỲNH | 27/02/2008 | Nữ | 070308008966 | 2NT | | 75 | TP. Đồng Nai | 25308 | Xã Thiện Hưng | VA | 7,3 | N1 | 6,87 | SU | 7,43 | 200 | D14 | | 21,6 | 0,5 | 22,1 | 2026 |
| 9 | NGUYỄN ĐẶNG HỮU KHÁNH | 19/01/2008 | Nam | 074208000152 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25750 | Phường Phú Lợi | VA | 6,37 | N1 | 7,37 | KTPL | 6,8 | 200 | D66 | | 20,54 | 0,25 | 20,79 | 2026 |
| 10 | TRẦN THỊ TƯỜNG VY | 02/01/2008 | Nữ | 093308007541 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25822 | Xã Bàu Bàng | VA | 7,3 | N1 | 7,3 | TI | 7,63 | 200 | X79 | | 22,23 | 0,5 | 22,73 | 2026 |
| 11 | BIỆN TỦ ĐÌNH | 18/07/2008 | Nữ | 072308000390 | 2 | | 80 | Tây Ninh | 25732 | phường An Tịnh | TO | 6,97 | VA | 7,4 | SU | 8,5 | 200 | C03 | | 22,87 | 0,24 | 23,11 | 2026 |
| 12 | ĐỖ THỊ PHƯƠNG MY | 25/04/2008 | Nữ | 074308002725 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25891 | Phường Tân Khánh | VA | 7,1 | N1 | 7,13 | KTPL | 8,1 | 200 | D66 | | 22,33 | 0,25 | 22,58 | 2026 |
| 13 | MAI VĂN HIỆP | 28/03/2008 | Nam | 074208004109 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25920 | Phường Tân Hiệp | VA | 5,8 | SU | 7,07 | DI | 6,57 | 200 | C00 | | 19,44 | 0,25 | 19,69 | 2026 |
| 14 | NGUYỄN KIỀU MY | 11/01/2008 | Nữ | 096308002425 | 3 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25837 | Phường Chánh Phú Hòa | VA | 7,53 | SU | 9,13 | DI | 7,73 | 200 | C00 | | 24,39 | 0 | 24,39 | 2026 |
| 15 | PHẠM QUÁCH CƯỜNG | 30/07/2008 | Nam | 079208006094 | 3 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25760 | Phường Bình Dương | TO | 5,1 | VA | 6,33 | SU | 7,5 | 200 | C03 | | 18,93 | 0 | 18,93 | 2026 |
| 16 | CHU NHƯ QUỲNH | 19/11/2008 | Nữ | 037308006897 | 2 | | 37 | Ninh Bình | 14611 | Xã Khánh Nhạc | VA | 7,33 | N1 | 7,63 | SU | 8,07 | 200 | D14 | | 23,03 | 0,23 | 23,26 | 2026 |
| 17 | NGUYỄN PHẠM BẢO THY | 09/10/2008 | Nữ | 074308000571 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25966 | Phường Lái Thiêu | VA | 7 | N1 | 7,93 | TI | 8,07 | 200 | X79 | | 23 | 0,23 | 23,23 | 2026 |
| 18 | ĐOÀN BẢO THY | 27/02/2008 | Nữ | 074308002875 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25912 | Phường Vĩnh Tân | VA | 7,13 | SU | 7,97 | DI | 7,9 | 200 | C00 | | 23 | 0,47 | 23,47 | 2026 |
| 19 | TRẦN THỊ THÙY LINH | 26/10/2008 | Nữ | 038308016349 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25915 | Phường Bình Cơ | VA | 7,17 | N1 | 4,9 | KTPL | 8 | 200 | D66 | | 20,07 | 0,25 | 20,32 | 2026 |
| 20 | TRẦN DIỆU HÂN | 08/01/2008 | Nữ | 074308001055 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25819 | Xã Trừ Văn Thố | VA | 5,7 | N1 | 7,67 | SU | 8,43 | 200 | D14 | | 21,8 | 0,5 | 22,3 | 2026 |
| 21 | LÂM TRẦN THIÊN NHÃ | 03/11/2008 | Nữ | 074308000317 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25966 | Phường Lái Thiêu | TO | 6,73 | VA | 5,9 | SU | 7,03 | 200 | C03 | | 19,66 | 0,25 | 19,91 | 2026 |
| 22 | LÂM THỊ YẾN NHI | 30/04/2007 | Nữ | 089307014117 | 2 | | 91 | An Giang | 30313 | Xã Mỹ Hòa Hưng | VA | 7,67 | SU | 7,3 | DI | 8,1 | 200 | C00 | | 23,07 | 0,23 | 23,3 | 2026 |
| 23 | TRẦN NGỌC KHÁNH LINH | 15/08/2008 | Nữ | 074308003716 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25760 | Phường Bình Dương | VA | 7 | N1 | 7,7 | KTPL | 8,07 | 200 | D66 | | 22,77 | 0,24 | 23,01 | 2026 |
| 24 | TRẦN ANH TÚ | 08/08/2008 | Nam | 091208002474 | 1 | | 91 | An Giang | 30760 | Phường Vĩnh Thông | VA | 7,07 | N1 | 8,37 | TI | 7,13 | 200 | X79 | | 22,57 | 0,74 | 23,31 | 2026 |
| 25 | HOÀNG XUÂN ĐỨC TIẾN | 05/11/2008 | Nam | 038208020366 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25432 | Phường Chơn Thành | VA | 6,23 | N1 | 6,67 | TI | 7,8 | 200 | X79 | | 20,7 | 0,25 | 20,95 | 2026 |

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ-KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

**TS. LS. Nguyễn Thị Thu Hà**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU TS2

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2026*

**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN**
**ĐỢT XÉT TUYỂN: TUYỂN SINH ĐỢT 1**
**NGÀNH: NGÔN NGỮ HÀN QUỐC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 154 QĐ-ĐHKTKT ngày 14 tháng 08 năm 2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương)*

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | ĐDCN | KV ƯT | ĐT ƯT | Mã tỉnh | Tên tỉnh | Mã quận huyện | Tên quận huyện | Môn 1 | | Môn 2 | | Môn 3 | | Mã PTXT | Mã THM | Điểm lệch | Tổng điểm chưa có ƯT (Thang 30) | Điểm ưu tiên (Thang 30) | Điểm trúng tuyển | Năm TN |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | HÀ ÁNH TUYẾT | 29/10/2007 | Nữ | 038307002247 | 2 | 05a | 38 | Thanh Hoá | 15211 | Xã Thạch Bình | TO | 6,4 | VA | 6,87 | SU | 7,8 | 200 | C03 | | 21,07 | 1,25 | 22,32 | 2026 |
| 2 | TRẦN GIA NHƯ | 11/10/2008 | Nữ | 070308000146 | 1 | | 68 | Lâm Đồng | 24751 | Xã Nhân Cơ | TO | 5,9 | VA | 5,9 | KTPL | 6,53 | 200 | C14 | | 18,33 | 0,75 | 19,08 | 2026 |
| 3 | HỒ NGỌC BẢO ANH | 15/12/2008 | Nữ | 074308006616 | 3 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25945 | Phường Tân Đông Hiệp | VA | 8,07 | N1 | 7,87 | TI | 8 | 200 | X79 | | 23,94 | 0 | 23,94 | 2026 |
| 4 | NGUYỄN THANH TRÚC | 15/10/2008 | Nữ | 074308005725 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25942 | Phường Dĩ An | VA | 7,33 | SU | 8,3 | DI | 8,5 | 200 | C00 | | 24,13 | 0,2 | 24,33 | 2026 |
| 5 | VÕ TRẦN THỦY TIÊN | 24/10/2007 | Nữ | 074307005453 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25777 | Xã Dầu Tiếng | VA | 5,9 | SU | 7,23 | DI | 6,87 | 200 | C00 | | 20 | 0,5 | 20,5 | 2026 |
| 6 | LÊ HUỲNH HUY HOÀNG | 19/01/2008 | Nam | 074208001350 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25777 | Xã Dầu Tiếng | VA | 6,87 | SU | 6,63 | DI | 7,17 | 200 | C00 | | 20,67 | 0,5 | 21,17 | 2026 |
| 7 | TRỊNH KIM SEN | 25/12/2008 | Nữ | 074308006858 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25807 | Xã Thanh An | VA | 6,17 | SU | 6,83 | DI | 7,07 | 200 | C00 | | 20,07 | 0,5 | 20,57 | 2026 |

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ-KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

**TS. LS. Nguyễn Thị Thu Hà**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**MẪU TS2**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2026*

# DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
## ĐỢT XÉT TUYỂN: TUYỂN SINH ĐỢT 1
## NGÀNH: NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 154 /QĐ-ĐHKTKT ngày 14 tháng 08 năm 2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương)*

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | ĐDCN | KV ƯT | ĐT ƯT | Mã tỉnh | Tên tỉnh | Mã quận huyện | Tên quận huyện | Môn 1 | | Môn 2 | | Môn 3 | | Mã PTXT | Mã THM | Điểm lệch | Tổng điểm chưa có ƯT (Thang 30) | Điểm ưu tiên (Thang 30) | Điểm trúng tuyển | Năm TN |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | NGUYỄN HUỲNH KHÁNH NHƯ | 02/01/2008 | Nữ | 089308018187 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 27604 | Xã Tân Vĩnh Lộc | VA | 7,97 | SU | 7,7 | DI | 7,03 | 200 | C00 | | 22,7 | 0,24 | 22,94 | 2026 |
| 2 | TRẦN NGỌC ANH THƠ | 09/11/2008 | Nữ | 074308006281 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25969 | Phường Thuận Giao | VA | 8,17 | SU | 8,9 | DI | 8,8 | 200 | C00 | | 25,87 | 0,14 | 26,01 | 2026 |
| 3 | HỸ AN KỲ | 08/06/2008 | Nữ | 077308008374 | 2NT | 05a | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25777 | Xã Dầu Tiếng | VA | 6,47 | SU | 7,2 | DI | 7,4 | 200 | C00 | | 17,64 | 1,5 | 22,57 | 2026 |
| 4 | HỒ THỊ KIM NGÂN | 09/03/2008 | Nữ | 089308006484 | 2 | | 91 | An Giang | 30421 | Xã Phú Lâm | VA | 8,23 | SU | 9,63 | DI | 9,47 | 200 | C00 | | 27,33 | 0,09 | 27,42 | 2026 |
| 5 | NGUYỄN THÙY TRANG | 03/04/2008 | Nữ | 034308007141 | 2 | | 37 | Ninh Bình | 13579 | Xã Bắc Lý | VA | 6,73 | SU | 6,83 | DI | 7,03 | 200 | C00 | | 20,59 | 0,25 | 20,84 | 2026 |
| 6 | VÕ NHÃ UYÊN | 29/09/2008 | Nữ | 074308000218 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25747 | Phường Thủ Dầu Một | VA | 6,23 | SU | 7,5 | DI | 7,1 | 200 | C00 | | 20,83 | 0,25 | 21,08 | 2026 |
| 7 | ĐINH THỊ TÚ TRINH | 24/02/2008 | Nữ | 074308009534 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25780 | Xã Minh Thạnh | VA | 5,93 | SU | 6,7 | DI | 7,53 | 200 | C00 | | 20,16 | 0,5 | 20,66 | 2026 |
| 8 | NGUYỄN THỊ NGỌC LIÊN | 22/04/2008 | Nữ | 074308003875 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25864 | Xã Phước Thành | VA | 7,17 | SU | 7 | DI | 6,8 | 200 | C00 | | 20,97 | 0,5 | 21,47 | 2026 |
| 9 | NGÔ NGỌC NHƯ Ý | 04/08/2008 | Nữ | 074308002787 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25891 | Phường Tân Khánh | VA | 5,9 | SU | 6,43 | DI | 6,03 | 200 | C00 | | 18,36 | 0,25 | 18,61 | 2026 |
| 10 | NGUYỄN NGỌC THÙY TRANG | 10/11/2008 | Nữ | 074308006794 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25843 | Phường Tây Nam | VA | 7,67 | SU | 6,77 | DI | 7,1 | 200 | C00 | | 21,54 | 0,5 | 22,04 | 2026 |
| 11 | TRẦ NGUYỄN NGỌC HUYỀN | 08/06/2008 | Nữ | 074308009836 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25978 | Phường Thuận An | VA | 6,67 | SU | 6,43 | DI | 5,97 | 200 | C00 | | 19,07 | 0,25 | 19,32 | 2026 |
| 12 | TRẦN NGUYỄN YẾN NHI | 13/08/2008 | Nữ | 044308003220 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25837 | Phường Chánh Phú Hòa | VA | 7,23 | SU | 8,77 | DI | 7,7 | 200 | C00 | | 23,7 | 0,21 | 23,91 | 2026 |
| 13 | TRẦN KHÁNH VY | 07/04/2008 | Nữ | 070308004988 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25326 | Phường Bình Long | VA | 6,63 | N1 | 6,4 | SU | 6,73 | 200 | D14 | | 19,76 | 0,25 | 20,01 | 2026 |
| 14 | LƯU HIẾU PHƯƠNG | 11/09/2008 | Nữ | 074308005283 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25349 | Xã Minh Đức | VA | 7,73 | SU | 7,8 | DI | 6,83 | 200 | C00 | | 22,36 | 0,25 | 22,61 | 2026 |
| 15 | ĐẶNG TRẦN KIỀU OANH | 05/02/2008 | Nữ | 070308006885 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25326 | Phường Bình Long | VA | 5,97 | SU | 7,77 | DI | 7 | 200 | C00 | | 20,74 | 0,25 | 20,99 | 2026 |
| 16 | ĐINH THỊ CHÂU ANH | 15/01/2007 | Nữ | 034307006525 | 2 | | 33 | Hưng Yên | 13066 | Xã Hưng Phú | VA | 7,97 | N1 | 7,43 | SU | 8,83 | 200 | D14 | | 24,23 | 0,19 | 24,42 | 2026 |
| 17 | HỒ HUỲNH NHƯ | 24/06/2008 | Nữ | 080308006262 | 2 | | 80 | Tây Ninh | 28018 | xã Mỹ Yên | VA | 7,47 | N1 | 7,57 | SU | 7,77 | 200 | D14 | | 22,81 | 0,24 | 23,05 | 2026 |
| 18 | ĐỖ THỊ HUỲNH NHƯ | 20/01/2007 | Nữ | 089307009476 | 2 | | 91 | An Giang | 30377 | Phường Long Phú | VA | 6,63 | SU | 6,8 | DI | 7,3 | 200 | C00 | | 20,73 | 0,25 | 20,98 | 2026 |
| 19 | ĐỖ DUY HIẾU | 04/12/2008 | Nam | 026208002864 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25813 | Phường Bến Cát | VA | 7 | SU | 8,5 | DI | 7,43 | 200 | C00 | | 22,93 | 0,24 | 23,17 | 2026 |
| 20 | NGUYỄN HUỲNH NGỌC CHÂU | 15/10/2008 | Nữ | 070308000032 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25387 | Xã Thuận Lợi | VA | 8 | SU | 8,77 | DI | 8,77 | 200 | C00 | | 25,67 | 0,15 | 25,69 | 2026 |
| 21 | TRẦN PHƯƠNG NHI | 17/05/2008 | Nữ | 082308011364 | 2NT | | 75 | TP. Đồng Nai | 25252 | Xã Phú Riềng | VA | 6,57 | SU | 7,2 | DI | 6,57 | 200 | C00 | | 20,34 | 0,5 | 20,84 | 2026 |
| 22 | NGUYỄN THỊ KIM NGÂN | 24/03/2008 | Nữ | 074308009284 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25846 | Phường Thới Hòa | VA | 7,9 | N1 | 5,83 | SU | 7,57 | 200 | D14 | | 21,3 | 0,25 | 21,55 | 2026 |
| 23 | VÕ NGUYỄN PHƯƠNG THẢO | 30/10/2008 | Nữ | 070308000461 | 2NT | | 75 | TP. Đồng Nai | 25279 | Xã Lộc Tấn | VA | 6,13 | SU | 7,97 | DI | 8,03 | 200 | C00 | | 22,13 | 0,5 | 22,63 | 2026 |
| 24 | BÙI NGỌC QUỲNH ANH | 26/11/2008 | Nữ | 038308014438 | 2 | | 38 | Thanh Hoá | 15976 | Xã Hoằng Châu | VA | 7,5 | N1 | 5,73 | SU | 7,27 | 200 | D14 | | 20,5 | 0,25 | 20,75 | 2026 |
| 25 | HOÀNG TẤN PHÁT | 14/04/2008 | Nam | 070208005803 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25441 | Phường Minh Hưng | VA | 6,63 | SU | 7,87 | DI | 7,5 | 200 | C00 | | 22 | 0,25 | 22,25 | 2026 |
| 26 | NGUYỄN THỊ THÙY TRANG | 16/01/2008 | Nữ | 040308025481 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25945 | Phường Tân Đông Hiệp | VA | 6,07 | SU | 6,83 | DI | 6,17 | 200 | C00 | | 19,07 | 0,25 | 19,32 | 2026 |
| 27 | TRẦN THỊ VÂN ANH | 07/06/2008 | Nữ | 070308005642 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25432 | Phường Chơn Thành | TO | 6,27 | LI | 6,73 | N1 | 6,47 | 200 | A01 | | 19,47 | 0,25 | 19,72 | 2026 |
| 28 | NGUYỄN VŨ THANH TUYỀN | 24/06/2008 | Nữ | 080308013471 | 2NT | | 75 | TP. Đồng Nai | 25303 | Xã Lộc Hưng | VA | 5,93 | SU | 8,17 | DI | 7,43 | 200 | C00 | | 21,53 | 0,5 | 22,03 | 2026 |
| 29 | HUỲNH THỊ MỸ HÂN | 11/11/2008 | Nữ | 082308007836 | 2NT | | 82 | Đồng Tháp | 28525 | Xã Tân Hương | VA | 8,47 | N1 | 7,23 | SU | 8,07 | 200 | D14 | | 23,77 | 0,42 | 24,19 | 2026 |
| 30 | NGUYỄN NGỌC PHONG NHI | 19/02/2008 | Nữ | 070308010961 | 1 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25351 | Xã Tân Quan | VA | 5,93 | SU | 6,5 | DI | 6,43 | 200 | C00 | | 18,86 | 0,75 | 19,61 | 2026 |
| 31 | DƯƠNG DUY BẢO | 05/03/2008 | Nam | 084208009478 | 2 | | 86 | Vĩnh Long | 29329 | Xã Phong Thạnh | VA | 5,87 | SU | 6,43 | DI | 7,77 | 200 | C00 | | 20,07 | 0,25 | 20,32 | 2026 |
| 32 | BÙI NHƯ QUỲNH | 07/02/2008 | Nữ | 070308010682 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25357 | Xã Tân Khai | VA | 6,67 | SU | 7,27 | DI | 6,97 | 200 | C00 | | 20,91 | 0,25 | 21,16 | 2026 |
| 33 | TRẦN XUÂN HUY | 09/10/2008 | Nam | 074208004713 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25813 | Phường Bến Cát | VA | 6,93 | SU | 6,7 | DI | 7,37 | 200 | C00 | | 21 | 0,25 | 21,25 | 2026 |
| 34 | LÊ PHẠM ÁNH HUYỀN | 14/12/2008 | Nữ | 038308027944 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25819 | Xã Trừ Văn Thố | VA | 6,07 | SU | 6,93 | DI | 6,27 | 200 | C00 | | 19,27 | 0,25 | 19,52 | 2026 |
| 35 | NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN | 27/09/2006 | Nữ | 074306002630 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25840 | Phường Long Nguyên | VA | 7,3 | SU | 9,07 | DI | 8,33 | 200 | C00 | | 24,7 | 0,35 | 25,05 | 2026 |
| 36 | PHẠM THỊ THÁI PHỤNG | 05/08/2007 | Nữ | 027307008663 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25975 | Phường An Phú | VA | 7,33 | SU | 7,2 | DI | 6,83 | 200 | C00 | | 21,36 | 0,25 | 21,61 | 2026 |
| 37 | BÙI THỊ QUYÊN | 26/01/2008 | Nữ | 070308008844 | 2NT | | 75 | TP. Đồng Nai | 25270 | Xã Lộc Ninh | VA | 7,87 | SU | 8,23 | DI | 8,77 | 200 | C00 | | 24,87 | 0,34 | 25,21 | 2026 |

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | ĐDCN | KV UT | ĐT UT | Mã tỉnh | Tên tỉnh | Mã quận huyện | Tên quận huyện | Môn 1 | | Môn 2 | | Môn 3 | | Mã PTXT | Mã THM | Điểm lệch | Tổng điểm chưa có UT (Thang 30) | Điểm ưu tiên (Thang 30) | Điểm trúng tuyển | Năm TN |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 38 | NGUYỄN THỊ THẢO NGUYÊN | 23/04/2008 | Nữ | 052308009642 | 2NT | | 52 | Gia Lai | 21733 | Xã Bình Dương | VA | 6 | SU | 8,2 | DI | 7,6 | 200 | C00 | | 21,8 | 0,5 | 22,3 | 2026 |
| 39 | LÝ LỮ QUỲNH TRÂN | 20/05/2008 | Nữ | 052308000860 | 2 | | 52 | Gia Lai | 21964 | Xã Tuy Phước Bắc | VA | 6,67 | SU | 7,27 | DI | 7,27 | 200 | C00 | | 21,21 | 0,25 | 21,46 | 2026 |
| 40 | NGUYỄN THỊ MAI THU | 22/02/2008 | Nữ | 025308009472 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25942 | Phường Dĩ An | VA | 7,1 | N1 | 7,93 | SU | 7,43 | 200 | D14 | | 22,4 | 0,25 | 22,71 | 2026 |
| 41 | PHẠM HỒNG THẮM | 14/05/2007 | Nữ | 079307029608 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 27544 | Xã Bình Mỹ | VA | 7,4 | SU | 8,3 | DI | 8,7 | 200 | C00 | | 24,4 | 0,19 | 24,59 | 2026 |
| 42 | HOÀNG THỊ BÍCH PHƯỢNG | 20/09/2008 | Nữ | 066308002926 | 2 | 05a | 66 | Đắk Lắk | 24346 | Xã Dliê Ya | VA | 5,87 | SU | 6,27 | DI | 6,37 | 200 | C00 | | 18,51 | 1,25 | 19,76 | 2026 |
| 43 | VŨ MẠNH BẰNG | 02/01/2008 | Nam | 066208008105 | 2NT | | 66 | Đắk Lắk | 24529 | Xã Vụ Bổn | VA | 6,17 | SU | 6,07 | DI | 6,43 | 200 | C00 | | 18,67 | 0,5 | 19,17 | 2026 |
| 44 | QUÀNG NGỌC PHƯƠNG VY | 09/09/2008 | Nữ | 074308008560 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25920 | Phường Tân Hiệp | VA | 5,7 | SU | 6,83 | DI | 6,8 | 200 | C00 | | 19,33 | 0,25 | 19,58 | 2026 |
| 45 | ĐỖ HOÀNG TRỌNG PHÚC | 26/12/2008 | Nam | 074208009535 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25843 | Phường Tây Nam | VA | 6,03 | SU | 7,57 | DI | 6,93 | 200 | C00 | | 20,53 | 0,5 | 21,03 | 2026 |
| 46 | NGUYỄN HOÀNG GIA LINH | 23/12/2008 | Nữ | 058308006223 | 2 | | 56 | Khánh Hoà | 22741 | Phường Bảo An | VA | 5 | SU | 6,4 | DI | 6,07 | 200 | C00 | | 17,47 | 0,25 | 17,72 | 2026 |
| 47 | TRẦN THỊ MAI PHƯƠNG | 09/06/2008 | Nữ | 074308001651 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25867 | Xã An Long | VA | 6,33 | SU | 8,4 | DI | 7,47 | 200 | C00 | | 22,2 | 0,5 | 22,7 | 2026 |
| 48 | VŨ NGỌC ANH | 27/05/2008 | Nữ | 074308000470 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25942 | Phường Dĩ An | VA | 6,5 | SU | 6,7 | DI | 7,57 | 200 | C00 | | 20,77 | 0,25 | 21,02 | 2026 |
| 49 | THỊ LINH | 24/11/2008 | Nữ | 070308003565 | 1 | 01 | 75 | TP. Đồng Nai | 25345 | Xã Tân Hưng | VA | 6,2 | SU | 8,3 | DI | 7,9 | 200 | C00 | | 22,4 | 2,75 | 25,15 | 2026 |
| 50 | THỊ DIỄM | 29/12/2008 | Nữ | 070308009887 | 2 | 05a | 75 | TP. Đồng Nai | 25333 | Phường An Lộc | VA | 7,47 | SU | 8,23 | DI | 7,3 | 200 | C00 | | 23 | 1,17 | 24,17 | 2026 |
| 51 | PHAN THỊ MỸ XUYÊN | 09/02/2008 | Nữ | 089308013048 | 2 | | 91 | An Giang | 30793 | Xã Vĩnh Điều | VA | 7,3 | N1 | 7,07 | SU | 8,2 | 200 | D14 | | 22,57 | 0,25 | 22,82 | 2026 |
| 52 | ĐOÀN DUY TÂN | 09/07/2008 | Nam | 070208001055 | 2NT | | 75 | TP. Đồng Nai | 25280 | Xã Lộc Thạnh | VA | 7,5 | SU | 8,07 | DI | 7,8 | 200 | C00 | | 23,37 | 0,44 | 23,81 | 2026 |
| 53 | MAI THỊ THANH HÀ | 24/12/2007 | Nữ | 037307004584 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25768 | Phường Phú An | VA | 7,77 | SU | 8,67 | DI | 8,47 | 200 | C00 | | 24,91 | 0,34 | 25,25 | 2026 |
| 54 | TRẦN KHÁNH ĐẠT | 22/05/2008 | Nam | 074208007010 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25987 | Phường Bình Hòa | VA | 5,43 | SU | 5,4 | DI | 6,13 | 200 | C00 | | 16,96 | 0,25 | 17,21 | 2026 |
| 55 | TRẦN THỊ NGỌC YÊN | 05/04/2008 | Nữ | 070308005623 | 2NT | | 75 | TP. Đồng Nai | 25292 | Xã Lộc Quang | VA | 6,1 | N1 | 5,4 | SU | 6,83 | 200 | D14 | | 18,33 | 0,5 | 18,83 | 2026 |
| 56 | ĐOÀN VŨ ĐĂNG KHOA | 22/11/2008 | Nam | 072208002711 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25888 | Phường Tân Uyên | VA | 6,47 | SU | 6,63 | DI | 6,1 | 200 | C00 | | 19,2 | 0,25 | 19,45 | 2026 |
| 57 | VÕ VIỆT TRINH | 02/01/2008 | Nữ | 052308004014 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25849 | Phường Hòa Lợi | VA | 6,67 | SU | 7,93 | DI | 7,83 | 200 | C00 | | 22,43 | 0,25 | 22,68 | 2026 |
| 58 | HOÀNG HÀ MAI | 09/10/2008 | Nữ | 042308011542 | 2 | | 42 | Hà Tĩnh | 18115 | Phường Bắc Hồng Lĩnh | VA | 7,67 | SU | 8,07 | DI | 8,57 | 200 | C00 | | 24,31 | 0,19 | 24,5 | 2026 |
| 59 | MAO VIỆT TRUNG | 07/09/2008 | Nam | 024208012387 | 2 | | 24 | Bắc Ninh | 07351 | Xã Ngọc Thiện | VA | 6,3 | N1 | 5,9 | SU | 7,93 | 200 | D14 | | 20,13 | 0,25 | 20,38 | 2026 |
| 60 | HOÀNG THỊ KHÁNH LINH | 15/01/2008 | Nữ | 045308005676 | 2 | | 44 | Quảng Trị | 19654 | Xã Triệu Cơ | VA | 7,4 | SU | 6,7 | DI | 6,83 | 200 | C00 | | 20,93 | 0,25 | 21,18 | 2026 |
| 61 | BÙI MAI HƯƠNG | 02/02/2008 | Nữ | 036308067002 | 2 | | 37 | Ninh Bình | 13540 | Xã Bình An | VA | 6,37 | SU | 7,53 | DI | 7,37 | 200 | C00 | | 21,27 | 0,25 | 21,52 | 2026 |
| 62 | LÊ THỊ MAI ANH | 02/01/2008 | Nữ | 074308009909 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25987 | Phường Bình Hòa | VA | 6,07 | SU | 6,67 | DI | 6,4 | 200 | C00 | | 19,14 | 0,25 | 19,39 | 2026 |
| 63 | ĐOÀN THANH HOA | 24/10/2008 | Nữ | 075308021327 | 2 | | 33 | Hưng Yên | 12583 | Xã Tân Tiến | VA | 6,83 | N1 | 5,67 | SU | 5,97 | 200 | D14 | | 18,47 | 0,25 | 18,72 | 2026 |
| 64 | ĐẶNG THỊ NHUNG | 07/09/2008 | Nữ | 040308019495 | 2 | | 40 | Nghệ An | 17326 | Xã Nghĩa Hành | VA | 7,7 | SU | 7,7 | DI | 7,43 | 200 | C00 | | 22,83 | 0,24 | 23,07 | 2026 |
| 65 | LƯU THUỲ TRANG | 18/03/2008 | Nữ | 074308003253 | 3 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25942 | Phường Dĩ An | VA | 7,73 | SU | 7,77 | DI | 7,5 | 200 | C00 | | 23 | 0 | 23 | 2026 |
| 66 | VŨ NGỌC ÁNH | 09/12/2008 | Nữ | 036308003056 | 3 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 26767 | Phường An Phú Đông | VA | 6,23 | SU | 6,97 | DI | 5,07 | 200 | C00 | | 18,27 | 0 | 18,27 | 2026 |
| 67 | NGUYỄN NGỌC DUYÊN | 10/05/2008 | Nữ | 074308007177 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25891 | Phường Tân Khánh | VA | 7,3 | SU | 8,17 | DI | 7,5 | 200 | C00 | | 22,97 | 0,23 | 23,2 | 2026 |
| 68 | LÊ BẢO THI | 22/01/2008 | Nữ | 077308009431 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 26686 | Xã Phước Hải | VA | 8,03 | N1 | 7,7 | SU | 8,13 | 200 | D14 | | 23,86 | 0,41 | 24,27 | 2026 |
| 69 | BÙI NGỌC HẬU | 14/09/2008 | Nữ | 070308005851 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25432 | Phường Chơn Thành | VA | 5,17 | SU | 8,33 | DI | 7,97 | 200 | C00 | | 21,47 | 0,25 | 21,72 | 2026 |
| 70 | LÊ NGUYỄN BẢO NGỌC | 15/10/2008 | Nữ | 040308025147 | 3 | | 40 | Nghệ An | 17357 | Xã Vĩnh Tường | VA | 8,7 | SU | 8,6 | DI | 8,57 | 200 | C00 | | 25,87 | 0 | 25,87 | 2026 |
| 71 | NGUYỄN THỊ NGỌC TRANG | 11/08/2008 | Nữ | 074308002877 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25864 | Xã Phước Thành | VA | 6,17 | SU | 6,6 | DI | 5,87 | 200 | C00 | | 18,64 | 0,5 | 19,14 | 2026 |
| 72 | LÊ THỊ THÙY CHÂM | 29/10/2008 | Nữ | 038308000155 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25813 | Phường Bến Cát | VA | 7,2 | N1 | 6 | SU | 6,97 | 200 | D14 | | 20,17 | 0,25 | 20,42 | 2026 |
| 73 | LÊ THỊ MỸ LINH | 16/10/2008 | Nữ | 038308000333 | 2 | | 38 | Thanh Hoá | 15505 | Xã Thọ Long | VA | 7,33 | SU | 7,87 | DI | 7,13 | 200 | C00 | | 22,33 | 0,25 | 22,58 | 2026 |
| 74 | NGUYỄN TRƯƠNG NGỌC QUYÊN | 23/08/2008 | Nữ | 079308046931 | 2NT | | 80 | Tây Ninh | 25498 | xã Thạnh Bình | VA | 6,9 | SU | 7,57 | DI | 6,43 | 200 | C00 | | 20,9 | 0,5 | 21,4 | 2026 |
| 75 | BÙI GIA KHOA | 16/06/2008 | Nam | 001208065904 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25846 | Phường Thới Hòa | VA | 6,47 | N1 | 7,07 | SU | 8,27 | 200 | D14 | | 21,81 | 0,25 | 22,06 | 2026 |
| 76 | PHẠM THIÊN ÂN | 22/05/2008 | Nữ | 070308009714 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25432 | Phường Chơn Thành | TO | 6,6 | LI | 7,3 | N1 | 5,93 | 200 | A01 | | 19,83 | 0,25 | 20,08 | 2026 |
| 77 | HUỲNH NGỌC YẾN NHI | 26/05/2008 | Nữ | 075308022277 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 26188 | Phường Tân Triều | VA | 8,23 | SU | 8,63 | DI | 8,6 | 200 | C00 | | 25,46 | 0,15 | 25,61 | 2026 |
| 78 | MAI DIỆP LINH | 20/10/2008 | Nữ | 074308008228 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25792 | Xã Long Hòa | VA | 6,3 | SU | 6,93 | DI | 6,17 | 200 | C00 | | 19,4 | 0,5 | 19,9 | 2026 |
| 79 | DƯƠNG LÊ HÂN | 02/10/2008 | Nữ | 067308001430 | 2 | 05a | 68 | Lâm Đồng | 24615 | Phường Nam Gia Nghĩa | VA | 7,77 | SU | 7,6 | DI | 7,4 | 200 | C00 | | 22,77 | 1,21 | 23,98 | 2026 |
| 80 | PHAN NGUYỄN HUỲNH NHƯ | 08/09/2008 | Nữ | 083308008567 | 2 | | 86 | Vĩnh Long | 28810 | Xã Phú Túc | VA | 8,23 | SU | 7,63 | DI | 7,87 | 200 | C00 | | 23,73 | 0,21 | 23,94 | 2026 |
| 81 | NGUYỄN LÊ PHƯƠNG UYÊN | 11/11/2008 | Nữ | 074308002816 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25747 | Phường Thủ Dầu Một | VA | 5,8 | SU | 6,5 | DI | 7,73 | 200 | C00 | | 20,03 | 0,25 | 20,28 | 2026 |
| 82 | NGUYỄN HOÀNG MỸ ANH | 12/11/2008 | Nữ | 074308004333 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25747 | Phường Thủ Dầu Một | VA | 6,7 | N1 | 6,07 | SU | 7,6 | 200 | D14 | | 20,37 | 0,25 | 20,62 | 2026 |
| 83 | CAO THỊ QUỲNH NHƯ | 09/05/2008 | Nữ | 074308009767 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25867 | Xã An Long | VA | 6,27 | SU | 7,77 | DI | 6,4 | 200 | C00 | | 20,44 | 0,5 | 20,94 | 2026 |
| 84 | TRẦN ANH THƯ | 21/10/2008 | Nữ | 074308006295 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25867 | Xã An Long | VA | 7,3 | SU | 7,6 | DI | 7 | 200 | C00 | | 21,9 | 0,5 | 22,4 | 2026 |
| 85 | TRẦN GIA HÂN | 19/04/2007 | Nữ | 074307002621 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25792 | Xã Long Hòa | VA | 6,83 | SU | 7,03 | DI | 7,87 | 200 | C00 | | 21,73 | 0,25 | 21,98 | 2025 |
| 86 | TRẦN THỊ QUỲNH OANH | 21/01/2008 | Nữ | 079308037260 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25864 | Xã Phước Thành | VA | 6,9 | SU | 8,07 | DI | 7,87 | 200 | C00 | | 22,84 | 0,24 | 23,08 | 2026 |
| 87 | VÕ THANH THUỶ | 11/01/2008 | Nữ | 070308004250 | 2NT | | 75 | TP. Đồng Nai | 25292 | Xã Lộc Quang | VA | 6,53 | SU | 7,37 | DI | 7,83 | 200 | C00 | | 21,73 | 0,5 | 22,23 | 2026 |
| 88 | HUỲNH THỊ THANH VI | 20/10/2008 | Nữ | 066308005849 | 1 | | 66 | Đắk Lắk | 24340 | Phường Cư Bao | VA | 6,9 | N1 | 6,67 | SU | 7,97 | 200 | D14 | | 21,54 | 0,75 | 22,29 | 2026 |

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | ĐDCN | KV UT | ĐT UT | Mã tỉnh | Tên tỉnh | Mã quận huyện | Tên quận huyện | Môn 1 | | Môn 2 | | Môn 3 | | Mã PTXT | Mã THM | Điểm lệch | Tổng điểm chưa có UT (Thang 30) | Điểm ưu tiên (Thang 30) | Điểm trúng tuyển | Năm TN |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 89 | LÊ NGUYỄN | 21/06/2008 | Nam | 087208015387 | 2NT | | 82 | Đồng Tháp | 30154 | Xã Tân Long | VA | 6,9 | SU | 7,4 | DI | 6,3 | 200 | C00 | | 20,6 | 0,5 | 21,1 | 2026 |
| 90 | NGUYỄN PHẠM THẢO MAI | 14/10/2008 | Nữ | 074308001425 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25888 | Phường Tân Uyên | VA | 7,77 | SU | 6,97 | DI | 7,2 | 200 | C00 | | 21,94 | 0,5 | 22,44 | 2026 |

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ-KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

TS. LS. Nguyễn Thị Thu Hà

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**MẪU TS2**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2026*

# DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
## ĐỢT XÉT TUYỂN: TUYỂN SINH ĐỢT 1
## NGÀNH: QUAN HỆ CÔNG CHÚNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 154 /QĐ-ĐHKTKT ngày 14 tháng 08 năm 2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương)*

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | ĐDCN | KV ƯT | ĐT ƯT | Mã tỉnh | Tên tỉnh | Mã quận huyện | Tên quận huyện | Môn 1 | | Môn 2 | | Môn 3 | | Mã PTXT | Mã THM | Điểm lệch | Tổng điểm chưa có ƯT (Thang 30) | Điểm ưu tiên (Thang 30) | Điểm trúng tuyển | Năm TN |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | TRẦN LÊ THỊ THẢO | 28/01/2008 | Nữ | 074308007190 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25777 | Xã Dầu Tiếng | VA | 6,27 | SU | 7,63 | DI | 6,07 | 200 | C00 | | 19,97 | 0,5 | 20,47 | 2026 |
| 2 | ĐÀO NGUYỄN THỊ NGỌC GIÀU | 22/08/2008 | Nữ | 072308002715 | 2NT | | 80 | Tây Ninh | 25489 | xã Tân Lập | TO | 8,47 | VA | 7,5 | KTPL | 9,17 | 200 | C14 | | 25,14 | 0,32 | 25,46 | 2026 |
| 3 | TRƯƠNG THỊ YẾN NHI | 06/07/2007 | Nữ | 093307002349 | 2NT | | 92 | Cần Thơ | 31399 | Xã Tân Bình | VA | 7,67 | SU | 7,7 | DI | 7,27 | 200 | C00 | | 22,64 | 0,49 | 23,13 | 2026 |
| 4 | LỤC GIA HÂN | 21/07/2008 | Nữ | 074308008388 | 2NT | 05a | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25777 | Xã Dầu Tiếng | VA | 6,27 | SU | 5,9 | DI | 6,53 | 200 | C00 | | 18,7 | 1,5 | 20,2 | 2026 |
| 5 | PHẠM NGUYỄN QUỲNH NHƯ | 01/01/2008 | Nữ | 036308067290 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25846 | Phường Thới Hòa | TO | 7,4 | VA | 7,43 | SU | 9,5 | 200 | C03 | | 24,33 | 0,19 | 24,52 | 2026 |
| 6 | PHAN THỊ NGỌC HIỀN | 30/06/2008 | Nữ | 074308001313 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25760 | Phường Bình Dương | TO | 7,1 | VA | 7,3 | SU | 8,9 | 200 | C03 | | 23,3 | 0,22 | 23,52 | 2026 |
| 7 | NGUYỄN THANH NHÀN | 16/07/2008 | Nữ | 074308001333 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25978 | Phường Thuận An | TO | 6,9 | VA | 7,4 | LI | 7,33 | 200 | C01 | | 21,63 | 0,25 | 21,88 | 2026 |
| 8 | BÙI NGUYỄN BẢO NGỌC | 20/11/2008 | Nữ | 038308018817 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25195 | Phường Bình Phước | VA | 8,47 | SU | 8,03 | DI | 8,33 | 200 | C00 | | 24,83 | 0,17 | 25 | 2026 |
| 9 | LÂM DƯƠNG THIÊN NHI | 02/09/2008 | Nữ | 074308019288 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25813 | Phường Bến Cát | VA | 5,97 | SU | 7,6 | DI | 7,3 | 200 | C00 | | 20,87 | 0,25 | 21,12 | 2026 |
| 10 | NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG HỒNG | 25/02/2008 | Nữ | 074308007525 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25978 | Phường Thuận An | VA | 7,73 | SU | 7,53 | DI | 7,43 | 200 | C00 | | 22,69 | 0,24 | 22,93 | 2026 |
| 11 | NGUYỄN THỊ NHƯ Ý | 31/03/2008 | Nữ | 089308018096 | 2NT | | 91 | An Giang | 30604 | Xã Vĩnh An | TO | 7,6 | VA | 7,17 | KTPL | 8 | 200 | C14 | | 22,77 | 0,48 | 23,25 | 2026 |
| 12 | NGUYỄN THỊ THẢO NHI | 06/01/2008 | Nữ | 024308006191 | 2 | | 40 | Nghệ An | 18007 | Xã Yên Trung | VA | 7,63 | N1 | 7,27 | TI | 6,9 | 200 | X79 | | 21,8 | 0,25 | 22,05 | 2026 |
| 13 | TỐNG NGUYỄN GIA NHƯ | 26/02/2008 | Nữ | 038308017158 | 2 | | 38 | Thanh Hoá | 15409 | Xã Yên Phú | TO | 6,33 | VA | 6,67 | SU | 6,5 | 200 | C03 | | 19,5 | 0,25 | 19,75 | 2026 |
| 14 | NGUYỄN CAO ĐÌNH VĨNH | 20/07/2008 | Nam | 058208003319 | 2NT | | 56 | Khánh Hoà | 22861 | Xã Xuân Hải | VA | 5,93 | SU | 7,57 | DI | 7,8 | 200 | C00 | | 21,3 | 0,5 | 21,8 | 2026 |
| 15 | TRỊNH HOÀNG YẾN | 29/11/2008 | Nữ | 037308000555 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25942 | Phường Dĩ An | VA | 7,23 | N1 | 6,47 | TI | 8,17 | 200 | X79 | | 21,87 | 0,25 | 22,12 | 2026 |
| 16 | TRẦN ĐOÀN YẾN NHI | 16/08/2008 | Nữ | 074308000717 | 3 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25942 | Phường Dĩ An | VA | 7,37 | SU | 7,93 | DI | 7,67 | 200 | C00 | | 22,97 | 0 | 22,97 | 2026 |
| 17 | ĐẶNG THỊ TRÚC PHƯƠNG | 13/01/2008 | Nữ | 089308005687 | 2NT | | 91 | An Giang | 30628 | Xã Chợ Mới | VA | 6,6 | N1 | 6,43 | KTPL | 7,37 | 200 | D66 | | 20,4 | 0,5 | 20,9 | 2026 |
| 18 | NGUYỄN LÝ HIẾU NGHĨA | 25/07/2007 | Nữ | 074307003545 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25891 | Phường Tân Khánh | TO | 4,8 | VA | 7,37 | SU | 7,63 | 200 | C03 | | 19,8 | 0,25 | 20,05 | 2025 |
| 19 | LÊ THỊ MỸ HÀ | 22/04/2008 | Nữ | 001308057939 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25969 | Phường Thuận Giao | VA | 6,83 | N1 | 7,37 | TI | 7,47 | 200 | X79 | | 21,67 | 0,25 | 21,92 | 2026 |
| 20 | HỒ QUỐC NAM | 09/03/2008 | Nam | 074208009498 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25432 | Phường Chơn Thành | VA | 6,3 | SU | 7,63 | DI | 7,27 | 200 | C00 | | 21,2 | 0,25 | 21,45 | 2026 |
| 21 | NGUYỄN NHẬT DUY | 17/11/2008 | Nam | 074208002293 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25864 | Xã Phước Thành | VA | 7,1 | SU | 7,23 | DI | 6,93 | 200 | C00 | | 21,26 | 0,5 | 21,76 | 2026 |
| 22 | VÕ THANH HÀ | 30/04/2008 | Nữ | 074308001375 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25891 | Phường Tân Khánh | VA | 5,17 | SU | 5,4 | DI | 5,77 | 200 | C00 | | 16,34 | 0,25 | 16,59 | 2026 |
| 23 | BẢO PHƯỚC QUỐC NAM | 07/10/2008 | Nam | 092208006427 | 2 | | 92 | Cần Thơ | 31120 | Phường Cái Khế | VA | 5,93 | SU | 6,9 | DI | 7,63 | 200 | C00 | | 20,46 | 0,25 | 20,71 | 2026 |

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ-KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

**TS. LS. Nguyễn Thị Thu Hà**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU TS2

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2026*

# DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
## ĐỢT XÉT TUYỂN: TUYỂN SINH ĐỢT 1
## NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 154 /QĐ-ĐHKTKT ngày 14 tháng 08 năm 2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương)*

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | ĐDCN | KV ƯT | ĐT ƯT | Mã tỉnh | Tên tỉnh | Mã quận huyện | Tên quận huyện | Môn 1 | | Môn 2 | | Môn 3 | | Mã PTXT | Mã THM | Điểm lệch | Tổng điểm chưa có ƯT (Thang 30) | Điểm ưu tiên (Thang 30) | Điểm trúng tuyển | Năm TN |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | NGUYỄN THỊ YẾN NHI | 31/03/2008 | Nữ | 074308004615 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25760 | Phường Bình Dương | TO | 5,4 | VA | 7,6 | LI | 6,17 | 200 | C01 | | 19,17 | 0,25 | 19,42 | 2026 |
| 2 | TRẦN LÊ KHANG | 11/10/2008 | Nam | 042208004933 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25975 | Phường An Phú | VA | 7,17 | KTPL | 7,9 | CNCN | 8,1 | 200 | Y08 | | 23,17 | 0,23 | 23,4 | 2026 |
| 3 | LÊ ĐÌNH NHÂN | 26/06/2008 | Nam | 058208005209 | 2 | | 56 | Khánh Hoà | 22834 | Phường Ninh Chử | TO | 6,63 | N1 | 6,9 | TI | 7,5 | 200 | X26 | | 21,03 | 0,25 | 21,28 | 2026 |
| 4 | NGUYỄN THỊ THANH THÚY | 26/04/2008 | Nữ | 074308005471 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25837 | Phường Chánh Phú Hòa | VA | 7,63 | KTPL | 8,37 | CNCN | 7,27 | 200 | Y08 | | 23,27 | 0,45 | 23,72 | 2026 |
| 5 | NGUYỄN THỊ KHẢ MY | 14/07/2008 | Nữ | 074308004498 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25978 | Phường Thuận An | TO | 6,53 | N1 | 6,37 | TI | 7,43 | 200 | X26 | | 20,33 | 0,25 | 20,58 | 2026 |
| 6 | NGUYỄN PHƯƠNG VY | 09/09/2008 | Nữ | 040308012459 | 2 | | 40 | Nghệ An | 17935 | Xã Nam Đàn | VA | 6,93 | KTPL | 7,77 | CNCN | 6,93 | 200 | Y08 | | 21,63 | 0,25 | 21,88 | 2026 |
| 7 | NGUYỄN ANH THƯ | 16/12/2008 | Nữ | 074308007667 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25792 | Xã Long Hòa | VA | 6,7 | KTPL | 7,77 | CNCN | 6,33 | 200 | Y08 | | 20,8 | 0,5 | 21,3 | 2026 |
| 8 | NGUYỄN ANH TUẤN | 12/02/2008 | Nam | 070208008585 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25326 | Phường Bình Long | TO | 5,5 | VA | 6,1 | KTPL | 7,03 | 200 | C14 | | 18,63 | 0,25 | 18,88 | 2026 |
| 9 | LÊ NGUYỄN GIA HÂN | 13/01/2008 | Nữ | 093308008060 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25858 | Xã Phú Giáo | VA | 7,23 | KTPL | 8,33 | CNCN | 7,27 | 200 | Y08 | | 22,83 | 0,24 | 23,07 | 2026 |
| 10 | VŨ THU HƯỜNG | 12/01/2008 | Nữ | 015308007981 | 2 | | 20 | Lạng Sơn | 06616 | Xã Thái Bình | TO | 6,97 | VA | 7,17 | KTPL | 8,4 | 200 | C14 | | 22,54 | 0,25 | 22,79 | 2026 |
| 11 | NGUYỄN HỒ PHƯƠNG VY | 10/09/2008 | Nữ | 074308000662 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25849 | Phường Hòa Lợi | VA | 6,7 | KTPL | 8,23 | CNCN | 7,6 | 200 | Y08 | | 22,53 | 0,25 | 22,78 | 2026 |
| 12 | TRẦN PHẠM THỊ PHƯƠNG THÙY | 08/06/2008 | Nữ | 070308006732 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25195 | Phường Bình Phước | VA | 6,83 | KTPL | 8,27 | CNCN | 7,97 | 200 | Y08 | | 23,07 | 0,23 | 23,3 | 2026 |
| 13 | LÊ PHƯƠNG MAI | 24/01/2008 | Nữ | 070308002360 | 2NT | | 75 | TP. Đồng Nai | 25309 | Xã Hưng Phước | TO | 5,63 | VA | 6,43 | CNCN | 7,07 | 200 | X03 | | 19,13 | 0,5 | 19,63 | 2026 |
| 14 | NGUYỄN THANH SƠN | 21/05/2008 | Nam | 074208005088 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25807 | Xã Thanh An | TO | 6,47 | VA | 6,2 | LI | 6,37 | 200 | C01 | | 19,04 | 0,5 | 19,54 | 2026 |
| 15 | PHẠM THỊ XUÂN NHI | 05/07/2008 | Nữ | 074308006499 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25807 | Xã Thanh An | TO | 7,27 | VA | 6,33 | LI | 6,83 | 200 | C01 | | 20,43 | 0,5 | 20,93 | 2026 |
| 16 | HỒ XUÂN TRƯỜNG | 29/08/2008 | Nam | 038208023545 | 2NT | | 38 | Thanh Hoá | 15127 | Xã Cẩm Thủy | VA | 7,2 | KTPL | 8,13 | CNCN | 8,37 | 200 | Y08 | | 23,7 | 0,42 | 24,12 | 2026 |
| 17 | NGUYỄN THỊ THANH TÂM | 26/08/2008 | Nữ | 074308003584 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25849 | Phường Hòa Lợi | TO | 5,7 | VA | 6,4 | KTPL | 5,93 | 200 | C14 | | 18,03 | 0,25 | 18,28 | 2026 |
| 18 | TRẦN THỊ NGỌC LÂM | 08/11/2008 | Nữ | 074308006228 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25792 | Xã Long Hòa | VA | 6,67 | KTPL | 7,2 | CNCN | 6,37 | 200 | Y08 | | 20,24 | 0,5 | 20,74 | 2026 |
| 19 | NGUYỄN HOA LINH | 16/03/2008 | Nữ | 037308008284 | 2 | | 37 | Ninh Bình | 14608 | Xã Khánh Trung | TO | 6,2 | LI | 6,63 | HO | 6,57 | 200 | A00 | | 19,4 | 0,25 | 19,65 | 2026 |
| 20 | ĐỖ THANH HẰNG | 18/12/2008 | Nữ | 070308008383 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25333 | Phường An Lộc | TO | 6,4 | VA | 6,53 | KTPL | 7,47 | 200 | C14 | | 20,4 | 0,25 | 20,65 | 2026 |
| 21 | NGUYỄN THỊ ANH THƯ | 27/08/2007 | Nữ | 040307025742 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25969 | Phường Thuận Giao | TO | 7,9 | VA | 7,33 | LI | 7,27 | 200 | C01 | | 22,5 | 0,25 | 22,75 | 2026 |
| 22 | LÊ THỊ TUYẾT NGÂN | 10/03/2008 | Nữ | 074308005645 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25837 | Phường Chánh Phú Hòa | TO | 6,03 | VA | 7,5 | LI | 7,77 | 200 | C01 | | 21,3 | 0,5 | 21,8 | 2026 |
| 23 | NGUYỄN THÁI THÙY TRANG | 27/08/2008 | Nữ | 096308011334 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25975 | Phường An Phú | VA | 6,5 | KTPL | 7,83 | CNCN | 7,03 | 200 | Y08 | | 21,36 | 0,25 | 21,61 | 2026 |
| 24 | NGUYỄN THỊ CẨM LY | 19/03/2008 | Nữ | 042308112370 | 3 | | 42 | Hà Tĩnh | 18682 | Xã Yên Hòa | TO | 6,7 | LI | 6,37 | HO | 7,43 | 200 | A00 | | 20,5 | 0 | 20,5 | 2026 |
| 25 | NGUYỄN VĂN PHÁT | 03/12/2008 | Nam | 066208009073 | 1 | | 66 | Đắk Lắk | 24301 | Xã Cuôr Đăng | TO | 6,43 | HO | 7,7 | N1 | 6,83 | 200 | D07 | | 20,96 | 0,75 | 21,71 | 2026 |
| 26 | NGÔ QUANG TRƯỜNG | 12/03/2008 | Nam | 091208007706 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25837 | Phường Chánh Phú Hòa | TO | 7,7 | VA | 7,2 | CNCN | 7,63 | 200 | X03 | | 22,53 | 0,25 | 22,78 | 2026 |
| 27 | LÊ THỊ THANH VY | 27/02/2008 | Nữ | 074308005115 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25777 | Xã Dầu Tiếng | TO | 6,2 | VA | 6,8 | LI | 6,53 | 200 | C01 | | 19,53 | 0,5 | 20,03 | 2026 |
| 28 | NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG | 11/04/2008 | Nữ | 074308001585 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25813 | Phường Bến Cát | VA | 7,23 | KTPL | 8,63 | CNCN | 7,97 | 200 | Y08 | | 23,83 | 0,21 | 24,04 | 2026 |
| 29 | LƯU VĂN THÀNH LONG | 11/09/2008 | Nam | 074208009667 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25867 | Xã An Long | VA | 5,9 | KTPL | 7,17 | CNCN | 6,67 | 200 | Y08 | | 19,74 | 0,5 | 20,24 | 2026 |
| 30 | CAO THỊ MINH DUYÊN | 28/01/2008 | Nữ | 074308003606 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25882 | Xã Phước Hòa | TO | 6,4 | VA | 7,37 | N1 | 6,6 | 200 | D01 | | 20,37 | 0,5 | 20,87 | 2026 |
| 31 | NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG | 18/06/2008 | Nữ | 075308016906 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 26089 | Phường Bình Lộc | VA | 6,8 | KTPL | 7,3 | CNCN | 7,13 | 200 | Y08 | | 21,23 | 0,25 | 21,48 | 2026 |
| 32 | NGUYỄN ĐĂNG NAM | 23/06/2008 | Nam | 038208000475 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25912 | Phường Vĩnh Tân | TO | 6,73 | VA | 6,53 | KTPL | 8,43 | 200 | C14 | | 21,69 | 0,25 | 21,94 | 2026 |
| 33 | TRẦN DIỆU LINH | 26/09/2008 | Nữ | 036308017457 | 2 | | 37 | Ninh Bình | 14248 | Xã Hải Hưng | TO | 6,27 | VA | 6,67 | LI | 6,17 | 200 | C01 | | 19,11 | 0,25 | 19,36 | 2026 |
| 34 | HỒ THỊ MINH THUỲ | 11/09/2008 | Nữ | 070308004192 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25441 | Phường Minh Hưng | TO | 6,97 | N1 | 7 | TI | 8 | 200 | X26 | | 21,97 | 0,25 | 22,22 | 2026 |
| 35 | PHẠM KHÁNH DUY | 02/01/2008 | Nam | 074208005995 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25912 | Phường Vĩnh Tân | TO | 6,3 | DI | 8,87 | N1 | 6,53 | 200 | D10 | | 21,7 | 0,25 | 21,95 | 2026 |
| 36 | TRẦN THỊ MỸ TÂM | 15/03/2008 | Nữ | 070308006035 | 2NT | | 75 | TP. Đồng Nai | 25252 | Xã Phú Riềng | TO | 7,13 | N1 | 7,37 | TI | 8,03 | 200 | X26 | | 22,53 | 0,5 | 23,03 | 2026 |
| 37 | NGUYỄN THÁI BẢO | 10/10/2007 | Nam | 038207001903 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25888 | Phường Tân Uyên | TO | 5,7 | LI | 6,27 | HO | 6,5 | 200 | A00 | | 18,47 | 0,25 | 18,72 | 2026 |
| 38 | HỒ QUYẾT TRUNG | 08/03/2008 | Nam | 064208002395 | 2 | | 52 | Gia Lai | 23584 | Phường Thống Nhất | TO | 8,2 | N1 | 8,1 | TI | 8,47 | 200 | X26 | | 24,77 | 0,17 | 24,94 | 2026 |
| 39 | HÀ MINH HIẾU | 01/08/2008 | Nam | 037208009792 | 3 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25969 | Phường Thuận Giao | TO | 6,87 | VA | 7,6 | KTPL | 7,7 | 200 | C14 | | 22,17 | 0 | 22,17 | 2026 |
| 40 | BÙI PHƯƠNG VY | 25/06/2008 | Nữ | 074308000110 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25945 | Phường Tân Đông Hiệp | VA | 6,23 | KTPL | 8,2 | CNCN | 6,93 | 200 | Y08 | | 21,36 | 0,25 | 21,61 | 2026 |

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | ĐDCN | KV UT | ĐT UT | Mã tỉnh | Tên tỉnh | Mã quận huyện | Tên quận huyện | Môn 1 | | Môn 2 | | Môn 3 | | Mã PTXT | Mã THM | Điểm lệch | Tổng điểm chưa có UT (Thang 30) | Điểm ưu tiên (Thang 30) | Điểm trúng tuyển | Năm TN |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 41 | NGUYỄN THỊ SỐNG | 26/03/2008 | Nữ | 074308005688 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25837 | Phường Chánh Phú Hòa | TO | 5,13 | VA | 8 | KTPL | 7,93 | 200 | C14 | | 21,06 | 0,5 | 21,56 | 2026 |
| 42 | NGUYỄN HƯƠNG GIANG | 01/06/2008 | Nữ | 079308047662 | 2 | | 82 | Đồng Tháp | 30184 | Xã Tân Khánh Trung | VA | 7,1 | KTPL | 8,33 | CNCN | 7,63 | 200 | Y08 | | 23,06 | 0,23 | 23,29 | 2026 |
| 43 | TRẦN NGỌC YẾN NHI | 08/09/2008 | Nữ | 060308002079 | 2 | | 68 | Lâm Đồng | 22933 | Phường Hàm Thắng | TO | 6,77 | N1 | 6,23 | KTPL | 7,73 | 200 | D84 | | 20,73 | 0,25 | 20,98 | 2026 |
| 44 | NGUYỄN QUỐC THỊNH | 06/10/2008 | Nam | 089208023369 | 2NT | | 91 | An Giang | 30463 | Xã Châu Phú | TO | 7,4 | VA | 7,73 | KTPL | 7,7 | 200 | C14 | | 22,83 | 0,48 | 23,31 | 2026 |
| 45 | TRẦN PHƯƠNG HỒNG | 23/03/2008 | Nữ | 096308006745 | 1 | | 96 | Cà Mau | 32083 | Xã Tân Lộc | VA | 7,27 | KTPL | 8,43 | CNCN | 9,1 | 200 | Y08 | | 24,8 | 0,52 | 25,32 | 2026 |
| 46 | TRẦN QUANG HẢI ĐĂNG | 03/02/2008 | Nam | 046208001845 | 3 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25966 | Phường Lái Thiêu | TO | 6,13 | VA | 6,23 | KTPL | 7,37 | 200 | C14 | | 19,73 | 0 | 19,73 | 2026 |
| 47 | TRỊNH VĂN GIA KIỆT | 27/12/2008 | Nam | 038208026496 | 2 | | 38 | Thanh Hoá | 15574 | Xã Xuân Tín | TO | 5,17 | N1 | 6,73 | TI | 6,53 | 200 | X26 | | 18,43 | 0,25 | 18,68 | 2026 |
| 48 | MAI THỊ MỸ HẠNH | 30/09/2008 | Nữ | 074308000239 | 3 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25813 | Phường Bến Cát | TO | 6,73 | N1 | 6,7 | TI | 8,7 | 200 | X26 | | 22,13 | 0 | 22,13 | 2026 |
| 49 | NGÔ GIA HUY | 22/08/2008 | Nam | 070208008260 | 2NT | | 75 | TP. Đồng Nai | 25280 | Xã Lộc Thạnh | TO | 7,3 | LI | 6,83 | HO | 6,87 | 200 | A00 | | 21 | 0,5 | 21,5 | 2026 |
| 50 | TĂNG THIÊN QUÝ | 01/11/2008 | Nam | 074208004260 | 2 | 05a | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25966 | Phường Lái Thiêu | VA | 6,17 | KTPL | 6,9 | CNCN | 6,83 | 200 | Y08 | | 19,9 | 1,25 | 21,15 | 2026 |
| 51 | PHẠM ĐỨC AN AN | 18/04/2008 | Nam | 038208022335 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25760 | Phường Bình Dương | TO | 5,73 | N1 | 5,53 | TI | 7,3 | 200 | X26 | | 18,56 | 0,25 | 18,81 | 2026 |
| 52 | HOÀNG GIA HUY | 18/09/2008 | Nam | 074208005875 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25750 | Phường Phú Lợi | TO | 4,87 | VA | 5,5 | LI | 5,77 | 200 | C01 | | 16,14 | 0,25 | 16,39 | 2026 |
| 53 | NGUYỄN VĂN TIỀN | 01/05/2008 | Nam | 074208008255 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25792 | Xã Long Hòa | TO | 6,47 | VA | 5,87 | KTPL | 7,7 | 200 | C14 | | 20,04 | 0,5 | 20,54 | 2026 |
| 54 | TRẦN ANH ĐỨC | 02/10/2008 | Nam | 042208010175 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25849 | Phường Hòa Lợi | TO | 4,47 | DI | 7,83 | N1 | 6,07 | 200 | D10 | | 18,37 | 0,25 | 18,62 | 2026 |
| 55 | NGUYỄN TẤN GIÀU | 12/06/2008 | Nam | 072208005055 | 2NT | | 80 | Tây Ninh | 25666 | xã Truông Mít | TO | 7,33 | VA | 6,5 | KTPL | 8,27 | 200 | C14 | | 22,1 | 0,5 | 22,6 | 2026 |
| 56 | TRẦN TUYẾT MAI | 10/09/2008 | Nữ | 074308001279 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25969 | Phường Thuận Giao | TO | 6,8 | VA | 7,7 | KTPL | 8,13 | 200 | C14 | | 22,63 | 0,25 | 22,88 | 2026 |
| 57 | NGUYỄN TIẾN MINH | 13/12/2008 | Nam | 074208011523 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25750 | Phường Phú Lợi | TO | 4,57 | VA | 6,07 | KTPL | 6,97 | 200 | C14 | | 17,61 | 0,25 | 17,86 | 2026 |
| 58 | NGUYỄN THỊ THANH MAI | 21/12/2008 | Nữ | 074308003773 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25807 | Xã Thanh An | TO | 5,4 | VA | 6,13 | LI | 6,47 | 200 | C01 | | 18 | 0,5 | 18,5 | 2026 |

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ-KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

**TS. LS Nguyễn Thị Thu Hà**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**MẪU TS2**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2026*

# DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
## ĐỢT XÉT TUYỂN: TUYỂN SINH ĐỢT 1
## NGÀNH: MARKETING

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 154 /QĐ-ĐHKTKT ngày 14 tháng 08 năm 2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương)*

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | ĐDCN | KV ƯT | ĐT ƯT | Mã tỉnh | Tên tỉnh | Mã quận huyện | Tên quận huyện | Môn 1 | | Môn 2 | | Môn 3 | | Mã PTXT | Mã THM | Điểm lệch | Tổng điểm chưa có ƯT (Thang 30) | Điểm ưu tiên (Thang 30) | Điểm trúng tuyển | Năm TN |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | NGUYỄN THỊ YẾN NHI | 20/05/2008 | Nữ | 070308007081 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25975 | Phường An Phú | TO | 5,07 | VA | 6,33 | LI | 5,2 | 200 | C01 | | 16,6 | 0,25 | 16,85 | 2026 |
| 2 | TRỊNH THỊ PHƯƠNG ANH | 27/08/2008 | Nữ | 037308007248 | 2 | | 37 | Ninh Bình | 14674 | Xã Lai Thành | VA | 7,53 | KTPL | 7,63 | CNCN | 8,2 | 200 | Y08 | | 23,36 | 0,22 | 23,58 | 2026 |
| 3 | LÊ HỒNG TRANG | 13/06/2008 | Nữ | 094308001743 | 2NT | | 75 | TP. Đồng Nai | 25432 | Phường Chơn Thành | TO | 6,97 | VA | 7,6 | KTPL | 8 | 200 | C14 | | 22,57 | 0,5 | 23,07 | 2026 |
| 4 | NGUYỄN THỊ NHƯ NGỌC | 16/12/2008 | Nữ | 074308007169 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25969 | Phường Thuận Giao | TO | 8,77 | VA | 6,67 | LI | 7,53 | 200 | C01 | | 22,97 | 0,23 | 23,2 | 2026 |
| 5 | PHẠM NGỌC THIỀM | 12/09/2008 | Nữ | 054308000292 | 2NT | | 66 | Đắk Lắk | 22319 | Xã Phú Hòa 1 | TO | 5,23 | VA | 6,77 | KTPL | 7,9 | 200 | C14 | | 19,9 | 0,5 | 20,4 | 2026 |
| 6 | NGUYỄN THỊ THANH THUÝ | 01/06/2007 | Nữ | 066307010691 | 2 | | 66 | Đắk Lắk | 24305 | Phường Buôn Hồ | TO | 6,57 | VA | 6,93 | KTPL | 6,87 | 200 | C14 | | 20,37 | 0,25 | 20,62 | 2026 |
| 7 | NGUYỄN NGỌC HÀ | 18/03/2008 | Nữ | 072308007091 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25891 | Phường Tân Khánh | VA | 6,5 | KTPL | 7,23 | CNCN | 7,5 | 200 | Y08 | | 21,23 | 0,25 | 21,48 | 2026 |
| 8 | NGUYỄN HỒ BẢO NGỌC | 23/11/2008 | Nữ | 079308013312 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25945 | Phường Tân Đông Hiệp | TO | 5,3 | VA | 7,4 | KTPL | 7,93 | 200 | C14 | | 20,63 | 0,25 | 20,88 | 2026 |
| 9 | LÊ NGỌC ÁNH DƯƠNG | 15/01/2008 | Nữ | 058308005046 | 2 | | 56 | Khánh Hoà | 22870 | Xã Ninh Phước | TO | 7,47 | VA | 7,2 | CNCN | 8,17 | 200 | X03 | | 22,84 | 0,24 | 23,08 | 2026 |
| 10 | NINH NGUYỄN BẢO NGỌC | 15/05/2007 | Nữ | 037307000770 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25975 | Phường An Phú | VA | 6,57 | KTPL | 7,1 | CNCN | 7,5 | 200 | Y08 | | 21,17 | 0,25 | 21,42 | 2026 |
| 11 | NGUYỄN LÊ KIM NGÂN | 25/12/2008 | Nữ | 074308001612 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25768 | Phường Phú An | TO | 4,37 | VA | 7,33 | KTPL | 6,27 | 200 | C14 | | 17,97 | 0,25 | 18,22 | 2026 |
| 12 | NGUYỄN THỊ MINH THƯ | 24/01/2008 | Nữ | 058308000164 | 2NT | | 56 | Khánh Hoà | 22813 | Xã Lâm Sơn | TO | 6,83 | VA | 6,43 | KTPL | 7,1 | 200 | C14 | | 20,36 | 0,5 | 20,86 | 2026 |
| 13 | VŨ TUẤN ANH | 02/06/2008 | Nam | 034208007833 | 1 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25450 | Xã Nha Bích | TO | 6,8 | N1 | 5,67 | TI | 7,17 | 200 | X26 | | 19,64 | 0,75 | 20,39 | 2026 |
| 14 | TẠ HUỲNH NGỌC MỸ | 06/08/2008 | Nữ | 052308009444 | 2 | | 52 | Gia Lai | 21640 | Phường Bồng Sơn | VA | 7,47 | KTPL | 8,37 | CNCN | 8,77 | 200 | Y08 | | 24,61 | 0,18 | 24,79 | 2026 |
| 15 | TRẦN HOÀNG BẢO CHÂU | 14/01/2008 | Nữ | 074308003464 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25846 | Phường Thới Hòa | TO | 7,47 | N1 | 7,33 | TI | 8,97 | 200 | X26 | | 23,77 | 0,21 | 23,98 | 2026 |
| 16 | LÊ VĂN HIẾU | 05/11/2007 | Nam | 070207011083 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25432 | Phường Chơn Thành | TO | 5,8 | DI | 6,87 | N1 | 6,2 | 200 | D10 | | 18,87 | 0,25 | 19,12 | 2026 |
| 17 | ĐOÀN MINH TÂN | 11/09/2008 | Nam | 074208006815 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25987 | Phường Bình Hòa | TO | 6,03 | VA | 6,6 | KTPL | 7,03 | 200 | C14 | | 19,66 | 0,25 | 19,91 | 2026 |
| 18 | NGUYỄN THỊ YẾN | 26/04/2007 | Nữ | 036307001164 | 2 | | 37 | Ninh Bình | 13939 | Xã Quỹ Nhất | TO | 6,37 | VA | 7,43 | CNCN | 7,67 | 200 | X03 | | 21,47 | 0,25 | 21,72 | 2026 |
| 19 | ĐỖ THỊ THÙY DƯƠNG | 18/03/2008 | Nữ | 074308009747 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25858 | Xã Phú Giáo | TO | 5,4 | VA | 7,1 | LI | 5,9 | 200 | C01 | | 18,4 | 0,5 | 18,9 | 2026 |
| 20 | LÊ THỊ THÙY DƯƠNG | 18/10/2006 | Nữ | 074306000404 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25888 | Phường Tân Uyên | TO | 6,1 | VA | 6,77 | KTPL | 7,5 | 200 | C14 | | 20,37 | 0,25 | 20,62 | 2026 |
| 21 | LƯU PHÚC THỊNH | 08/11/2007 | Nam | 074207001560 | 2 | 05a | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25777 | Xã Dầu Tiếng | TO | 7,43 | LI | 6,93 | HO | 6,83 | 200 | A00 | | 21,19 | 1,25 | 22,44 | 2026 |
| 22 | NGUYỄN THỊ KIM CƯƠNG | 23/10/2008 | Nữ | 051308012280 | 2NT | | 51 | Quảng Ngãi | 21451 | Phường Trà Câu | TO | 6,57 | N1 | 6,57 | TI | 8,03 | 200 | X26 | | 21,17 | 0,5 | 21,67 | 2026 |
| 23 | NGUYỄN BÌNH PHƯƠNG NGÂN | 07/08/2008 | Nữ | 056308003223 | 2 | | 56 | Khánh Hoà | 22528 | Phường Ninh Hòa | VA | 7,57 | KTPL | 8,17 | CNCN | 8,17 | 200 | Y08 | | 23,91 | 0,2 | 24,11 | 2026 |
| 24 | PHAN THỊ KIM NGÂN | 19/04/2008 | Nữ | 074308001453 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25882 | Xã Phước Hòa | VA | 7,2 | KTPL | 7,13 | CNCN | 6,6 | 200 | Y08 | | 20,93 | 0,5 | 21,43 | 2026 |
| 25 | HỒ HUỲNH QUỲNH NHƯ | 01/07/2008 | Nữ | 064308007606 | 1 | | 52 | Gia Lai | 23799 | Xã Hra | TO | 8,3 | LI | 8,63 | HO | 8,1 | 200 | A00 | | 25,03 | 0,5 | 25,53 | 2026 |
| 26 | NGUYỄN GIA PHÚC | 19/03/2008 | Nam | 042208005424 | 2 | | 42 | Hà Tĩnh | 18682 | Xã Yên Hòa | TO | 5,5 | VA | 6,7 | KTPL | 6,87 | 200 | C14 | | 19,07 | 0,25 | 19,32 | 2026 |
| 27 | VŨ THỊ HỒNG NGỌC | 31/10/2008 | Nữ | 075308020978 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25882 | Xã Phước Hòa | TO | 5 | VA | 7,33 | LI | 6,13 | 200 | C01 | | 18,46 | 0,5 | 18,96 | 2026 |
| 28 | DƯƠNG CHÍ HUY | 09/12/2008 | Nam | 074208008268 | 3 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25891 | Phường Tân Khánh | TO | 6,93 | N1 | 6,77 | KTPL | 8,17 | 200 | D84 | | 21,87 | 0 | 21,87 | 2026 |
| 29 | CAO THỊ QUỲNH NHƯ | 24/04/2008 | Nữ | 074308000263 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25760 | Phường Bình Dương | TO | 7,5 | VA | 6,6 | LI | 7,23 | 200 | C01 | | 21,33 | 0,25 | 21,58 | 2026 |
| 30 | DƯƠNG PHẠM HÀ MY | 15/09/2008 | Nữ | 038308001249 | 2 | | 38 | Thanh Hoá | 15820 | Xã Thiệu Toán | TO | 6,97 | LI | 6,73 | HO | 7,3 | 200 | A00 | | 21 | 0,25 | 21,25 | 2026 |
| 31 | NGUYỄN CHÂN HUY | 28/01/2008 | Nam | 074208009481 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25846 | Phường Thới Hòa | TO | 6,33 | VA | 6,5 | KTPL | 8,5 | 200 | C14 | | 21,33 | 0,25 | 21,58 | 2026 |
| 32 | PHẠM MINH THÀNH | 25/09/2008 | Nam | 074208009453 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25760 | Phường Bình Dương | TO | 6,2 | N1 | 5,63 | TI | 8,23 | 200 | X26 | | 20,06 | 0,25 | 20,31 | 2026 |
| 33 | PHẠM MINH HUY | 08/06/2008 | Nam | 093208003365 | 2 | | 92 | Cần Thơ | 31495 | Xã Xà Phiên | TO | 6,13 | DI | 7,3 | N1 | 4,9 | 200 | D10 | | 18,33 | 0,25 | 18,58 | 2026 |
| 34 | LÂM TÂM NHƯ | 08/04/2008 | Nữ | 052308001455 | 2NT | | 75 | TP. Đồng Nai | 25363 | Xã Đồng Phú | TO | 7,3 | N1 | 6,87 | TI | 8,3 | 200 | X26 | | 22,47 | 0,5 | 22,97 | 2026 |
| 35 | ĐINH THUẬN PHÚ | 30/10/2008 | Nam | 070208008066 | 1 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25267 | Xã Phú Nghĩa | TO | 6,93 | HO | 6,03 | N1 | 6,03 | 200 | D07 | | 18,99 | 0,75 | 19,74 | 2026 |
| 36 | TRẦN THỊ NGỌC DIỆP | 26/10/2008 | Nữ | 093308000219 | 2 | | 92 | Cần Thơ | 31432 | Xã Tân Phước Hưng | TO | 7,43 | VA | 6,97 | LI | 6,87 | 200 | C01 | | 21,27 | 0,25 | 21,52 | 2026 |
| 37 | NGUYỄN MINH ĐẠT | 29/06/2007 | Nam | 074207009628 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25906 | Xã Bắc Tân Uyên | TO | 6,47 | VA | 7,1 | N1 | 6,87 | 200 | D01 | | 20,44 | 0,5 | 20,94 | 2026 |
| 38 | HOÀNG THỊ PHƯƠNG NHI | 05/10/2008 | Nữ | 070308007057 | 1 | 01 | 75 | TP. Đồng Nai | 25318 | Xã Tân Tiến | TO | 6,13 | VA | 7,5 | KTPL | 8,03 | 200 | C14 | | 21,66 | 2,75 | 24,41 | 2026 |
| 39 | BÙI THẢO NGÂN | 25/05/2008 | Nữ | 070308007922 | 1 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25261 | Xã Phú Trung | TO | 7,27 | N1 | 7,07 | TI | 8,83 | 200 | X26 | | 23,17 | 0,68 | 23,85 | 2026 |
| 40 | PHAN THỊ THU HỒNG | 21/01/2008 | Nữ | 075308009850 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 26068 | Phường Biên Hòa | TO | 6,1 | VA | 7,57 | KTPL | 7,37 | 200 | C14 | | 21,04 | 0,25 | 21,29 | 2026 |

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | ĐDCN | KV ƯT | ĐT ƯT | Mã tỉnh | Tên tỉnh | Mã quận huyện | Tên quận huyện | Môn 1 | | Môn 2 | | Môn 3 | | Mã PTXT | Mã THM | Điểm lệch | Tổng điểm chưa có ƯT (Thang 30) | Điểm ưu tiên (Thang 30) | Điểm trúng tuyển | Năm TN |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 41 | LÊ ĐÌNH ĐÌNH | 02/11/2008 | Nữ | 038308004455 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25915 | Phường Bình Cơ | TO | 6,97 | VA | 7,33 | LI | 7,23 | 200 | C01 | | 21,53 | 0,25 | 21,78 | 2026 |
| 42 | NGUYỄN THỊ KIỀU OANH | 17/09/2008 | Nữ | 074308002534 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25942 | Phường Dĩ An | TO | 6,93 | LI | 7,1 | HO | 6,53 | 200 | A00 | | 20,56 | 0,25 | 20,81 | 2026 |
| 43 | TRỊNH THỊ MAI CHI | 23/03/2008 | Nữ | 036308018180 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25975 | Phường An Phú | TO | 6,03 | VA | 6,83 | N1 | 6,37 | 200 | D01 | | 19,23 | 0,25 | 19,48 | 2026 |
| 44 | NGUYỄN HỒNG THẢO | 28/05/2007 | Nữ | 096307000452 | 2 | | 96 | Cà Mau | 32214 | Xã Phú Mỹ | TO | 5,57 | DI | 7,37 | N1 | 5,63 | 200 | D10 | | 18,57 | 0,25 | 18,82 | 2026 |
| 45 | ĐỖ MAI TRANG | 25/04/2008 | Nữ | 075308007130 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25760 | Phường Bình Dương | TO | 6,87 | VA | 7,33 | LI | 7,13 | 200 | C01 | | 21,33 | 0,25 | 21,58 | 2026 |
| 46 | NGUYỄN BÁ CÔNG | 22/08/2008 | Nam | 070208009581 | 2NT | | 75 | TP. Đồng Nai | 25363 | Xã Đồng Phú | TO | 5,87 | N1 | 4,73 | TI | 7,5 | 200 | X26 | | 18,1 | 0,5 | 18,6 | 2026 |
| 47 | THẠCH TƯỜNG VY | 26/05/2008 | Nữ | 086308006958 | 2 | | 86 | Vĩnh Long | 29602 | Xã Long Hồ | TO | 6,5 | VA | 7,03 | CNCN | 6,9 | 200 | X03 | | 20,43 | 0,25 | 20,68 | 2026 |
| 48 | NGUYỄN LÊ KIỀU VY | 22/08/2008 | Nữ | 074308007549 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25882 | Xã Phước Hòa | TO | 6,67 | LI | 6,43 | HO | 7,13 | 200 | A00 | | 20,23 | 0,5 | 20,73 | 2026 |
| 49 | NGUYỄN THẢO TÚ QUỲNH | 15/12/2008 | Nữ | 074308008157 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25978 | Phường Thuận An | TO | 7,43 | VA | 7,6 | LI | 7,3 | 200 | C01 | | 22,33 | 0,25 | 22,58 | 2026 |
| 50 | NGÔ THỊ BÍCH NGÀ | 20/10/2008 | Nữ | 087308017331 | 2 | | 82 | Đồng Tháp | 29955 | Phường Hồng Ngự | TO | 5,23 | VA | 5,5 | LI | 5,97 | 200 | C01 | | 16,7 | 0,25 | 16,95 | 2026 |
| 51 | ĐẶNG NGUYỄN TÚ NHƯ | 21/04/2008 | Nữ | 054308004323 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25760 | Phường Bình Dương | TO | 5,83 | VA | 5,97 | CNCN | 7,53 | 200 | X03 | | 19,33 | 0,25 | 19,58 | 2026 |
| 52 | LÊ THỊ HỒNG NHUNG | 16/12/2008 | Nữ | 070308007013 | 2NT | | 75 | TP. Đồng Nai | 25363 | Xã Đồng Phú | TO | 6,67 | N1 | 6,1 | TI | 7,9 | 200 | X26 | | 20,67 | 0,5 | 21,17 | 2026 |
| 53 | NGUYỄN YẾN NGỌC | 22/02/2008 | Nữ | 070308000144 | 2NT | | 75 | TP. Đồng Nai | 25387 | Xã Thuận Lợi | TO | 6,4 | VA | 7,03 | KTPL | 6,9 | 200 | C14 | | 20,33 | 0,5 | 20,83 | 2026 |
| 54 | ĐỖ THỊ BÍCH TÌNH | 13/01/2008 | Nữ | 074308003526 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25837 | Phường Chánh Phú Hòa | TO | 6,07 | VA | 8,23 | KTPL | 7,33 | 200 | C14 | | 21,63 | 0,5 | 22,13 | 2026 |
| 55 | PHẠM NGUYỄN HÀ TIÊN | 28/03/2008 | Nữ | 042308112446 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25840 | Phường Long Nguyên | TO | 6,93 | VA | 7,47 | LI | 6,97 | 200 | C01 | | 21,37 | 0,25 | 21,62 | 2026 |
| 56 | HUỲNH KHẢ MY | 04/10/2008 | Nữ | 074308006936 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25969 | Phường Thuận Giao | TO | 5,7 | N1 | 5,97 | TI | 7,3 | 200 | X26 | | 18,97 | 0,25 | 19,22 | 2026 |
| 57 | NGUYỄN THỊ LINH PHƯƠNG | 27/07/2008 | Nữ | 034308007041 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25975 | Phường An Phú | VA | 6,17 | KTPL | 7,43 | CNCN | 7,3 | 200 | Y08 | | 20,9 | 0,25 | 21,15 | 2026 |
| 58 | LƯƠNG NHẬT LAN ANH | 19/10/2008 | Nữ | 054308005734 | 2 | | 66 | Đắk Lắk | 22240 | Phường Phú Yên | TO | 6,53 | VA | 7,1 | CNCN | 7,93 | 200 | X03 | | 21,56 | 0,25 | 21,81 | 2026 |

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ-KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

TS. LS. Nguyễn Thị Thu Hà

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU TS2

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2026*

# DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
## ĐỢT XÉT TUYỂN: TUYỂN SINH ĐỢT 1
## NGÀNH: TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 154/QĐ-ĐHKTKT ngày 14 tháng 08 năm 2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương)*

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | ĐĐCN | KV ƯT | ĐT ƯT | Mã tỉnh | Tên tỉnh | Mã quận huyện | Tên quận huyện | Môn 1 | | Môn 2 | | Môn 3 | | Mã PTXT | Mã THM | Điểm lệch | Tổng điểm chưa có ƯT (Thang 30) | Điểm ưu tiên (Thang 30) | Điểm trúng tuyển | Năm TN |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | NGUYỄN QUỲNH NHƯ | 28/02/2008 | Nữ | 075308007780 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 26068 | Phường Biên Hòa | TO | 8,07 | HO | 8,23 | N1 | 7,5 | 200 | D07 | | 23,8 | 0,21 | 24,01 | 2026 |
| 2 | DƯƠNG THÙY VY | 14/08/2008 | Nữ | 074308009168 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25888 | Phường Tân Uyên | TO | 5,8 | VA | 6,37 | LI | 5,63 | 200 | C01 | | 17,8 | 0,25 | 18,05 | 2026 |
| 3 | MAI NGUYỄN LAN ANH | 28/02/2008 | Nữ | 074308001178 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25858 | Xã Phú Giáo | TO | 6,6 | VA | 6,07 | KTPL | 7,33 | 200 | C14 | | 20 | 0,5 | 20,5 | 2026 |
| 4 | VŨ LÊ AN THƯ | 14/12/2008 | Nữ | 070308010331 | 2NT | | 75 | TP. Đồng Nai | 25280 | Xã Lộc Thạnh | TO | 6,23 | DI | 7,5 | N1 | 5,97 | 200 | D10 | | 19,7 | 0,5 | 20,2 | 2026 |
| 5 | PHẠM ĐẠI NAM | 21/11/2008 | Nam | 074208001196 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25867 | Xã An Long | TO | 7,37 | LI | 7,33 | HO | 7,67 | 200 | A00 | | 22,37 | 0,5 | 22,87 | 2026 |
| 6 | NGUYỄN HOÀNG THÁI CƯỜNG | 08/12/2008 | Nam | 074208002131 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25777 | Xã Dầu Tiếng | TO | 6,93 | LI | 6,9 | HO | 6,7 | 200 | A00 | | 20,53 | 0,5 | 21,03 | 2026 |
| 7 | CHU THỊ THANH NGÂN | 15/02/2008 | Nữ | 074308008275 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25792 | Xã Long Hòa | TO | 7,17 | LI | 7,33 | HO | 7,1 | 200 | A00 | | 21,6 | 0,5 | 22,1 | 2026 |
| 8 | NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN | 15/08/2008 | Nữ | 054308007038 | 2NT | | 66 | Đắk Lắk | 22319 | Xã Phú Hòa 1 | TO | 6,3 | VA | 7,43 | KTPL | 7,7 | 200 | C14 | | 21,43 | 0,5 | 21,93 | 2026 |
| 9 | HUỲNH NGUYỄN YẾN NHI | 05/01/2008 | Nữ | 079308011882 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 27559 | Xã Hóc Môn | TO | 6,4 | DI | 8,8 | N1 | 6,93 | 200 | D10 | | 22,13 | 0,25 | 22,38 | 2026 |
| 10 | NGUYỄN HÙNG CƯỜNG | 21/06/2008 | Nam | 095208010997 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25840 | Phường Long Nguyên | VA | 6,17 | KTPL | 7,93 | CNCN | 7,03 | 200 | Y08 | | 21,13 | 0,25 | 21,38 | 2026 |
| 11 | PHẠM NGỌC XUÂN THỦY | 29/03/2008 | Nữ | 074308005542 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25920 | Phường Tân Hiệp | TO | 6,13 | VA | 6,53 | CNCN | 7,77 | 200 | X03 | | 20,43 | 0,25 | 20,68 | 2026 |
| 12 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG VY | 09/11/2007 | Nữ | 074307003772 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25891 | Phường Tân Khánh | TO | 7,73 | VA | 7,4 | LI | 5,83 | 200 | C01 | | 20,96 | 0,25 | 21,21 | 2026 |
| 13 | LÊ NGỌC YẾN VY | 26/03/2008 | Nữ | 074308006866 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25978 | Phường Thuận An | TO | 6,57 | DI | 8,83 | N1 | 6,73 | 200 | D10 | | 22,13 | 0,25 | 22,38 | 2026 |
| 14 | ĐẶNG QUỲNH NHƯ | 20/03/2008 | Nữ | 054308002528 | 2NT | | 66 | Đắk Lắk | 22303 | Xã Phú Hòa 2 | TO | 6,5 | VA | 7,73 | CNCN | 8,03 | 200 | X03 | | 22,26 | 0,5 | 22,76 | 2026 |
| 15 | ĐÀO KIM NGỌC | 04/06/2007 | Nữ | 089307014032 | 2 | | 91 | An Giang | 30307 | Phường Long Xuyên | TO | 6 | LI | 5,9 | HO | 6,8 | 200 | A00 | | 18,7 | 0,25 | 18,95 | 2026 |
| 16 | NGÔ TRẦN ÁNH DƯƠNG | 05/10/2008 | Nữ | 054308003393 | 2NT | | 66 | Đắk Lắk | 22285 | Xã Hòa Mỹ | TO | 8,2 | N1 | 7,17 | KTPL | 8,43 | 200 | D84 | | 23,8 | 0,41 | 24,21 | 2026 |
| 17 | TRẦN THỊ THU THỦY | 10/12/2008 | Nữ | 074308010169 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25840 | Phường Long Nguyên | TO | 5,73 | VA | 6,07 | LI | 6,07 | 200 | C01 | | 17,87 | 0,25 | 18,12 | 2026 |
| 18 | ĐÀM THỊ THU HỒNG | 29/08/2008 | Nữ | 025308001241 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25843 | Phường Tây Nam | TO | 5,5 | VA | 6,6 | KTPL | 6,93 | 200 | C14 | | 19,03 | 0,25 | 19,28 | 2026 |
| 19 | HUỲNH HOÀNG LINH | 01/01/2008 | Nữ | 052308001453 | 2NT | | 52 | Gia Lai | 21688 | Xã Hoài Ân | TO | 6,7 | VA | 6,8 | KTPL | 8,53 | 200 | C14 | | 22,03 | 0,5 | 22,53 | 2026 |
| 20 | TRƯƠNG QUỐC THÁI | 16/01/2008 | Nam | 074208008168 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25891 | Phường Tân Khánh | TO | 6,77 | VA | 6,5 | KTPL | 7,63 | 200 | C14 | | 20,9 | 0,25 | 21,15 | 2026 |
| 21 | ĐOÀN THỊ TRUNG THU | 22/12/2008 | Nữ | 074308006747 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25882 | Xã Phước Hòa | VA | 7,27 | KTPL | 7,53 | CNCN | 6,23 | 200 | Y08 | | 21,03 | 0,5 | 21,53 | 2026 |
| 22 | LÊ THỊ HỒNG MAI | 31/10/2008 | Nữ | 089308021266 | 2NT | | 91 | An Giang | 30595 | Xã Cần Đăng | TO | 7,37 | VA | 7,53 | LI | 7,03 | 200 | C01 | | 21,93 | 0,5 | 22,43 | 2026 |
| 23 | BÙI TUẤN KHANG | 27/03/2008 | Nam | 070208002505 | 2NT | | 75 | TP. Đồng Nai | 25279 | Xã Lộc Tấn | TO | 6,77 | N1 | 7,07 | TI | 8,43 | 200 | X26 | | 22,27 | 0,5 | 22,77 | 2026 |
| 24 | TÔ CẨM TÚ | 16/04/2008 | Nữ | 079308015093 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 27541 | Xã Phú Hòa Đông | TO | 7,97 | N1 | 6,57 | TI | 9,4 | 200 | X26 | | 23,94 | 0,2 | 24,14 | 2026 |
| 25 | LÊ THÙY BẢO NGỌC | 22/10/2008 | Nữ | 070308000199 | 2NT | | 75 | TP. Đồng Nai | 25387 | Xã Thuận Lợi | TO | 6,03 | N1 | 6,1 | TI | 8,27 | 200 | X26 | | 20,4 | 0,5 | 20,9 | 2026 |
| 26 | HOÀNG THỊ HẰNG NGA | 20/12/2008 | Nữ | 070308004081 | 2NT | | 75 | TP. Đồng Nai | 25294 | Xã Lộc Thành | TO | 6,4 | LI | 7,37 | HO | 7,37 | 200 | A00 | | 21,14 | 0,5 | 21,64 | 2026 |
| 27 | PHẠM THỊ HỒNG NHUNG | 14/02/2008 | Nữ | 070308002792 | 2NT | | 80 | Tây Ninh | 25486 | xã Tân Biên | TO | 7,4 | VA | 6,97 | CNCN | 9,47 | 200 | X03 | | 23,84 | 0,41 | 24,25 | 2026 |
| 28 | TRƯƠNG THỊ KIM ÁNH | 09/09/2008 | Nữ | 074308005986 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25747 | Phường Thủ Dầu Một | TO | 6,4 | N1 | 6,47 | TI | 9,07 | 200 | X26 | | 21,94 | 0,25 | 22,19 | 2026 |
| 29 | PHẠM ĐỖ QUỲNH NHƯ | 27/10/2008 | Nữ | 083308010826 | 2 | | 86 | Vĩnh Long | 28777 | Phường An Hội | TO | 7,23 | N1 | 7,03 | TI | 8,9 | 200 | X26 | | 23,16 | 0,23 | 23,39 | 2026 |
| 30 | NGUYỄN ĐOÀN GIA HÂN | 06/03/2008 | Nữ | 079308013283 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 27544 | Xã Bình Mỹ | TO | 7,17 | VA | 6,27 | KTPL | 8,1 | 200 | C14 | | 21,54 | 0,25 | 21,79 | 2026 |
| 31 | TRẦN THỊ NGỌC DUNG | 24/02/2008 | Nữ | 074308005853 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25777 | Xã Dầu Tiếng | TO | 6,3 | N1 | 6,53 | TI | 7,47 | 200 | X26 | | 20,3 | 0,5 | 20,8 | 2026 |
| 32 | NGUYỄN THỊ THOA | 25/02/2008 | Nữ | 054308005884 | 2NT | | 66 | Đắk Lắk | 22319 | Xã Phú Hòa 1 | TO | 5,2 | DI | 8,17 | N1 | 7,07 | 200 | D10 | | 20,44 | 0,5 | 20,94 | 2026 |
| 33 | ĐẶNG NỮ BẢO TUYÊN | 23/04/2008 | Nữ | 060308000414 | 2NT | 05a | 68 | Lâm Đồng | 23005 | Xã Bắc Bình | TO | 6,43 | VA | 6,23 | KTPL | 7,43 | 200 | C14 | | 20,09 | 1,5 | 21,59 | 2026 |
| 34 | ĐOÀN GIA HUY | 15/02/2008 | Nam | 074208006594 | 2NT | | 80 | Tây Ninh | 27937 | xã Đức Hòa | VA | 6,47 | KTPL | 8,77 | CNCN | 7,87 | 200 | Y08 | | 23,11 | 0,46 | 23,57 | 2026 |
| 35 | NGUYỄN ĐẠI LỘC | 14/03/2008 | Nam | 074208008170 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25920 | Phường Tân Hiệp | TO | 6,57 | VA | 7,6 | LI | 6,6 | 200 | C01 | | 20,77 | 0,5 | 21,27 | 2026 |
| 36 | PHAN NGUYỄN TẤN KHANG | 11/07/2008 | Nam | 046208003877 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25858 | Xã Phú Giáo | TO | 7,47 | LI | 7,2 | HO | 6,4 | 200 | A00 | | 21,07 | 0,5 | 21,57 | 2026 |
| 37 | LÊ HÀ THẢO VY | 11/12/2008 | Nữ | 075308009323 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25771 | Phường Chánh Hiệp | TO | 5,8 | VA | 7,67 | CNCN | 8 | 200 | X03 | | 21,47 | 0,25 | 21,72 | 2026 |

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | ĐDCN | KV ƯT | ĐT ƯT | Mã tỉnh | Tên tỉnh | Mã quận huyện | Tên quận huyện | Môn 1 | | Môn 2 | | Môn 3 | | Mã PTXT | Mã THM | Điểm lệch | Tổng điểm chưa có ƯT (Thang 30) | Điểm ưu tiên (Thang 30) | Điểm trúng tuyển | Năm TN |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 38 | PHẠM NGỌC YẾN NHI | 24/08/2008 | Nữ | 034308010211 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25942 | Phường Dĩ An | TO | 7,33 | DI | 7,93 | N1 | 7,33 | 200 | D10 | | 22,59 | 0,25 | 22,84 | 2026 |
| 39 | VÕ TẤN PHÁT | 05/04/2008 | Nam | 087208003372 | 2NT | | 82 | Đồng Tháp | 30061 | Xã Đốc Binh Kiều | TO | 6,43 | VA | 7 | KTPL | 7,57 | 200 | C14 | | 21 | 0,5 | 21,5 | 2026 |

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ-KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

TS. LS. Nguyễn Thị Thu Hà

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU TS2

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2026*

# DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
## ĐỢT XÉT TUYỂN: TUYỂN SINH ĐỢT 1
## NGÀNH: KẾ TOÁN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 154/QĐ-ĐHKTKT ngày 14 tháng 08 năm 2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương)*

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | ĐDCN | KV UT | ĐT UT | Mã tỉnh | Tên tỉnh | Mã quận huyện | Tên quận huyện | Môn 1 | | Môn 2 | | Môn 3 | | Mã PTXT | Mã THM | Điểm lệch | Tổng điểm chưa có UT (Thang 30) | Điểm ưu tiên (Thang 30) | Điểm trúng tuyển | Năm TN |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | PHAN THỊ TUYẾT TRINH | 16/07/2008 | Nữ | 074308004918 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25909 | Xã Thường Tân | TO | 5,83 | VA | 6,67 | CNCN | 7,3 | 200 | X03 | | 19,8 | 0,25 | 20,05 | 2026 |
| 2 | TRẦN NGUYỄN NHƯ TÌNH | 21/08/2008 | Nữ | 051308003805 | 2NT | | 51 | Quảng Ngãi | 21409 | Xã Long Phụng | VA | 7,17 | KTPL | 7,13 | CNCN | 7,53 | 200 | Y08 | | 21,83 | 0,5 | 22,33 | 2026 |
| 3 | TRÀ THỊ DUYÊN | 30/10/2008 | Nữ | 052308000852 | 2NT | | 52 | Gia Lai | 21688 | Xã Hoài Ân | TO | 6,4 | LI | 7,23 | HO | 7,9 | 200 | A00 | | 21,53 | 0,5 | 22,03 | 2026 |
| 4 | ĐÀO NGUYỄN THUỲ TRANG | 02/01/2008 | Nữ | 070308009785 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25441 | Phường Minh Hưng | TO | 7,47 | N1 | 7,8 | TI | 8,33 | 200 | X26 | | 23,6 | 0,21 | 23,81 | 2026 |
| 5 | NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG VY | 29/07/2008 | Nữ | 074308006321 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25768 | Phường Phú An | TO | 5,83 | N1 | 5,57 | TI | 8,13 | 200 | X26 | | 19,53 | 0,25 | 19,78 | 2026 |
| 6 | NGUYỄN NGỌC THẢO NHI | 28/04/2008 | Nữ | 070308009414 | 1 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25351 | Xã Tân Quan | TO | 7,5 | N1 | 7,5 | TI | 8,83 | 200 | X26 | | 23,83 | 0,62 | 24,45 | 2026 |
| 7 | NGUYỄN TRẦN KHÁNH NGỌC | 13/06/2008 | Nữ | 075308019446 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 26425 | Xã Xuân Lộc | TO | 6,5 | VA | 7,93 | LI | 7,2 | 200 | C01 | | 21,63 | 0,25 | 21,88 | 2026 |
| 8 | NGUYỄN NGỌC THANH TRÚC | 26/12/2008 | Nữ | 074308005992 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25882 | Xã Phước Hòa | TO | 6,07 | VA | 7,7 | N1 | 6,97 | 200 | D01 | | 20,74 | 0,5 | 21,24 | 2026 |
| 9 | ĐINH THỊ DIỄM HẰNG | 16/01/2008 | Nữ | 074308005745 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25858 | Xã Phú Giáo | TO | 7,67 | LI | 6,6 | HO | 7,93 | 200 | A00 | | 22,2 | 0,5 | 22,7 | 2026 |
| 10 | SẦM ĐÀM NHƯ Ý | 24/06/2008 | Nữ | 074308008550 | 2NT | 05a | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25867 | Xã An Long | VA | 5,43 | KTPL | 7,4 | CNCN | 5,9 | 200 | Y08 | | 18,73 | 1,5 | 20,23 | 2026 |
| 11 | NGUYỄN XUÂN TUYỀN | 26/10/2008 | Nữ | 074308007724 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25888 | Phường Tân Uyên | TO | 5,63 | VA | 8,03 | LI | 6,93 | 200 | C01 | | 20,59 | 0,5 | 21,09 | 2026 |
| 12 | TRẦN KIM THƯ | 19/06/2008 | Nữ | 074308006617 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25858 | Xã Phú Giáo | TO | 5,37 | VA | 5,7 | KTPL | 6,9 | 200 | C14 | | 17,97 | 0,5 | 18,47 | 2026 |
| 13 | BÙI THỊ HUYỀN TRANG | 15/01/2008 | Nữ | 036308010592 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25813 | Phường Bến Cát | VA | 6,9 | KTPL | 8,2 | CNCN | 8,17 | 200 | Y08 | | 23,27 | 0,22 | 23,49 | 2026 |
| 14 | NGUYỄN THỊ KHÁNH DƯƠNG | 24/10/2008 | Nữ | 040308008917 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25813 | Phường Bến Cát | TO | 6,53 | VA | 6,93 | CNCN | 7,5 | 200 | X03 | | 20,96 | 0,25 | 21,21 | 2026 |
| 15 | ĐẶNG NGUYỄN BẢO NHI | 28/01/2008 | Nữ | 045308002302 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25819 | Xã Trừ Văn Thố | TO | 8,07 | VA | 7 | CNCN | 7,93 | 200 | X03 | | 23 | 0,23 | 23,23 | 2026 |
| 16 | PHẠM CAO DƯƠNG THI | 21/03/2008 | Nữ | 074308009569 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25882 | Xã Phước Hòa | TO | 5,5 | VA | 6,9 | LI | 4,93 | 200 | C01 | | 17,33 | 0,5 | 17,83 | 2026 |
| 17 | HUỲNH KIM QUYÊN | 17/01/2008 | Nữ | 074308003957 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25822 | Xã Bàu Bàng | VA | 7,47 | KTPL | 8,43 | CNCN | 7,97 | 200 | Y08 | | 23,87 | 0,41 | 24,28 | 2026 |
| 18 | TRẦN THỊ THÚY HÒA | 30/04/2008 | Nữ | 070308004175 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25888 | Phường Tân Uyên | TO | 6,5 | VA | 7,23 | LI | 6,53 | 200 | C01 | | 20,26 | 0,25 | 20,51 | 2026 |
| 19 | LÊ THỊ KHÁNH HUYỀN | 11/04/2008 | Nữ | 074308001795 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25780 | Xã Minh Thạnh | TO | 5,93 | N1 | 6,33 | TI | 7,57 | 200 | X26 | | 19,83 | 0,5 | 20,33 | 2026 |
| 20 | TRẦN THỊ KIỀU DUY | 28/03/2008 | Nữ | 089308003724 | 2NT | | 91 | An Giang | 30352 | Xã Phú Hữu | VA | 8,8 | KTPL | 9,53 | CNCN | 9 | 200 | Y08 | | 27,33 | 0,18 | 27,51 | 2026 |
| 21 | TRẦN THỊ PHƯƠNG LINH | 19/06/2008 | Nữ | 040308009534 | 2 | | 40 | Nghệ An | 17833 | Xã Hải Lộc | TO | 6,9 | LI | 6,43 | HO | 6,87 | 200 | A00 | | 20,2 | 0,25 | 20,45 | 2026 |
| 22 | TRƯƠNG THỊ HỒNG PHƯỢNG | 06/07/2008 | Nữ | 074308004651 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25858 | Xã Phú Giáo | TO | 5,8 | VA | 6,5 | KTPL | 7,33 | 200 | C14 | | 19,63 | 0,5 | 20,13 | 2026 |
| 23 | LÊ THỊ TRÚC LINH | 13/11/2008 | Nữ | 083308006629 | 2 | | 86 | Vĩnh Long | 28783 | Phường Sơn Đông | VA | 7,67 | KTPL | 7,8 | CNCN | 7,33 | 200 | Y08 | | 22,8 | 0,24 | 23,04 | 2026 |
| 24 | NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH | 05/04/2008 | Nữ | 075308004155 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25945 | Phường Tân Đông Hiệp | TO | 5,97 | VA | 6,43 | KTPL | 6,8 | 200 | C14 | | 19,2 | 0,25 | 19,45 | 2026 |
| 25 | TRẦN HẢI ANH | 20/03/2008 | Nữ | 074308000987 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25813 | Phường Bến Cát | TO | 5,43 | VA | 7,1 | KTPL | 7,03 | 200 | C14 | | 19,56 | 0,25 | 19,81 | 2026 |
| 26 | NGUYỄN HỒ BẢO VY | 15/03/2008 | Nữ | 083308004708 | 2NT | | 86 | Vĩnh Long | 29122 | Xã Mỹ Chánh Hòa | TO | 6,97 | LI | 7,3 | HO | 7,73 | 200 | A00 | | 22 | 0,5 | 22,5 | 2026 |
| 27 | NGUYỄN HỒ BẢO THI | 15/03/2008 | Nữ | 083308004207 | 2NT | | 86 | Vĩnh Long | 29122 | Xã Mỹ Chánh Hòa | TO | 6 | LI | 6,5 | HO | 6,97 | 200 | A00 | | 19,47 | 0,5 | 19,97 | 2026 |
| 28 | NGUYỄN ĐẶNG THANH TUẤN | 22/01/2007 | Nam | 074207000248 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25750 | Phường Phú Lợi | TO | 8,73 | VA | 7,27 | LI | 8,9 | 200 | C01 | | 24,9 | 0,17 | 25,07 | 2026 |
| 29 | VÕ HỒNG ANH THƯ | 16/10/2008 | Nữ | 074308008794 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25771 | Phường Chánh Hiệp | TO | 8,3 | VA | 7,27 | LI | 6,73 | 200 | C01 | | 22,3 | 0,25 | 22,55 | 2026 |
| 30 | BÙI NGỌC THÙY DƯƠNG | 04/05/2008 | Nữ | 066308013930 | 2 | | 66 | Đắk Lắk | 24373 | Xã Ea Kar | TO | 6,5 | LI | 6,3 | HO | 7,1 | 200 | A00 | | 19,9 | 0,25 | 20,15 | 2026 |
| 31 | NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ | 05/08/2008 | Nữ | 074308003130 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25771 | Phường Chánh Hiệp | TO | 7,83 | LI | 6,97 | HO | 6,37 | 200 | A00 | | 21,17 | 0,25 | 21,42 | 2026 |
| 32 | NGUYỄN QUỲNH NHƯ | 16/12/2008 | Nữ | 074308006619 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25780 | Xã Minh Thạnh | VA | 6,2 | KTPL | 6,97 | CNCN | 7,2 | 200 | Y08 | | 20,37 | 0,5 | 20,87 | 2026 |
| 33 | NGUYỄN THỊ THANH TRÚC | 09/12/2008 | Nữ | 034308000790 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25975 | Phường An Phú | VA | 7 | KTPL | 8,1 | CNCN | 7,63 | 200 | Y08 | | 22,73 | 0,24 | 22,97 | 2026 |
| 34 | NGUYỄN MAI NHƯ QUỲNH | 28/06/2008 | Nữ | 052308009968 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25975 | Phường An Phú | TO | 5,93 | VA | 7,17 | KTPL | 7,8 | 200 | C14 | | 20,9 | 0,25 | 21,15 | 2026 |
| 35 | PHẠM THỊ THANH THÚY | 23/12/2008 | Nữ | 074308003555 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25849 | Phường Hòa Lợi | TO | 5,97 | VA | 6,87 | LI | 6,43 | 200 | C01 | | 19,27 | 0,25 | 19,52 | 2026 |
| 36 | TRẦN VIỆT AN | 10/09/2008 | Nam | 036208026901 | 2NT | | 75 | TP. Đồng Nai | 25308 | Xã Thiện Hưng | TO | 6,27 | N1 | 7,83 | TI | 7,5 | 200 | X26 | | 21,6 | 0,5 | 22,1 | 2026 |
| 37 | TRẦN THỊ QUỲNH NHƯ | 15/01/2008 | Nữ | 074308002805 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25747 | Phường Thủ Dầu Một | TO | 8,07 | VA | 7,5 | LI | 7 | 200 | C01 | | 22,57 | 0,25 | 22,82 | 2026 |
| 38 | NGUYỄN THANH TRÚC | 02/01/2008 | Nữ | 074308002532 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25807 | Xã Thanh An | TO | 6,47 | HO | 7,4 | N1 | 7 | 200 | D07 | | 20,87 | 0,5 | 21,37 | 2026 |

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | ĐDCN | KV ƯT | ĐT ƯT | Mã tỉnh | Tên tỉnh | Mã quận huyện | Tên quận huyện | Môn 1 | | Môn 2 | | Môn 3 | | Mã PTXT | Mã THM | Điểm lệch | Tổng điểm chưa có ƯT (Thang 30) | Điểm ưu tiên (Thang 30) | Điểm trúng tuyển | Năm TN |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 39 | TRẦN NGUYỄN ANH TÚ | 13/08/2008 | Nam | 074208005159 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25891 | Phường Tân Khánh | TO | 5,83 | VA | 6,23 | LI | 5,43 | 200 | C01 | | 17,49 | 0,25 | 17,74 | 2026 |
| 40 | LÊ THỊ THÙY NHI | 30/10/2008 | Nữ | 052308012541 | 2NT | | 52 | Gia Lai | 21703 | Xã Vạn Đức | TO | 7,77 | LI | 8,6 | N1 | 7,77 | 200 | A01 | | 24,14 | 0,39 | 24,53 | 2026 |
| 41 | NGUYỄN ÁNH NGỌC | 17/02/2008 | Nữ | 034308011119 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25891 | Phường Tân Khánh | TO | 6,63 | VA | 6,83 | LI | 6,27 | 200 | C01 | | 19,73 | 0,25 | 19,98 | 2026 |
| 42 | BÉ NGUYỄN TRÀ MY | 23/04/2008 | Nữ | 019308005427 | 2 | 05a | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25969 | Phường Thuận Giao | TO | 7,27 | N1 | 5,67 | TI | 7,53 | 200 | X26 | | 20,47 | 1,25 | 21,72 | 2026 |
| 43 | NGUYỄN THỊ THANH THƯƠNG | 28/07/2008 | Nữ | 074308006283 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25867 | Xã An Long | VA | 6,17 | KTPL | 7,77 | CNCN | 7,3 | 200 | Y08 | | 21,24 | 0,5 | 21,74 | 2026 |
| 44 | NGUYỄN THIỆU KHANG | 13/03/2008 | Nam | 070208005535 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25270 | Xã Lộc Ninh | TO | 5,43 | N1 | 6,67 | KTPL | 7,03 | 200 | D84 | | 19,13 | 0,25 | 19,38 | 2026 |
| 45 | PHÙNG NGUYỄN PHƯƠNG THÙY | 04/11/2008 | Nữ | 072308010854 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25920 | Phường Tân Hiệp | TO | 6,23 | VA | 7,07 | CNCN | 8,27 | 200 | X03 | | 21,57 | 0,25 | 21,82 | 2026 |
| 46 | NGÔ NGỌC HIỀN | 12/02/2008 | Nữ | 058308002427 | 1 | | 56 | Khánh Hoà | 22900 | Xã Phước Hà | VA | 7,97 | KTPL | 8,03 | CNCN | 7,73 | 200 | Y08 | | 23,73 | 0,63 | 24,36 | 2026 |
| 47 | NGUYỄN THỊ THẢO NGUYÊN | 07/10/2008 | Nữ | 040308010810 | 2 | | 40 | Nghệ An | 17779 | Xã Xuân Lâm | TO | 5,33 | LI | 4,97 | HO | 6,8 | 200 | A00 | | 17,1 | 0,25 | 17,35 | 2026 |
| 48 | NGUYỄN THỊ NGỌC TỦ | 28/12/2008 | Nữ | 074308009436 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25891 | Phường Tân Khánh | TO | 8,7 | N1 | 8,2 | TI | 8,9 | 200 | X26 | | 25,8 | 0,14 | 25,94 | 2026 |
| 49 | VŨ THỊ HỒNG NHUNG | 04/04/2008 | Nữ | 036308000887 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25920 | Phường Tân Hiệp | TO | 6,7 | VA | 7,47 | CNCN | 7,53 | 200 | X03 | | 21,7 | 0,25 | 21,95 | 2026 |
| 50 | HOÀNG MỸ TIÊN | 27/04/2008 | Nữ | 079308049327 | 2NT | | 75 | TP. Đồng Nai | 26116 | Xã Tân Phú | TO | 7,73 | N1 | 8,33 | TI | 9 | 200 | X26 | | 25,06 | 0,33 | 25,39 | 2026 |
| 51 | NGUYỄN THỊ CẨM THƯƠNG | 21/09/2008 | Nữ | 026308011443 | 2 | | 25 | Phú Thọ | 08716 | Phường Vĩnh Phúc | TO | 6,2 | VA | 7,37 | KTPL | 7,23 | 200 | C14 | | 20,8 | 0,25 | 21,05 | 2026 |
| 52 | HỒ THỊ KHÁNH LINH | 11/07/2008 | Nữ | 035308007195 | 2 | | 37 | Ninh Bình | 13393 | Phường Lê Hồ | TO | 5,77 | VA | 7,03 | KTPL | 8,17 | 200 | C14 | | 20,97 | 0,25 | 21,22 | 2026 |
| 53 | THÁI NHƯ QUỲNH | 19/03/2008 | Nữ | 074308008361 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25891 | Phường Tân Khánh | TO | 6,8 | VA | 6,93 | LI | 6,33 | 200 | C01 | | 20,06 | 0,25 | 20,31 | 2026 |
| 54 | NGUYỄN TỐ NHƯ QUỲNH | 29/02/2008 | Nữ | 074308002024 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25747 | Phường Thủ Dầu Một | TO | 8,7 | VA | 7,33 | LI | 8,53 | 200 | C01 | | 24,56 | 0,18 | 24,74 | 2026 |
| 55 | LÊ KHẢ NGỌC | 05/02/2008 | Nữ | 074308008047 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25909 | Xã Thường Tân | TO | 6,73 | VA | 7,1 | CNCN | 6,93 | 200 | X03 | | 20,76 | 0,25 | 21,01 | 2026 |
| 56 | TRẦN THỊ MINH TRANG | 24/09/2008 | Nữ | 074308007788 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25906 | Xã Bắc Tân Uyên | TO | 7,27 | VA | 7,87 | LI | 6,9 | 200 | C01 | | 22,04 | 0,5 | 22,54 | 2026 |
| 57 | HỒ MINH THƯ | 17/11/2008 | Nữ | 074308001879 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25760 | Phường Bình Dương | TO | 5,6 | N1 | 6,6 | TI | 8,3 | 200 | X26 | | 20,5 | 0,25 | 20,75 | 2026 |
| 58 | NGÔ THỊ YẾN NHI | 18/04/2007 | Nữ | 074307007601 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25906 | Xã Bắc Tân Uyên | TO | 5,5 | N1 | 4,63 | TI | 8,03 | 200 | X26 | | 18,16 | 0,5 | 18,66 | 2026 |
| 59 | PHẠM HÀ LINH | 28/03/2008 | Nữ | 035308003945 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25945 | Phường Tân Đông Hiệp | TO | 6,07 | VA | 7,8 | LI | 6,4 | 200 | C01 | | 20,27 | 0,5 | 20,77 | 2026 |
| 60 | KHỔNG THỊ THANH THẢO | 16/03/2008 | Nữ | 070308001245 | 1 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25349 | Xã Minh Đức | TO | 6,97 | VA | 6,7 | KTPL | 8,2 | 200 | C14 | | 21,87 | 0,75 | 22,62 | 2026 |
| 61 | NGUYỄN HUỲNH THẢO UYÊN | 14/06/2008 | Nữ | 074308007245 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25975 | Phường An Phú | VA | 6,73 | KTPL | 8,27 | CNCN | 7,03 | 200 | Y08 | | 22,03 | 0,25 | 22,28 | 2026 |
| 62 | DƯƠNG THANH HÀ | 17/10/2008 | Nữ | 042308007763 | 2 | | 42 | Hà Tĩnh | 18748 | Xã Cẩm Lạc | TO | 6,87 | N1 | 7,77 | TI | 9,1 | 200 | X26 | | 23,74 | 0,21 | 23,95 | 2026 |
| 63 | LÊ THỊ HỒNG PHÚC | 16/02/2008 | Nữ | 074308000056 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25846 | Phường Thới Hòa | TO | 6,3 | N1 | 6,27 | TI | 8,83 | 200 | X26 | | 21,4 | 0,25 | 21,65 | 2026 |
| 64 | TRẦN YẾN PHƯƠNG | 19/09/2008 | Nữ | 024308000449 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25942 | Phường Dĩ An | TO | 6,37 | LI | 5,93 | HO | 6,33 | 200 | A00 | | 18,63 | 0,25 | 18,88 | 2026 |
| 65 | MAI THỊ THẢO NHƯ | 28/03/2008 | Nữ | 074308009192 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25906 | Xã Bắc Tân Uyên | TO | 6,87 | VA | 8,07 | KTPL | 7,07 | 200 | C14 | | 22,01 | 0,5 | 22,51 | 2026 |
| 66 | ĐỖ THỊ PHƯƠNG THẢO | 10/03/2008 | Nữ | 033308006176 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25750 | Phường Phú Lợi | TO | 7,27 | LI | 6,77 | HO | 6,87 | 200 | A00 | | 20,91 | 0,25 | 21,16 | 2026 |
| 67 | NGUYỄN THỊ LY NA | 22/05/2008 | Nữ | 049308008745 | 2 | | 48 | Đà Nẵng | 20669 | Xã Quế Phước | TO | 7,23 | VA | 7,3 | LI | 5,97 | 200 | C01 | | 20,5 | 0,25 | 20,75 | 2026 |
| 68 | LÊ THÀNH TÀI | 21/02/2008 | Nam | 075208025327 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25888 | Phường Tân Uyên | TO | 7,77 | VA | 6,8 | CNCN | 7,5 | 200 | X03 | | 22,07 | 0,25 | 22,32 | 2026 |
| 69 | PHẠM MINH HỢP | 20/10/2008 | Nữ | 054308002005 | 2NT | | 66 | Đắk Lắk | 22015 | Phường Tuy Hòa | TO | 6,6 | VA | 7,77 | CNCN | 8,17 | 200 | X03 | | 22,54 | 0,5 | 23,04 | 2026 |
| 70 | NGUYỄN NGỌC QUỲNH ANH | 13/09/2008 | Nữ | 070308000833 | 2NT | | 75 | TP. Đồng Nai | 25357 | Xã Tân Khai | TO | 6,93 | VA | 7,7 | CNCN | 7,73 | 200 | X03 | | 22,36 | 0,5 | 22,86 | 2026 |
| 71 | VŨ THỊ BẢO NGỌC | 22/05/2008 | Nữ | 038308025852 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25441 | Phường Minh Hưng | TO | 7,83 | N1 | 7,93 | TI | 8,03 | 200 | X26 | | 23,79 | 0,21 | 24 | 2026 |
| 72 | ĐOÀN THỊ KIỀU LINH | 14/04/2006 | Nữ | 067306000459 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25846 | Phường Thới Hòa | TO | 5,57 | VA | 6,37 | CNCN | 7 | 200 | X03 | | 18,94 | 0,25 | 19,19 | 2026 |
| 73 | NGUYỄN MINH ĐANG | 04/03/2008 | Nữ | 072308005469 | 2NT | | 91 | An Giang | 30481 | Xã Thạnh Mỹ Tây | TO | 8,2 | LI | 7,53 | HO | 8,27 | 200 | A00 | | 24 | 0,4 | 24,4 | 2026 |
| 74 | ÂU THỊ LAN ANH | 09/07/2008 | Nữ | 093308005833 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25747 | Phường Thủ Dầu Một | TO | 7,2 | VA | 7,17 | LI | 6,3 | 200 | C01 | | 20,67 | 0,25 | 20,92 | 2026 |
| 75 | TÔ NGUYỄN CÁT LÂM | 31/12/2008 | Nữ | 074308009469 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25843 | Phường Tây Nam | TO | 7,93 | VA | 6,27 | KTPL | 9 | 200 | C14 | | 23,2 | 0,45 | 23,65 | 2026 |
| 76 | NGUYỄN MINH THƯ | 17/05/2008 | Nữ | 074308004339 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25771 | Phường Chánh Hiệp | TO | 4,7 | VA | 7,13 | CNCN | 7,63 | 200 | X03 | | 19,46 | 0,25 | 19,71 | 2026 |
| 77 | PHẠM HOÀNG THANH TRÚC | 21/04/2008 | Nữ | 070308000266 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25450 | Xã Nha Bích | TO | 7 | LI | 7,1 | N1 | 6,9 | 200 | A01 | | 21 | 0,25 | 21,25 | 2026 |
| 78 | HOÀNG YẾN NHI | 24/10/2008 | Nữ | 025308003771 | 2 | 05a | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25969 | Phường Thuận Giao | VA | 6,87 | KTPL | 8,2 | CNCN | 7,87 | 200 | Y08 | | 22,94 | 1,18 | 24,12 | 2026 |
| 79 | NGUYỄN MỸ TIÊN | 29/04/2008 | Nữ | 052308013962 | 2 | | 52 | Gia Lai | 21640 | Phường Bồng Sơn | VA | 6,53 | KTPL | 8 | CNCN | 9,3 | 200 | Y08 | | 23,83 | 0,21 | 24,04 | 2026 |
| 80 | PHAN NGỌC MAI | 18/04/2008 | Nữ | 074308004766 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25750 | Phường Phú Lợi | TO | 8,57 | LI | 8,3 | HO | 7,5 | 200 | A00 | | 24,37 | 0,19 | 24,56 | 2026 |
| 81 | NGUYỄN HOÀNG TRỌNG | 08/05/2008 | Nam | 075208014810 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25920 | Phường Tân Hiệp | TO | 7,53 | N1 | 6 | TI | 8,27 | 200 | X26 | | 21,8 | 0,25 | 22,05 | 2026 |
| 82 | VŨ NGỌC NHI | 04/10/2008 | Nữ | 070308008119 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25432 | Phường Chơn Thành | TO | 7 | VA | 5,73 | KTPL | 7,13 | 200 | C14 | | 19,86 | 0,25 | 20,11 | 2026 |
| 83 | VŨ THỊ HUYỀN DIỆU | 24/09/2006 | Nữ | 036306002218 | 3 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25975 | Phường An Phú | TO | 8,47 | LI | 7,73 | HO | 8,27 | 200 | A00 | | 24,47 | 0 | 24,47 | 2024 |
| 84 | VĂN THỤY PHƯƠNG NGÂN | 30/09/2008 | Nữ | 074308003793 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25750 | Phường Phú Lợi | VA | 7,57 | KTPL | 7,93 | CNCN | 7,5 | 200 | Y08 | | 23 | 0,23 | 23,23 | 2026 |
| 85 | TRẦN NGỌC BÍCH | 17/09/2008 | Nữ | 074308002599 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25942 | Phường Dĩ An | TO | 6,43 | DI | 7,27 | N1 | 7,03 | 200 | D10 | | 20,73 | 0,25 | 20,98 | 2026 |
| 86 | PHẠM THỊ ÁNH DƯƠNG | 06/01/2008 | Nữ | 074308004208 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25858 | Xã Phú Giáo | TO | 6,27 | VA | 5,9 | KTPL | 8,1 | 200 | C14 | | 20,27 | 0,5 | 20,77 | 2026 |
| 87 | NGUYỄN NHẬT KHUÊ | 24/01/2008 | Nữ | 040308001038 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25942 | Phường Dĩ An | TO | 6,83 | VA | 7,03 | KTPL | 7,8 | 200 | C14 | | 21,66 | 0,25 | 21,91 | 2026 |
| 88 | PHAN THỊ KHÁNH LY | 15/12/2008 | Nữ | 040308008918 | 2 | | 40 | Nghệ An | 17506 | Xã Yên Thành | VA | 6,13 | KTPL | 7,17 | CNCN | 7,57 | 200 | Y08 | | 20,87 | 0,25 | 21,12 | 2026 |
| 89 | HUỲNH PHẠM KIM MỸ | 16/12/2008 | Nữ | 074308004453 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25882 | Xã Phước Hòa | TO | 7,67 | LI | 7,33 | HO | 8,33 | 200 | A00 | | 23,33 | 0,44 | 23,77 | 2026 |

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | ĐDCN | KV ƯT | ĐT ƯT | Mã tỉnh | Tên tỉnh | Mã quận huyện | Tên quận huyện | Môn 1 | | Môn 2 | | Môn 3 | | Mã PTXT | Mã THM | Điểm lệch | Tổng điểm chưa có ƯT (Thang 30) | Điểm ưu tiên (Thang 30) | Điểm trúng tuyển | Năm TN |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 90 | NGUYỄN HÀ LINH | 08/08/2008 | Nữ | 033308000326 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25846 | Phường Thới Hòa | TO | 6,8 | VA | 7,2 | KTPL | 8,07 | 200 | C14 | | 22,07 | 0,25 | 22,32 | 2026 |
| 91 | TRẦN THẢO NGUYÊN | 12/06/2008 | Nữ | 074308005487 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25792 | Xã Long Hòa | VA | 6,73 | KTPL | 7,5 | CNCN | 6,07 | 200 | Y08 | | 20,3 | 0,5 | 20,8 | 2026 |
| 92 | NGUYỄN KHÁNH CHI | 03/01/2008 | Nữ | 066308003896 | 2NT | | 66 | Đắk Lắk | 24340 | Phường Cư Bao | TO | 6,93 | VA | 8,17 | LI | 7,3 | 200 | C01 | | 22,4 | 0,5 | 22,9 | 2026 |
| 93 | TRẦN THỊ THẢO VÂN | 18/09/2008 | Nữ | 040308001012 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25969 | Phường Thuận Giao | VA | 6,97 | KTPL | 8,4 | CNCN | 7,87 | 200 | Y08 | | 23,24 | 0,23 | 23,47 | 2026 |
| 94 | ĐÀO NGỌC DIỄM | 08/04/2008 | Nữ | 034308008555 | 2 | | 33 | Hưng Yên | 12523 | Xã Phụ Dực | TO | 6 | VA | 6,43 | LI | 5,67 | 200 | C01 | | 18,1 | 0,25 | 18,35 | 2026 |
| 95 | TRẦN GIA NHƯ | 13/10/2008 | Nữ | 040308010122 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25846 | Phường Thới Hòa | TO | 6,37 | VA | 7,33 | LI | 6,63 | 200 | C01 | | 20,33 | 0,25 | 20,58 | 2026 |
| 96 | THẠCH NGUYỄN NHƯ NGỌC | 13/07/2008 | Nữ | 070308003738 | 2 | 05a | 75 | TP. Đồng Nai | 25210 | Phường Đồng Xoài | TO | 6,57 | N1 | 4,93 | TI | 8,07 | 200 | X26 | | 19,57 | 1,25 | 20,82 | 2026 |
| 97 | ĐỖ HÀ LINH | 25/04/2008 | Nữ | 079308000388 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 27544 | Xã Bình Mỹ | TO | 5,87 | DI | 7,87 | N1 | 6,83 | 200 | D10 | | 20,57 | 0,25 | 20,82 | 2026 |
| 98 | NGÔ NGÂN BÍCH NGỌC | 04/04/2008 | Nữ | 051308007727 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25920 | Phường Tân Hiệp | TO | 6,63 | VA | 7,53 | N1 | 6,07 | 200 | D01 | | 20,23 | 0,25 | 20,48 | 2026 |
| 99 | TRỊNH THỊ TRANG | 16/01/2008 | Nữ | 070308001962 | 2NT | | 75 | TP. Đồng Nai | 25396 | Xã Bù Đăng | TO | 6,93 | LI | 6,33 | HO | 7,17 | 200 | A00 | | 20,43 | 0,5 | 20,93 | 2026 |
| 100 | NGUYỄN THẢO VY | 03/08/2008 | Nữ | 040308000833 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 26377 | Phường Phước Tân | TO | 6,17 | VA | 6,83 | N1 | 6,67 | 200 | D01 | | 19,67 | 0,25 | 19,92 | 2026 |
| 101 | NGUYỄN NGỌC ANH THƯ | 09/03/2008 | Nữ | 074308009439 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25920 | Phường Tân Hiệp | VA | 6,5 | KTPL | 7,43 | CNCN | 7,1 | 200 | Y08 | | 21,03 | 0,25 | 21,28 | 2026 |
| 102 | LƯƠNG THỊ BẢO NGỌC | 18/11/2008 | Nữ | 074308003241 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25891 | Phường Tân Khánh | VA | 6,53 | KTPL | 7,63 | CNCN | 7,23 | 200 | Y08 | | 21,39 | 0,25 | 21,64 | 2026 |
| 103 | TẠ NHƯ NGUYỆT | 04/06/2008 | Nữ | 074308010325 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25915 | Phường Bình Cơ | VA | 7,77 | KTPL | 6,97 | CNCN | 7,7 | 200 | Y08 | | 22,44 | 0,5 | 22,94 | 2026 |
| 104 | TRẦN THỊ NHƯ QUỲNH | 15/08/2008 | Nữ | 064308003267 | 1 | | 52 | Gia Lai | 23884 | Xã Ia Nan | TO | 6,1 | N1 | 7,87 | TI | 8,33 | 200 | X26 | | 22,3 | 0,75 | 23,05 | 2026 |
| 105 | NGUYỄN THỊ MINH TRANG | 13/05/2008 | Nữ | 036308006899 | 2 | | 37 | Ninh Bình | 13669 | Phường Nam Định | TO | 7,57 | VA | 6,5 | LI | 6,57 | 200 | C01 | | 20,64 | 0,25 | 20,89 | 2026 |
| 106 | LÊ ANH ĐÀO | 22/10/2008 | Nữ | 074308009239 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25920 | Phường Tân Hiệp | TO | 5,57 | VA | 6,37 | CNCN | 7,57 | 200 | X03 | | 19,51 | 0,25 | 19,76 | 2026 |

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

TS. LS. Nguyễn Thị Thu Hà

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU TS2

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2026*

# DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
## ĐỢT XÉT TUYỂN: TUYỂN SINH ĐỢT 1
## NGÀNH: QUẢN TRỊ VĂN PHÒNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 154 /QĐ-ĐHKTKT ngày 14 tháng 08 năm 2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương)*

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | ĐDCN | KV ƯT | ĐT ƯT | Mã tỉnh | Tên tỉnh | Mã quận huyện | Tên quận huyện | Môn 1 | | Môn 2 | | Môn 3 | | Mã PTXT | Mã THM | Điểm lệch | Tổng điểm chưa có ƯT (Thang 30) | Điểm ưu tiên (Thang 30) | Điểm trúng tuyển | Năm TN |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | ĐỖ THU VÀNG | 26/09/2008 | Nữ | 072308008203 | 2 | | 80 | Tây Ninh | 25585 | xã Châu Thành | VA | 7,3 | SU | 8,9 | DI | 8,83 | 200 | C00 | | 25,03 | 0,17 | 25,2 | 2026 |
| 2 | NGÔ THỊ NGỌC NHI | 14/04/2008 | Nữ | 074308007737 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25888 | Phường Tân Uyên | VA | 7,03 | SU | 7,23 | DI | 6,93 | 200 | C00 | | 21,19 | 0,5 | 21,69 | 2026 |
| 3 | NGUYỄN THỊ LƯƠNG | 18/02/2008 | Nữ | 064308010523 | 2 | | 52 | Gia Lai | 23764 | Xã Ia Grai | TO | 6,4 | VA | 5,63 | DI | 6,23 | 200 | C04 | | 18,26 | 0,25 | 18,51 | 2026 |
| 4 | HỒ PHẠM YẾN VI | 12/07/2008 | Nữ | 086308000543 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25891 | Phường Tân Khánh | VA | 7,67 | SU | 8,13 | DI | 7,77 | 200 | C00 | | 23,57 | 0,21 | 23,78 | 2026 |
| 5 | NGUYỄN THỊ ANH THƯ | 12/03/2008 | Nữ | 070308000122 | 2NT | | 75 | TP. Đồng Nai | 25351 | Xã Tân Quan | VA | 6,53 | SU | 7,63 | DI | 7,77 | 200 | C00 | | 21,93 | 0,5 | 22,43 | 2026 |
| 6 | NGUYỄN KIM CƯƠNG | 14/01/2008 | Nữ | 074308006683 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25846 | Phường Thới Hòa | VA | 6,43 | SU | 7,47 | DI | 7,6 | 200 | C00 | | 21,5 | 0,25 | 21,75 | 2026 |
| 7 | NGÔ TIẾN SỸ | 24/10/2008 | Nam | 070208011232 | 2NT | | 75 | TP. Đồng Nai | 25351 | Xã Tân Quan | VA | 6,47 | SU | 7,4 | DI | 7,47 | 200 | C00 | | 21,34 | 0,5 | 21,84 | 2026 |
| 8 | LÊ NGỌC BẢO YẾN | 05/09/2008 | Nữ | 074308006444 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25849 | Phường Hòa Lợi | VA | 7,4 | SU | 7,13 | DI | 8 | 200 | C00 | | 22,53 | 0,25 | 22,78 | 2026 |
| 9 | NGUYỄN PHẠM KHÁNH LY | 17/06/2008 | Nữ | 074308005393 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25840 | Phường Long Nguyên | TO | 7,07 | VA | 7,97 | DI | 6,7 | 200 | C04 | | 21,74 | 0,5 | 22,24 | 2026 |
| 10 | NGUYỄN HỮU TÍN | 15/09/2008 | Nam | 075208004444 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25909 | Xã Thường Tân | TO | 5 | VA | 5,2 | SU | 6,67 | 200 | C03 | | 16,87 | 0,5 | 17,37 | 2026 |
| 11 | NGUYỄN HUỲNH NHẬT ANH | 22/06/2008 | Nữ | 074308001304 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25920 | Phường Tân Hiệp | VA | 6,57 | SU | 6,67 | DI | 6,13 | 200 | C00 | | 19,37 | 0,25 | 19,62 | 2026 |
| 12 | NGUYỄN LÊ BẢO TRÂN | 09/10/2008 | Nữ | 049308010013 | 2 | | 68 | Lâm Đồng | 23266 | Xã Sơn Mỹ | TO | 6,4 | VA | 6,9 | SU | 8,93 | 200 | C03 | | 22,23 | 0,25 | 22,48 | 2026 |
| 13 | LÊ PHẠM QUỲNH TRÂM | 26/06/2008 | Nữ | 074308005407 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25768 | Phường Phú An | VA | 6,83 | SU | 8,63 | DI | 6,47 | 200 | C00 | | 21,93 | 0,25 | 22,18 | 2026 |
| 14 | NGUYỄN PHÚ TRỌNG | 10/12/2008 | Nam | 074208009424 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25768 | Phường Phú An | TO | 8,1 | VA | 5,93 | DI | 7,9 | 200 | C04 | | 21,93 | 0,25 | 22,18 | 2026 |
| 15 | TRẦN THỊ YẾN NHI | 09/10/2008 | Nữ | 074308001875 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25780 | Xã Minh Thạnh | VA | 6,87 | SU | 7,6 | DI | 7,53 | 200 | C00 | | 22 | 0,25 | 22,25 | 2026 |
| 16 | NGUYỄN GIA TÀI | 12/09/2008 | Nam | 074208004422 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25864 | Xã Phước Thành | VA | 7,3 | SU | 7,57 | DI | 6,33 | 200 | C00 | | 21,2 | 0,5 | 21,7 | 2026 |
| 17 | LÝ ÁI TRÂM | 14/12/2008 | Nữ | 096308000116 | 2NT | | 96 | Cà Mau | 32137 | Xã Tân Hưng | VA | 6,83 | SU | 8 | DI | 8 | 200 | C00 | | 22,83 | 0,48 | 23,31 | 2026 |
| 18 | NGUYỄN NGỌC HƯƠNG | 22/09/2008 | Nữ | 074308001320 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25771 | Phường Chánh Hiệp | TO | 7,33 | VA | 5,97 | DI | 7,5 | 200 | C04 | | 20,8 | 0,25 | 21,05 | 2026 |
| 19 | NGUYỄN NGỌC NHUNG | 05/03/2007 | Nữ | 092307006206 | 2 | | 92 | Cần Thơ | 31183 | Phường Long Tuyền | VA | 6,8 | SU | 7,4 | DI | 7,2 | 200 | C00 | | 21,4 | 0,25 | 21,65 | 2026 |
| 20 | LÊ PHƯƠNG VY | 01/04/2008 | Nữ | 074308004379 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25843 | Phường Tây Nam | VA | 5,83 | SU | 6,6 | DI | 6,4 | 200 | C00 | | 18,83 | 0,5 | 19,33 | 2026 |
| 21 | TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG NHI | 18/02/2008 | Nữ | 074308005611 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25867 | Xã An Long | TO | 6,73 | VA | 6,23 | SU | 8,8 | 200 | C03 | | 21,76 | 0,5 | 22,26 | 2026 |
| 22 | TRẦN HUY HOÀNG | 10/07/2008 | Nam | 042208006773 | 2 | | 42 | Hà Tĩnh | 18364 | Xã Đan Hải | TO | 7,03 | VA | 5,9 | DI | 6,67 | 200 | C04 | | 19,6 | 0,25 | 19,85 | 2026 |
| 23 | LÊ THỊ KIỀU OANH | 07/12/2008 | Nữ | 070308004565 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25270 | Xã Lộc Ninh | VA | 7,03 | SU | 7,03 | DI | 6,7 | 200 | C00 | | 20,76 | 0,25 | 21,01 | 2026 |
| 24 | NGUYỄN MAI PHƯƠNG VY | 25/05/2008 | Nữ | 079308000722 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 27544 | Xã Bình Mỹ | VA | 5,77 | SU | 7,77 | DI | 7,27 | 200 | C00 | | 20,81 | 0,25 | 21,06 | 2026 |
| 25 | VŨ THỊ PHƯƠNG UYÊN | 08/03/2008 | Nữ | 074308003811 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25906 | Xã Bắc Tân Uyên | VA | 8,3 | SU | 7,73 | DI | 8,03 | 200 | C00 | | 24,06 | 0,4 | 24,46 | 2026 |
| 26 | NGUYỄN TƯỜNG VY | 19/04/2008 | Nữ | 074308004684 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25920 | Phường Tân Hiệp | VA | 6,47 | SU | 7,47 | DI | 7,37 | 200 | C00 | | 21,31 | 0,25 | 21,56 | 2026 |
| 27 | VÕ QUỲNH NHƯ | 10/01/2008 | Nữ | 074308009935 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25888 | Phường Tân Uyên | VA | 6,1 | SU | 6,63 | DI | 5,67 | 200 | C00 | | 18,4 | 0,25 | 18,65 | 2026 |
| 28 | TĂNG HOÀNG TRÚC NGÂN | 29/04/2008 | Nữ | 070308004737 | 2NT | | 75 | TP. Đồng Nai | 25363 | Xã Đồng Phú | VA | 6,4 | SU | 7,27 | DI | 6,43 | 200 | C00 | | 20,1 | 0,5 | 20,6 | 2026 |
| 29 | LƯƠNG NGUYỄN HÀ MY | 21/06/2008 | Nữ | 037308004753 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25813 | Phường Bến Cát | TO | 6,6 | VA | 7,6 | SU | 8,37 | 200 | C03 | | 22,57 | 0,25 | 22,82 | 2026 |
| 30 | NGUYỄN TRUNG HIẾU | 02/10/2008 | Nam | 074208005504 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25840 | Phường Long Nguyên | VA | 6,03 | SU | 7,37 | DI | 6,93 | 200 | C00 | | 20,33 | 0,25 | 20,58 | 2026 |
| 31 | VIÊN THỊ TUYẾT UNG | 22/08/2008 | Nữ | 074308005760 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25915 | Phường Bình Cơ | VA | 6,87 | SU | 7,43 | DI | 6,5 | 200 | C00 | | 20,8 | 0,5 | 21,3 | 2026 |
| 32 | HỒ THỊ MINH | 03/10/2008 | Nữ | 040308007175 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25888 | Phường Tân Uyên | VA | 5,83 | SU | 6,3 | DI | 5,97 | 200 | C00 | | 18,1 | 0,25 | 18,35 | 2026 |
| 33 | DANH THỊ KIM NGUYÊN | 27/08/2008 | Nữ | 091308003358 | 2NT | 05a | 91 | An Giang | 30970 | Xã Vĩnh Hòa Hưng | VA | 7,53 | SU | 7,13 | DI | 7,8 | 200 | C00 | | 22,46 | 1,5 | 23,96 | 2026 |
| 34 | TẤT NHƯ QUỲNH | 17/10/2008 | Nữ | 074308007212 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25747 | Phường Thủ Dầu Một | VA | 7,4 | SU | 7,33 | DI | 7,43 | 200 | C00 | | 22,16 | 0,25 | 22,41 | 2026 |
| 35 | TRẦN THỊ CẨM LY | 25/05/2008 | Nữ | 064308010685 | 1 | | 52 | Gia Lai | 23986 | Xã Ia Le | VA | 7,13 | SU | 7,13 | DI | 6,83 | 200 | C00 | | 21,09 | 0,75 | 21,84 | 2026 |
| 36 | PHAN NHƯ NGỌC | 29/01/2008 | Nữ | 074308004808 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25920 | Phường Tân Hiệp | TO | 7,93 | VA | 6,8 | DI | 7,77 | 200 | C04 | | 22,5 | 0,25 | 22,75 | 2026 |
| 37 | NGUYỄN NHẬT TRƯỜNG | 04/10/2008 | Nam | 074208008169 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25849 | Phường Hòa Lợi | VA | 7,93 | SU | 7,23 | DI | 7,8 | 200 | C00 | | 22,96 | 0,47 | 23,43 | 2026 |

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | ĐDCN | KV ƯT | ĐT ƯT | Mã tỉnh | Tên tỉnh | Mã quận huyện | Tên quận huyện | Môn 1 | | Môn 2 | | Môn 3 | | Mã PTXT | Mã THM | Điểm lệch | Tổng điểm chưa có ƯT (Thang 30) | Điểm ưu tiên (Thang 30) | Điểm trúng tuyển | Năm TN |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 38 | NGUYỄN THỊ MỸ LỆ | 05/06/2007 | Nữ | 079307031753 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 27541 | Xã Phú Hòa Đông | VA | 7,07 | SU | 7,87 | DI | 7,77 | 200 | C00 | | 22,71 | 0,24 | 22,95 | 2026 |
| 39 | NGUYỄN VĂN CHUNG | 20/02/2008 | Nam | 074208005143 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25846 | Phường Thới Hòa | VA | 6,7 | SU | 7,07 | DI | 7,67 | 200 | C00 | | 21,44 | 0,25 | 21,69 | 2026 |
| 40 | VÕ NGỌC PHƯƠNG ANH | 01/01/2008 | Nữ | 075308007158 | 2NT | | 75 | TP. Đồng Nai | 26299 | Xã Thống Nhất | TO | 4,5 | VA | 5,5 | SU | 6,97 | 200 | C03 | | 16,97 | 0,5 | 17,47 | 2026 |
| 41 | LÊ THỊ PHƯƠNG TRÂN | 16/06/2008 | Nữ | 070308005153 | 2NT | | 75 | TP. Đồng Nai | 25326 | Phường Bình Long | TO | 7,4 | VA | 7,63 | SU | 7,67 | 200 | C03 | | 22,7 | 0,49 | 23,19 | 2026 |
| 42 | NGUYỄN CHÍ NGHĨA | 26/11/2007 | Nam | 074207006740 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25777 | Xã Dầu Tiếng | VA | 5,83 | SU | 6,07 | DI | 6,43 | 200 | C00 | | 18,33 | 0,5 | 18,83 | 2026 |
| 43 | NGUYỄN LÊ MINH THƯ | 22/06/2008 | Nữ | 079308019395 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 27013 | Phường Tây Thạnh | VA | 8,07 | SU | 7,67 | DI | 7,3 | 200 | C00 | | 23,04 | 0,46 | 23,5 | 2026 |
| 44 | PHẠM TRẦN KHÁNH LINH | 08/12/2008 | Nữ | 074308000826 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25822 | Xã Bàu Bàng | VA | 7,97 | SU | 6,87 | DI | 6,63 | 200 | C00 | | 21,47 | 0,5 | 21,97 | 2026 |
| 45 | NGUYỄN THỊ HỒNG DIỆU | 23/01/2007 | Nữ | 074307000256 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25915 | Phường Bình Cơ | VA | 6,97 | SU | 6,43 | DI | 6,7 | 200 | C00 | | 20,1 | 0,5 | 20,6 | 2026 |
| 46 | NGUYỄN THỊ DIỄM HƯƠNG | 23/05/2008 | Nữ | 077308000575 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 26704 | Phường Phú Mỹ | TO | 5,67 | VA | 5,97 | SU | 7,53 | 200 | C03 | | 19,17 | 0,25 | 19,42 | 2026 |
| 47 | NGUYỄN TRẦN TUYẾT NHI | 10/11/2008 | Nữ | 037308003960 | 2 | | 37 | Ninh Bình | 14728 | Xã Yên Từ | VA | 6,27 | SU | 7,43 | DI | 7,07 | 200 | C00 | | 20,77 | 0,25 | 21,02 | 2026 |
| 48 | NGUYỄN THỊ KIM NGÂN | 01/01/2007 | Nữ | 087307002299 | 2NT | | 91 | An Giang | 30478 | Xã Vĩnh Thạnh Trung | TO | 6,63 | VA | 7,83 | SU | 6,83 | 200 | C03 | | 21,29 | 0,5 | 21,79 | 2026 |
| 49 | NGUYỄN HÙNG NHẬT PHONG | 17/10/2008 | Nam | 070208009407 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25308 | Xã Thiện Hưng | VA | 5,63 | SU | 7,17 | DI | 7,03 | 200 | C00 | | 19,83 | 0,25 | 20,08 | 2026 |
| 50 | NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH | 14/01/2008 | Nữ | 038308030060 | 1 | | 14 | Sơn La | 03646 | Phường Tô Hiệu | VA | 6,97 | SU | 7,97 | DI | 7,3 | 200 | C00 | | 22,24 | 0,75 | 22,99 | 2026 |
| 51 | TRẦN THỊ HUYỀN TRANG | 30/03/2008 | Nữ | 038308010471 | 2 | 05a | 38 | Thanh Hoá | 15667 | Xã Thọ Bình | VA | 6,47 | SU | 6,7 | DI | 6,6 | 200 | C00 | | 19,77 | 1,25 | 21,02 | 2026 |
| 52 | NGUYỄN NHẬT LAM | 14/02/2008 | Nữ | 083308011224 | 2NT | | 86 | Vĩnh Long | 28969 | Xã Thành Thới | VA | 7,7 | SU | 8,1 | DI | 7,3 | 200 | C00 | | 23,1 | 0,46 | 23,56 | 2026 |
| 53 | THÁI THANH THẢO | 15/06/2008 | Nữ | 074308005839 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25750 | Phường Phú Lợi | VA | 7,1 | SU | 8,53 | DI | 7,87 | 200 | C00 | | 23,5 | 0,22 | 23,72 | 2026 |
| 54 | THÁI NGUYỄN PHƯƠNG NHI | 29/02/2008 | Nữ | 079308033202 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25969 | Phường Thuận Giao | TO | 7,63 | VA | 7,47 | DI | 7,5 | 200 | C04 | | 22,6 | 0,25 | 22,85 | 2026 |
| 55 | ĐỖ THỊ NGỌC THANH | 07/11/2008 | Nữ | 074308008052 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25858 | Xã Phú Giáo | VA | 6 | SU | 7,13 | DI | 6,87 | 200 | C00 | | 20 | 0,5 | 20,5 | 2026 |
| 56 | ĐINH THỊ CẨM TÚ | 25/04/2008 | Nữ | 074308007463 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25906 | Xã Bắc Tân Uyên | TO | 8,2 | VA | 8,23 | SU | 8,13 | 200 | C03 | | 24,56 | 0,36 | 24,92 | 2026 |
| 57 | HỒ HOÀNG PHƯƠNG | 12/11/2007 | Nữ | 040307005046 | 2NT | | 40 | Nghệ An | 17176 | Xã Quỳnh Anh | VA | 7,47 | SU | 7,97 | DI | 7,47 | 200 | C00 | | 22,91 | 0,47 | 23,38 | 2026 |
| 58 | NGÔ NGỌC NHƯ HUỲNH | 10/01/2008 | Nữ | 074308006484 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25975 | Phường An Phú | VA | 7,3 | SU | 7 | DI | 6,93 | 200 | C00 | | 21,23 | 0,25 | 21,48 | 2026 |
| 59 | TRẦN THỊ KIM NGÂN | 05/11/2008 | Nữ | 074308006593 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25807 | Xã Thanh An | VA | 6,23 | SU | 7,47 | DI | 7,2 | 200 | C00 | | 20,9 | 0,5 | 21,4 | 2026 |
| 60 | CHU THỊ BÍCH LOAN | 21/05/2008 | Nữ | 074308008348 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25750 | Phường Phú Lợi | VA | 6,87 | SU | 7,47 | DI | 7,1 | 200 | C00 | | 21,44 | 0,25 | 21,69 | 2026 |
| 61 | TRƯƠNG THỊ THUỲ TRÂN | 16/10/2008 | Nữ | 074308005707 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25819 | Xã Trừ Văn Thố | TO | 5,73 | VA | 6,83 | SU | 6,13 | 200 | C03 | | 18,69 | 0,5 | 19,19 | 2026 |
| 62 | LÊ THỊ HỒNG NHUNG | 31/05/2008 | Nữ | 089308005174 | 2NT | | 91 | An Giang | 30619 | Xã Vĩnh Hanh | VA | 6,5 | SU | 7,63 | DI | 8,03 | 200 | C00 | | 22,16 | 0,5 | 22,66 | 2026 |
| 63 | TRỊNH THỊ ÁNH NHƯ | 06/05/2008 | Nữ | 038308001308 | 2NT | | 38 | Thanh Hoá | 15664 | Xã Triệu Sơn | VA | 7,2 | SU | 6,2 | DI | 5,27 | 200 | C00 | | 18,67 | 0,5 | 19,17 | 2026 |
| 64 | NGUYỄN NGỌC THẢO | 17/10/2008 | Nữ | 074308005797 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25747 | Phường Thủ Dầu Một | TO | 6,57 | VA | 6,07 | DI | 6,4 | 200 | C04 | | 19,04 | 0,25 | 19,29 | 2026 |
| 65 | NGUYỄN PHAN TRÂM ANH | 26/06/2007 | Nữ | 079307037392 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25942 | Phường Dĩ An | TO | 4,93 | VA | 6,5 | SU | 6,87 | 200 | C03 | | 18,3 | 0,25 | 18,55 | 2026 |
| 66 | NGUYỄN THỊ NGỌC NHI | 20/11/2008 | Nữ | 074308001064 | 2 | | 38 | Thanh Hoá | 16033 | Xã Đông Thành | VA | 6,63 | SU | 8,37 | DI | 8,3 | 200 | C00 | | 23,3 | 0,22 | 23,52 | 2026 |
| 67 | NGUYỄN HỒNG THẮM | 16/07/2008 | Nữ | 074308006183 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25920 | Phường Tân Hiệp | VA | 6,17 | SU | 6,43 | DI | 5,77 | 200 | C00 | | 18,37 | 0,25 | 18,62 | 2026 |
| 68 | TRƯƠNG NGỌC MINH VY | 22/07/2008 | Nữ | 070308003562 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25975 | Phường An Phú | VA | 7,3 | SU | 7,13 | DI | 7,5 | 200 | C00 | | 21,93 | 0,25 | 22,18 | 2026 |
| 69 | NGUYỄN TUẤN KHANG | 27/04/2008 | Nam | 074208008009 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25864 | Xã Phước Thành | VA | 7 | SU | 6,8 | DI | 7,07 | 200 | C00 | | 20,87 | 0,5 | 21,37 | 2026 |

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ-KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

**TS. LS. Nguyễn Thị Thu Hà**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**MẪU TS2**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2026*

**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN**
**ĐỢT XÉT TUYỂN: TUYỂN SINH ĐỢT 1**
**NGÀNH: LUẬT**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 154/QĐ-ĐHKTKT ngày 14 tháng 08 năm 2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương)*

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | ĐDCN | KV UT | ĐT UT | Mã tỉnh | Tên tỉnh | Mã quận huyện | Tên quận huyện | Môn 1 | | Môn 2 | | Môn 3 | | Mã PTXT | Mã THM | Điểm lệch | Tổng điểm chưa có UT (Thang 30) | Điểm ưu tiên (Thang 30) | Điểm trúng tuyển | Năm TN |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | NGUYỄN PHƯƠNG GIA | 24/09/2008 | Nữ | 052308001638 | 2 | | 52 | Gia Lai | 21640 | Phường Bồng Sơn | TO | 7,67 | N1 | 7,77 | KTPL | 8,53 | 200 | D84 | | 23,97 | 0,2 | 24,17 | 2026 |
| 2 | TRẦN TỐ GIA HÀO | 16/05/2008 | Nam | 072208006639 | 2NT | | 80 | Tây Ninh | 25681 | xã Bến Cầu | VA | 7,17 | SU | 7,57 | DI | 8,83 | 200 | C00 | | 23,57 | 0,43 | 24 | 2026 |

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ-KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

**TS. LS. Nguyễn Thị Thu Hà**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU TS2

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2026*

**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN**
**ĐỢT XÉT TUYỂN: TUYỂN SINH ĐỢT 1**
**NGÀNH: KỸ THUẬT PHẦN MỀM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 154 /QĐ-ĐHKTKT ngày 14 tháng 08 năm 2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương)*

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | ĐDCN | KV UT | ĐT UT | Mã tỉnh | Tên tỉnh | Mã quận huyện | Tên quận huyện | Môn 1 | | Môn 2 | | Môn 3 | | Mã PTXT | Mã THM | Điểm lệch | Tổng điểm chưa có UT (Thang 30) | Điểm ưu tiên (Thang 30) | Điểm trúng tuyển | Năm TN |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | HUỲNH GIA HUY | 28/10/2008 | Nam | 079208025357 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25849 | Phường Hòa Lợi | TO | 5,5 | LI | 6,77 | CNCN | 7,47 | 200 | X07 | | 19,74 | 0,25 | 19,99 | 2026 |
| 2 | HUỲNH NGỌC THÁI HÀ | 07/06/2008 | Nữ | 082308005325 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25966 | Phường Lái Thiêu | TO | 6 | VA | 6,27 | TI | 6,83 | 200 | X02 | | 19,1 | 0,25 | 19,35 | 2026 |
| 3 | LÊ HOÀNG TRIỆU PHÁT | 25/02/2008 | Nam | 083208005064 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25966 | Phường Lái Thiêu | TO | 6,27 | LI | 5,37 | TI | 6,73 | 200 | X06 | | 18,37 | 0,25 | 18,62 | 2026 |
| 4 | NGUYỄN ĐỖ ĐĂNG KHOA | 13/03/2008 | Nam | 074208007289 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25843 | Phường Tây Nam | TO | 7,1 | VA | 6,3 | TI | 8,2 | 200 | X02 | | 21,6 | 0,25 | 21,85 | 2026 |
| 5 | TRẦ HOÀNG AN | 29/05/2007 | Nam | 079207013014 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 27496 | Xã Tân An Hội | TO | 6,73 | VA | 6,9 | TI | 7,63 | 200 | X02 | | 21,26 | 0,25 | 21,51 | 2026 |
| 6 | NGUYỄN HỒNG NHẬT | 02/08/2008 | Nam | 079208011300 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25975 | Phường An Phú | TO | 5,1 | N1 | 5,97 | CNCN | 6,47 | 200 | X27 | | 17,54 | 0,25 | 17,79 | 2026 |
| 7 | NGUYỄN QUỲNH GIANG | 02/04/2008 | Nữ | 074308004776 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25813 | Phường Bến Cát | TO | 6,27 | VA | 7,23 | TI | 7,5 | 200 | X02 | | 21 | 0,5 | 21,5 | 2026 |
| 8 | NGUYỄN THÀNH LUÂN | 18/12/2008 | Nam | 001208038680 | 2 | | 01 | Hà Nội | 09910 | Xã Kiều Phú | TO | 4,87 | TI | 6,83 | CNCN | 6,7 | 200 | X56 | | 18,4 | 0,25 | 18,65 | 2026 |

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ-KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

TS. LS. Nguyễn Thị Thu Hà

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU TS2

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2026*

**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN**
**ĐỢT XÉT TUYỂN: TUYỂN SINH ĐỢT 1**
**NGÀNH: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 154/QĐ-ĐHKTKT ngày 14 tháng 08 năm 2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương)*

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | ĐDCN | KV ƯT | ĐT ƯT | Mã tỉnh | Tên tỉnh | Mã quận huyện | Tên quận huyện | Môn 1 | | Môn 2 | | Môn 3 | | Mã PTXT | Mã THM | Điểm lệch | Tổng điểm chưa có ƯT (Thang 30) | Điểm ưu tiên (Thang 30) | Điểm trúng tuyển | Năm TN |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | NGÔ QUỐC ĐẠT | 16/01/2007 | Nam | 074207000148 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25942 | Phường Dĩ An | TO | 5,7 | VA | 5,9 | TI | 7,1 | 200 | X02 | | 18,7 | 0,25 | 18,95 | 2026 |
| 2 | NGUYỄN GIA HUY | 11/05/2008 | Nam | 056208011131 | 2 | | 56 | Khánh Hoà | 22546 | Xã Bắc Ninh Hòa | TO | 7,6 | VA | 7,1 | TI | 8,03 | 200 | X02 | | 22,73 | 0,24 | 22,97 | 2026 |
| 3 | VÕ HOÀI AN | 13/05/2008 | Nam | 074208001727 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25975 | Phường An Phú | TO | 5,27 | N1 | 6 | TI | 7,17 | 200 | X26 | | 18,44 | 0,25 | 18,69 | 2026 |
| 4 | PHAN THANH HẠNH | 20/02/2008 | Nam | 066208014286 | 1 | | 66 | Đắk Lắk | 24376 | Xã Ea Knốp | TO | 5,83 | VA | 6,8 | N1 | 5,8 | 200 | D01 | | 18,43 | 0,75 | 19,18 | 2026 |
| 5 | NGUYỄN TRẦN CÔNG HIẾU | 18/02/2008 | Nam | 091208002443 | 2 | | 91 | An Giang | 30850 | Xã Tân Hiệp | TO | 6,33 | LI | 6,83 | CNCN | 7 | 200 | X07 | | 20,16 | 0,25 | 20,41 | 2026 |
| 6 | ĐẬU XUÂN TIẾN | 10/12/2007 | Nam | 074207004468 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25906 | Xã Bắc Tân Uyên | TO | 5,9 | LI | 5,9 | TI | 7,07 | 200 | X06 | | 18,87 | 0,25 | 19,12 | 2026 |
| 7 | LƯU NGUYỄN THIÊN CHƯƠNG | 18/08/2008 | Nam | 054208008858 | 2 | | 66 | Đắk Lắk | 22258 | Phường Đông Hòa | TO | 6,5 | LI | 7,5 | HO | 7,1 | 200 | A00 | | 21,1 | 0,25 | 21,35 | 2026 |
| 8 | PHẠM PHƯỚC THỊNH | 07/01/2008 | Nam | 079208011320 | 3 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 27094 | Phường An Khánh | TO | 7,47 | LI | 7,37 | TI | 8,47 | 200 | X06 | | 23,31 | 0 | 23,31 | 2026 |
| 9 | NGUYỄN THANH HÀ | 26/09/2008 | Nam | 087208006566 | 2 | | 82 | Đồng Tháp | 30037 | Xã Tháp Mười | TO | 6,73 | VA | 7,37 | TI | 7,63 | 200 | X02 | | 21,73 | 0,25 | 21,98 | 2026 |
| 10 | VŨ ĐỨC NGHĨA | 13/01/2008 | Nam | 079208012505 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25945 | Phường Tân Đông Hiệp | TO | 6,8 | VA | 6,13 | LI | 6,6 | 200 | C01 | | 19,53 | 0,25 | 19,78 | 2026 |
| 11 | KIỀU ANH KHOA | 25/01/2008 | Nam | 058208006980 | 1 | | 56 | Khánh Hoà | 22891 | Xã Phước Hữu | TO | 6,1 | VA | 6,73 | TI | 6,63 | 200 | X02 | | 19,46 | 0,75 | 20,21 | 2026 |
| 12 | HUỲNH TIẾN ĐẠT | 11/05/2008 | Nam | 074208001185 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25920 | Phường Tân Hiệp | TO | 6,37 | LI | 5,2 | TI | 7,8 | 200 | X06 | | 19,37 | 0,25 | 19,62 | 2026 |
| 13 | NGUYỄN TẤN TÀI | 28/09/2008 | Nam | 074208005248 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25966 | Phường Lái Thiêu | TO | 7,1 | TI | 7,87 | CNCN | 7,9 | 200 | X56 | | 22,87 | 0,24 | 23,11 | 2026 |
| 14 | CHÂU GIA KIỆT | 24/10/2008 | Nam | 074208005983 | 3 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25942 | Phường Dĩ An | TO | 7 | VA | 7,5 | N1 | 6,97 | 200 | D01 | | 21,47 | 0 | 21,47 | 2026 |
| 15 | NGUYỄN TRỌNG NGHĨA | 31/01/2008 | Nam | 074208002634 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25760 | Phường Bình Dương | TO | 5,9 | VA | 7,1 | TI | 7,1 | 200 | X02 | | 20,1 | 0,25 | 20,35 | 2026 |
| 16 | NGUYỄN HOÀNG THANH | 14/12/2008 | Nam | 089208012349 | 2NT | | 91 | An Giang | 30664 | Xã Long Kiến | TO | 7,43 | VA | 8,67 | CNCN | 7,47 | 200 | X03 | | 23,57 | 0,43 | 24 | 2026 |
| 17 | TRẦN KHÁNH DƯƠNG | 10/03/2008 | Nam | 074208002032 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25975 | Phường An Phú | TO | 6,63 | LI | 6,2 | TI | 6,97 | 200 | X06 | | 19,8 | 0,25 | 20,05 | 2026 |
| 18 | BÙI THIÊN LỘC | 11/10/2008 | Nam | 079208022940 | 3 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 26944 | Phường Gia Định | TO | 6,33 | VA | 7,23 | TI | 9,1 | 200 | X02 | | 22,66 | 0 | 22,66 | 2026 |
| 19 | VÕ KHẢI DUY | 20/11/2007 | Nam | 096207012115 | 2NT | | 96 | Cà Mau | 32152 | Xã Đầm Dơi | TO | 6,17 | TI | 8,5 | CNCN | 7,5 | 200 | X56 | | 22,17 | 0,5 | 22,67 | 2026 |
| 20 | NGUYỄN THÀNH ĐẠT | 27/09/2008 | Nam | 074208008576 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25777 | Xã Dầu Tiếng | TO | 5,33 | VA | 5,87 | N1 | 6,6 | 200 | D01 | | 17,8 | 0,5 | 18,3 | 2026 |
| 21 | LÊ THÀNH HƯNG | 05/04/2008 | Nam | 091208001312 | 3 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 26773 | Phường Thới An | TO | 6,93 | VA | 6,37 | LI | 8,2 | 200 | C01 | | 21,5 | 0 | 21,5 | 2026 |
| 22 | LÊ BÁ HOÀI AN | 18/04/2008 | Nam | 038208002072 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25891 | Phường Tân Khánh | TO | 8,43 | LI | 6,27 | HO | 6,7 | 200 | A00 | | 21,4 | 0,25 | 21,65 | 2026 |
| 23 | HOÀNG LÊ TRƯỜNG HUY | 25/11/2008 | Nam | 025208003688 | 1 | | 38 | Thanh Hoá | 15250 | Xã Ngọc Trạo | TO | 4,83 | N1 | 6,53 | CNCN | 6,1 | 200 | X27 | | 17,46 | 0,75 | 18,21 | 2026 |
| 24 | LÊ CHÍ TRỌNG | 20/10/2008 | Nam | 074208001744 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25840 | Phường Long Nguyên | TO | 6,1 | LI | 6,4 | CNCN | 6,33 | 200 | X07 | | 18,83 | 0,25 | 19,08 | 2026 |

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ-KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

**TS. LS. Nguyễn Thị Thu Hà**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU TS2

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2026*

# DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
## ĐỢT XÉT TUYỂN: TUYỂN SINH ĐỢT 1
## NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 154/QĐ-ĐHKTKT ngày 14 tháng 08 năm 2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương)*

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | ĐDCN | KV ƯT | ĐT ƯT | Mã tỉnh | Tên tỉnh | Mã quận huyện | Tên quận huyện | Môn 1 | | Môn 2 | | Môn 3 | | Mã PTXT | Mã THM | Điểm lệch | Tổng điểm chưa có ƯT (Thang 30) | Điểm ưu tiên (Thang 30) | Điểm trúng tuyển | Năm TN |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | ĐỖ TRƯỜNG DIỆU | 18/05/2008 | Nam | 072208000196 | 2NT | | 80 | Tây Ninh | 25657 | xã Thạnh Đức | TO | 7,57 | N1 | 7,97 | TI | 8,83 | 200 | X26 | | 24,37 | 0,38 | 24,75 | 2026 |
| 2 | LÊ TRUNG KIÊN | 15/06/2008 | Nam | 066208000986 | 2 | | 66 | Đắk Lắk | 24373 | Xã Ea Kar | TO | 6,4 | VA | 5,17 | TI | 6,43 | 200 | X02 | | 18 | 0,25 | 18,25 | 2026 |
| 3 | TRẦN GIA HUY | 08/09/2008 | Nam | 074208007135 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25891 | Phường Tân Khánh | TO | 5,97 | VA | 5,83 | TI | 7,8 | 200 | X02 | | 19,6 | 0,25 | 19,85 | 2026 |
| 4 | HUỲNH NGỌC KHÁNH HẢI | 14/02/2008 | Nam | 058208002001 | 2 | | 56 | Khánh Hoà | 22888 | Xã Phước Dinh | TO | 5,83 | VA | 7,07 | TI | 6,47 | 200 | X02 | | 19,37 | 0,25 | 19,62 | 2026 |
| 5 | NGUYỄN QUỐC ĐẠI | 16/10/2008 | Nam | 072208011508 | 2NT | | 80 | Tây Ninh | 25654 | phường Gò Dầu | TO | 7,2 | VA | 6,9 | N1 | 6,73 | 200 | D01 | | 20,83 | 0,5 | 21,33 | 2026 |
| 6 | VƯƠNG TRUNG KIÊN | 05/10/2008 | Nam | 072208011045 | 2 | | 80 | Tây Ninh | 25459 | phường Tân Ninh | TO | 6,33 | VA | 7,2 | N1 | 7,27 | 200 | D01 | | 20,8 | 0,25 | 21,05 | 2026 |
| 7 | LƯU TRẦN ANH KHÔI | 31/10/2008 | Nam | 074208009944 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25882 | Xã Phước Hòa | TO | 7,7 | LI | 6,07 | HO | 6,43 | 200 | A00 | | 20,2 | 0,5 | 20,7 | 2026 |
| 8 | NGUYỄN HỒ ĐÌNH QUANG | 17/02/2008 | Nam | 040208021625 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25882 | Xã Phước Hòa | TO | 6,6 | LI | 5,37 | HO | 6,97 | 200 | A00 | | 18,94 | 0,5 | 19,44 | 2026 |
| 9 | NGUYỄN QUỐC HUY | 20/09/2008 | Nam | 074208003008 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25942 | Phường Dĩ An | TO | 5,27 | VA | 5,9 | TI | 5,93 | 200 | X02 | | 17,1 | 0,25 | 17,35 | 2026 |
| 10 | NGUYỄN LÊ TRỌNG KHA | 22/12/2008 | Nam | 068208001480 | 1 | | 68 | Lâm Đồng | 24717 | Xã Đức An | TO | 5,67 | N1 | 6,43 | TI | 7,23 | 200 | X26 | | 19,33 | 0,75 | 20,08 | 2026 |
| 11 | VŨ THÀNH ĐẠT | 12/01/2008 | Nam | 024208004176 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25813 | Phường Bến Cát | TO | 5,83 | VA | 6,9 | CNCN | 7 | 200 | X03 | | 19,73 | 0,25 | 19,98 | 2026 |
| 12 | TRẦN PHI LONG | 10/10/2008 | Nam | 074208001810 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25822 | Xã Bàu Bàng | TO | 6,3 | VA | 6,53 | TI | 6,7 | 200 | X02 | | 19,53 | 0,25 | 19,78 | 2026 |
| 13 | VÕ HUY HOÀNG | 20/10/2008 | Nam | 052208001484 | 2NT | | 52 | Gia Lai | 21853 | Xã Phù Cát | TO | 6,3 | VA | 6,6 | N1 | 7 | 200 | D01 | | 19,9 | 0,5 | 20,4 | 2026 |
| 14 | LÊ THANH TUẤN | 28/08/2007 | Nam | 074207002168 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25792 | Xã Long Hòa | TO | 5,8 | VA | 5,7 | TI | 6,47 | 200 | X02 | | 17,97 | 0,5 | 18,47 | 2026 |
| 15 | MAI NGUYỄN NHẬT PHI | 05/12/2008 | Nam | 070208008333 | 2NT | | 75 | TP. Đồng Nai | 25270 | Xã Lộc Ninh | TO | 5,83 | VA | 5,87 | N1 | 6,27 | 200 | D01 | | 17,97 | 0,5 | 18,47 | 2026 |
| 16 | NGUYỄN TUẤN DŨNG | 06/09/2008 | Nam | 042208003189 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 26575 | Xã Ngãi Giao | TO | 5,57 | VA | 6,93 | CNCN | 8,03 | 200 | X03 | | 20,53 | 0,5 | 21,03 | 2026 |
| 17 | LÊ TRỌNG PHƯƠNG | 03/05/2008 | Nam | 038208027830 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25945 | Phường Tân Đông Hiệp | TO | 7,7 | LI | 8 | TI | 8,67 | 200 | X06 | | 24,37 | 0,19 | 24,56 | 2026 |
| 18 | NGUYỄN VĂN ĐẠI | 27/08/2008 | Nam | 070208005274 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25217 | Phường Phước Long | TO | 5,57 | VA | 7,47 | TI | 8,07 | 200 | X02 | | 21,11 | 0,25 | 21,36 | 2026 |
| 19 | ĐỖ GIA HÀO | 29/08/2008 | Nam | 070208008115 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25217 | Phường Phước Long | TO | 4,3 | VA | 6,07 | TI | 8,33 | 200 | X02 | | 18,7 | 0,25 | 18,95 | 2026 |
| 20 | QUÁCH TẤN ĐẠT | 01/10/2008 | Nam | 074208006612 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25909 | Xã Thường Tân | TO | 6,23 | VA | 5,63 | LI | 5,53 | 200 | C01 | | 17,39 | 0,25 | 17,64 | 2026 |
| 21 | LÊ ANH TUẤN | 01/10/2008 | Nam | 070208010036 | 2NT | | 75 | TP. Đồng Nai | 25308 | Xã Thiện Hưng | TO | 7,43 | N1 | 6,8 | TI | 7,17 | 200 | X26 | | 21,4 | 0,5 | 21,9 | 2026 |
| 22 | ĐỖ HỮU GIÀU | 22/01/2008 | Nam | 070208005518 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25432 | Phường Chơn Thành | TO | 5,33 | VA | 6,07 | CNCN | 7,1 | 200 | X03 | | 18,5 | 0,25 | 18,75 | 2026 |
| 23 | TRƯƠNG HOÀNG LỘC | 11/08/2008 | Nam | 046208004296 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25840 | Phường Long Nguyên | TO | 6,37 | VA | 7,17 | TI | 7,53 | 200 | X02 | | 21,07 | 0,25 | 21,32 | 2026 |
| 24 | NGUYỄN QUANG MINH | 23/06/2008 | Nam | 074208005016 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25912 | Phường Vĩnh Tân | TO | 6,13 | LI | 6,6 | TI | 7 | 200 | X06 | | 19,73 | 0,5 | 20,23 | 2026 |
| 25 | KIỀU LÊ ANH HUY | 08/07/2008 | Nam | 074208003131 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25747 | Phường Thủ Dầu Một | TO | 6 | LI | 6,57 | CNCN | 8 | 200 | X07 | | 20,57 | 0,25 | 20,82 | 2026 |
| 26 | NGÔ PHONG DƯƠNG | 01/12/2008 | Nam | 074208006287 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25768 | Phường Phú An | TO | 7,17 | VA | 6,57 | LI | 5,93 | 200 | C01 | | 19,67 | 0,25 | 19,92 | 2026 |
| 27 | HÀ MINH TIẾN | 04/04/2008 | Nam | 074208003406 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25906 | Xã Bắc Tân Uyên | TO | 5,5 | VA | 7,03 | CNCN | 6,27 | 200 | X03 | | 18,8 | 0,5 | 19,3 | 2026 |
| 28 | TRƯƠNG HỮU KHANG | 06/02/2008 | Nam | 079208018693 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 26848 | Phường Phước Long | TO | 6,23 | LI | 7,53 | TI | 7,4 | 200 | X06 | | 21,16 | 0,25 | 21,41 | 2026 |
| 29 | PHẠM KHÁNH HƯNG | 27/09/2008 | Nam | 038208026510 | 2 | 05a | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25891 | Phường Tân Khánh | TO | 5,4 | LI | 5,53 | HO | 6,23 | 200 | A00 | | 17,16 | 1,25 | 18,41 | 2026 |
| 30 | TRẦN GIA HUY | 12/05/2008 | Nam | 074208007128 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25945 | Phường Tân Đông Hiệp | TO | 6,53 | LI | 8,47 | TI | 7,77 | 200 | X06 | | 22,77 | 0,24 | 23,01 | 2026 |
| 31 | NGUYỄN TRẦN DUY KHANG | 26/04/2008 | Nam | 070208011197 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25333 | Phường An Lộc | TO | 5,93 | N1 | 5,33 | TI | 5,7 | 200 | X26 | | 16,96 | 0,25 | 17,21 | 2026 |
| 32 | TRẦN ĐÌNH MINH NHẬT | 23/08/2008 | Nam | 040208004239 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25969 | Phường Thuận Giao | TO | 5,73 | VA | 6,87 | TI | 7,83 | 200 | X02 | | 20,43 | 0,25 | 20,68 | 2026 |
| 33 | NGUYỄN TRUNG HIẾU | 14/08/2008 | Nam | 074208009528 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25912 | Phường Vĩnh Tân | TO | 5 | VA | 6,8 | CNCN | 7,7 | 200 | X03 | | 19,5 | 0,5 | 20 | 2026 |
| 34 | PHAN MINH TOÀN | 27/07/2008 | Nam | 072208012046 | 2 | | 80 | Tây Ninh | 25567 | phường Ninh Thạnh | TO | 6,63 | LI | 8,33 | TI | 7,8 | 200 | X06 | | 22,76 | 0,24 | 23 | 2026 |
| 35 | VÕ NGỌC DUY ANH | 06/06/2007 | Nam | 079207020476 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 26809 | Phường Hiệp Bình | TO | 6,3 | LI | 7,7 | CNCN | 8 | 200 | X07 | | 22 | 0,25 | 22,25 | 2026 |
| 36 | NGUYỄN ĐỖ TRUNG HIẾU | 08/06/2008 | Nam | 067208004698 | 1 | | 68 | Lâm Đồng | 24688 | Xã Krông Nô | TO | 7,1 | VA | 5,83 | N1 | 6,93 | 200 | D01 | | 19,86 | 0,75 | 20,61 | 2026 |
| 37 | BÙI VĂN DUY | 04/09/2008 | Nam | 034208012217 | 2 | | 33 | Hưng Yên | 12754 | Xã Tiên Hưng | TO | 7,2 | VA | 6,6 | LI | 6,6 | 200 | C01 | | 20,4 | 0,25 | 20,65 | 2026 |

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | ĐDCN | KV ƯT | ĐT ƯT | Mã tỉnh | Tên tỉnh | Mã quận huyện | Tên quận huyện | Môn 1 | | Môn 2 | | Môn 3 | | Mã PTXT | Mã THM | Điểm lệch | Tổng điểm chưa có ƯT (Thang 30) | Điểm ưu tiên (Thang 30) | Điểm trúng tuyển | Năm TN |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 38 | HUỲNH TRỌNG ĐẠI | 06/05/2008 | Nam | 054208008926 | 2NT | | 66 | Đắk Lắk | 22319 | Xã Phú Hòa 1 | TO | 6,53 | LI | 7,77 | TI | 7,87 | 200 | X06 | | 22,17 | 0,5 | 22,67 | 2026 |
| 39 | HOÀNG GIA HUY | 18/02/2008 | Nam | 038208022502 | 2 | | 38 | Thanh Hoá | 16549 | Xã Tiên Trang | TO | 6,2 | LI | 7,17 | HO | 6,93 | 200 | A00 | | 20,3 | 0,25 | 20,55 | 2026 |
| 40 | NGUYỄN HOÀNG MINH KHOA | 16/06/2008 | Nam | 074208000494 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25975 | Phường An Phú | TO | 6,37 | N1 | 7,03 | TI | 8 | 200 | X26 | | 21,4 | 0,25 | 21,65 | 2026 |
| 41 | TRỊNH XUÂN KHÁNH | 31/07/2008 | Nam | 075208005435 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25993 | Phường Trảng Dài | TO | 8,03 | LI | 7,1 | N1 | 6,67 | 200 | A01 | | 21,8 | 0,25 | 22,05 | 2026 |
| 42 | PHẠM HỒNG CÔNG | 12/02/2008 | Nam | 074208006430 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25906 | Xã Bắc Tân Uyên | TO | 5,57 | LI | 6,3 | CNCN | 7,2 | 200 | X07 | | 19,07 | 0,25 | 19,32 | 2026 |
| 43 | HOÀNG VĂN MINH | 23/08/2008 | Nam | 038208020324 | 1 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25345 | Xã Tân Hưng | TO | 7,27 | LI | 7,47 | TI | 8,13 | 200 | X06 | | 22,87 | 0,71 | 23,58 | 2026 |
| 44 | TRẦN DANH DUY | 28/09/2007 | Nam | 038207026877 | 2 | | 38 | Thanh Hoá | 15574 | Xã Xuân Tín | TO | 7,17 | VA | 6,77 | TI | 6,93 | 200 | X02 | | 20,87 | 0,25 | 21,12 | 2026 |
| 45 | NGUYỄN CHÂU NHÂN | 23/09/2007 | Nam | 074207008554 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25920 | Phường Tân Hiệp | TO | 5,6 | LI | 6,07 | TI | 7,43 | 200 | X06 | | 19,1 | 0,25 | 19,35 | 2026 |
| 46 | NGUYỄN HỮU PHÁT | 25/05/2008 | Nam | 074208004372 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25966 | Phường Lái Thiêu | TO | 7,03 | LI | 6,63 | HO | 5,47 | 200 | A00 | | 19,13 | 0,25 | 19,38 | 2026 |
| 47 | NGUYỄN GIA THIÊN LỘC | 23/09/2008 | Nam | 074208001395 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25760 | Phường Bình Dương | TO | 6,7 | LI | 6,73 | TI | 7,33 | 200 | X06 | | 20,76 | 0,25 | 21,01 | 2026 |
| 48 | LÊ ANH DUY | 26/11/2008 | Nam | 070208001760 | 2NT | | 75 | TP. Đồng Nai | 25292 | Xã Lộc Quang | TO | 6,17 | LI | 6,7 | TI | 8,13 | 200 | X06 | | 21 | 0,5 | 21,5 | 2026 |
| 49 | LÊ MINH KHANG | 09/06/2008 | Nam | 074208008334 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25882 | Xã Phước Hòa | TO | 6,53 | VA | 7,07 | TI | 7,07 | 200 | X02 | | 20,67 | 0,5 | 21,17 | 2026 |
| 50 | NGUYỄN VĂN MINH | 29/07/2008 | Nam | 040208026611 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25987 | Phường Bình Hòa | TO | 6,03 | LI | 5,37 | TI | 5,37 | 200 | X06 | | 16,77 | 0,25 | 17,02 | 2026 |
| 51 | NGUYỄN VĂN HẠNH | 10/01/2008 | Nam | 038208016409 | 2NT | | 38 | Thanh Hoá | 15091 | Xã Ngọc Liên | TO | 7,17 | VA | 6,9 | LI | 6,8 | 200 | C01 | | 20,87 | 0,5 | 21,37 | 2026 |
| 52 | NGUYỄN HUỲNH TRỌNG HỮU | 16/10/2008 | Nam | 054208002586 | 2NT | | 66 | Đắk Lắk | 22319 | Xã Phú Hòa 1 | TO | 6,4 | VA | 6,47 | N1 | 6,27 | 200 | D01 | | 19,14 | 0,5 | 19,64 | 2026 |
| 53 | ĐỖ MINH THUẬN | 13/03/2008 | Nam | 074208005846 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25792 | Xã Long Hòa | TO | 6,9 | LI | 6,5 | TI | 6,7 | 200 | X06 | | 20,1 | 0,5 | 20,6 | 2026 |
| 54 | DƯƠNG TRUNG TRỰC | 09/12/2008 | Nam | 074208009294 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 26068 | Phường Biên Hòa | TO | 7,23 | LI | 7,93 | HO | 6,93 | 200 | A00 | | 22,09 | 0,25 | 22,34 | 2026 |
| 55 | TÔ TẤN HÀO | 07/08/2008 | Nam | 052208015353 | 2NT | | 52 | Gia Lai | 21901 | Xã Ngô Mây | TO | 7,6 | LI | 7,37 | TI | 7,8 | 200 | X06 | | 22,77 | 0,48 | 23,25 | 2026 |
| 56 | TRẦN ANH HÀO | 16/11/2008 | Nam | 089208003008 | 2NT | | 91 | An Giang | 30628 | Xã Chợ Mới | TO | 6,27 | VA | 6,53 | LI | 6,43 | 200 | C01 | | 19,23 | 0,5 | 19,73 | 2026 |
| 57 | NGUYỄN XUÂN HUY | 08/03/2008 | Nam | 038208030972 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25837 | Phường Chánh Phú Hòa | TO | 6,13 | VA | 6,07 | TI | 7,37 | 200 | X02 | | 19,57 | 0,5 | 20,07 | 2026 |
| 58 | BÙI VIỆT THỊNH | 02/12/2008 | Nam | 044208009351 | 2NT | | 44 | Quảng Trị | 19237 | Xã Trường Ninh | TO | 6,33 | VA | 6,3 | CNCN | 8,23 | 200 | X03 | | 20,86 | 0,5 | 21,36 | 2026 |
| 59 | NGUYỄN KHÁNH TOÀN | 06/06/2008 | Nam | 080208005902 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25891 | Phường Tân Khánh | TO | 5,03 | LI | 6,17 | TI | 6,73 | 200 | X06 | | 17,93 | 0,25 | 18,18 | 2026 |
| 60 | ĐÀM PHÚC THỊNH | 20/11/2008 | Nam | 074208010699 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25978 | Phường Thuận An | TO | 5,63 | N1 | 7,23 | TI | 6,37 | 200 | X26 | | 19,23 | 0,25 | 19,48 | 2026 |
| 61 | NGUYỄN TUẤN MINH | 17/07/2008 | Nam | 074208010351 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25891 | Phường Tân Khánh | TO | 5,53 | LI | 6,2 | HO | 6,9 | 200 | A00 | | 18,63 | 0,25 | 18,88 | 2026 |
| 62 | LÊ NGUYỄN TUẤN ANH | 26/08/2008 | Nam | 070208009816 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25417 | Xã Nghĩa Trung | TO | 6,23 | LI | 6,5 | TI | 7,8 | 200 | X06 | | 20,53 | 0,25 | 20,78 | 2026 |
| 63 | NGUYỄN MINH TRIẾT | 03/01/2008 | Nam | 072208010301 | 2NT | | 80 | Tây Ninh | 25579 | xã Lộc Ninh | TO | 6,03 | VA | 6,73 | TI | 7,07 | 200 | X02 | | 19,83 | 0,5 | 20,33 | 2026 |
| 64 | LƯỢNG MINH HẢI | 09/09/2008 | Nam | 049208008488 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25942 | Phường Dĩ An | TO | 6,7 | VA | 6,6 | TI | 8,1 | 200 | X02 | | 21,4 | 0,25 | 21,65 | 2026 |
| 65 | TRẦN NGỌC ANH HÀO | 15/04/2008 | Nam | 082208005679 | 2 | | 86 | Vĩnh Long | 29407 | Xã Hưng Mỹ | TO | 6,27 | LI | 6,97 | HO | 7,43 | 200 | A00 | | 20,67 | 0,25 | 20,92 | 2026 |
| 66 | LƯU HOÀNG LONG | 18/08/2008 | Nam | 079208011173 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25771 | Phường Chánh Hiệp | TO | 6,13 | N1 | 6,17 | TI | 7,03 | 200 | X26 | | 19,33 | 0,25 | 19,58 | 2026 |
| 67 | VÕ TẤN AN | 05/02/2008 | Nam | 080208007771 | 2NT | | 80 | Tây Ninh | 28243 | xã An Lục Long | TO | 6,2 | VA | 7,17 | TI | 7,97 | 200 | X02 | | 21,34 | 0,5 | 21,84 | 2026 |
| 68 | BÙI NGUYỄN THẢO MINH | 23/11/2008 | Nam | 089208001182 | 2NT | | 91 | An Giang | 30589 | Xã An Châu | TO | 7,17 | LI | 7,77 | HO | 7,33 | 200 | A00 | | 22,27 | 0,5 | 22,77 | 2026 |
| 69 | HOÀNG GIA AN | 21/11/2008 | Nam | 040208011973 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25951 | Phường Đông Hòa | TO | 6,53 | VA | 6,77 | N1 | 7,53 | 200 | D01 | | 20,83 | 0,25 | 21,08 | 2026 |
| 70 | NGUYỄN MINH TÂN | 26/05/2008 | Nam | 079208001166 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25966 | Phường Lái Thiêu | TO | 6,17 | N1 | 6,13 | TI | 7,4 | 200 | X26 | | 19,7 | 0,25 | 19,95 | 2026 |
| 71 | NGUYỄN HOÀNG BẢO ANH | 24/01/2008 | Nam | 082208001352 | 2 | | 82 | Đồng Tháp | 28537 | Xã Long Hưng | TO | 5,8 | VA | 7 | TI | 6,87 | 200 | X02 | | 19,67 | 0,25 | 19,92 | 2026 |
| 72 | NGUYỄN ĐĂNG KHÔI | 12/10/2008 | Nam | 074208007004 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25867 | Xã An Long | TO | 5,03 | VA | 5,97 | TI | 7,37 | 200 | X02 | | 18,37 | 0,5 | 18,87 | 2026 |
| 73 | CHU ĐÌNH NAM | 10/12/2008 | Nam | 038208008332 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25750 | Phường Phú Lợi | TO | 7,1 | VA | 6,6 | LI | 6,2 | 200 | C01 | | 19,9 | 0,25 | 20,15 | 2026 |
| 74 | NGUYỄN HOÀNG MINH SANG | 15/08/2008 | Nam | 074208002588 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25888 | Phường Tân Uyên | TO | 6,87 | LI | 6,5 | CNCN | 6,83 | 200 | X07 | | 20,2 | 0,25 | 20,45 | 2026 |
| 75 | HUỲNH TRÚC NHÂN | 26/07/2008 | Nam | 079208031946 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25771 | Phường Chánh Hiệp | TO | 8,3 | LI | 7,8 | HO | 7,43 | 200 | A00 | | 23,53 | 0,22 | 23,75 | 2026 |
| 76 | NGUYỄN HOÀNG ĐĂNG KHOA | 24/07/2008 | Nam | 094208006220 | 2 | | 92 | Cần Thơ | 31675 | Xã Liêu Tú | TO | 7,27 | LI | 6,33 | CNCN | 6,67 | 200 | X07 | | 20,27 | 0,25 | 20,52 | 2026 |
| 77 | LÊ ĐỨC THỊNH | 20/11/2008 | Nam | 070208004103 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25771 | Phường Chánh Hiệp | TO | 6,83 | LI | 6,87 | CNCN | 7,7 | 200 | X07 | | 21,4 | 0,25 | 21,65 | 2026 |
| 78 | NGUYỄN PHÚC KHANG | 01/06/2008 | Nam | 083208008522 | 2 | | 86 | Vĩnh Long | 28987 | Xã Lương Hòa | TO | 7,57 | VA | 7,1 | TI | 7,03 | 200 | X02 | | 21,7 | 0,25 | 21,95 | 2026 |
| 79 | VÕ MINH TIẾN | 29/01/2008 | Nam | 072208002077 | 2 | | 80 | Tây Ninh | 25630 | phường Long Hoa | TO | 7 | LI | 7,63 | TI | 7,17 | 200 | X06 | | 21,8 | 0,25 | 22,05 | 2026 |
| 80 | TRƯƠNG HOÀNG LÂM | 01/01/2008 | Nam | 074208008284 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25840 | Phường Long Nguyên | TO | 5,2 | LI | 6,2 | TI | 7,9 | 200 | X06 | | 19,3 | 0,25 | 19,55 | 2026 |
| 81 | NGUYỄN TRUNG HIẾU | 26/08/2008 | Nam | 052208001167 | 2 | | 52 | Gia Lai | 21910 | Phường An Nhơn | TO | 6,37 | VA | 6,3 | CNCN | 7,43 | 200 | X03 | | 20,1 | 0,25 | 20,35 | 2026 |
| 82 | BÙI VĂN THIỆN | 14/04/2008 | Nam | 052208013618 | 2 | | 52 | Gia Lai | 21910 | Phường An Nhơn | TO | 7 | N1 | 7,1 | TI | 8,23 | 200 | X26 | | 22,33 | 0,25 | 22,58 | 2026 |
| 83 | NGUYỄN TRẦN GIA HUY | 05/01/2008 | Nam | 072208004721 | 2 | | 80 | Tây Ninh | 25630 | phường Long Hoa | TO | 5,43 | VA | 6,77 | TI | 6,4 | 200 | X02 | | 18,6 | 0,25 | 18,85 | 2026 |
| 84 | NGUYỄN XUÂN THÀNH | 11/08/2008 | Nam | 074208006081 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25945 | Phường Tân Đông Hiệp | TO | 6,03 | LI | 7,57 | TI | 8,1 | 200 | X06 | | 21,7 | 0,25 | 21,95 | 2026 |
| 85 | TRẦN VĂN VỤ | 22/07/2005 | Nam | 036205008464 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25220 | Phường Phước Bình | TO | 5,23 | VA | 6,23 | TI | 7,93 | 200 | X02 | | 19,39 | 0,25 | 19,64 | 2026 |
| 86 | HẮC PHÚ THÀNH | 02/09/2008 | Nam | 074208010306 | 2NT | | 82 | Đồng Tháp | 28439 | Phường Cai Lậy | TO | 6,6 | VA | 7,27 | N1 | 6,9 | 200 | D01 | | 20,77 | 0,5 | 21,27 | 2026 |
| 87 | NGUYỄN GIA HUY | 14/09/2008 | Nam | 074208004196 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25891 | Phường Tân Khánh | TO | 6,1 | LI | 6,03 | HO | 6,07 | 200 | A00 | | 18,2 | 0,25 | 18,45 | 2026 |

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | ĐDCN | KV UT | ĐT UT | Mã tỉnh | Tên tỉnh | Mã quận huyện | Tên quận huyện | Môn 1 | | Môn 2 | | Môn 3 | | Mã PTXT | Mã THM | Điểm lệch | Tổng điểm chưa có UT (Thang 30) | Điểm ưu tiên (Thang 30) | Điểm trúng tuyển | Năm TN |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 88 | PHẠM MINH PHÚ | 20/08/2008 | Nam | 079208022589 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 27544 | Xã Bình Mỹ | TO | 6,57 | LI | 7,37 | TI | 9,1 | 200 | X06 | | 23,04 | 0,23 | 23,27 | 2026 |
| 89 | CAO CHÍ LỘC | 25/08/2008 | Nam | 052208013101 | 2NT | | 52 | Gia Lai | 21688 | Xã Hoài Ân | TO | 4,87 | VA | 6,67 | TI | 7,63 | 200 | X02 | | 19,17 | 0,5 | 19,67 | 2026 |

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ-KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

TS. LS. Nguyễn Thị Thu Hà

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU TS2

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2026*

# DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
## ĐỢT XÉT TUYỂN: TUYỂN SINH ĐỢT 1
## NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 154/QĐ-ĐHKTKT ngày 14 tháng 08 năm 2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương)*

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | ĐĐCN | KV ƯT | ĐT ƯT | Mã tỉnh | Tên tỉnh | Mã quận huyện | Tên quận huyện | Môn 1 | | Môn 2 | | Môn 3 | | Mã PTXT | Mã THM | Điểm lệch | Tổng điểm chưa có ƯT (Thang 30) | Điểm ưu tiên (Thang 30) | Điểm trúng tuyển | Năm TN |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | NGUYỄN PHI TÂM | 06/05/2008 | Nam | 034208000976 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25915 | Phường Bình Cơ | TO | 5,53 | VA | 5,47 | TI | 7 | 200 | X02 | | 18 | 0,25 | 18,25 | 2026 |
| 2 | TRƯƠNG THÀNH ĐẠT | 12/10/2008 | Nam | 052208003675 | 2NT | | 52 | Gia Lai | 21688 | Xã Hoài Ân | TO | 7,3 | VA | 7,2 | TI | 8,07 | 200 | X02 | | 22,57 | 0,5 | 23,07 | 2026 |
| 3 | NGUYỄN THÀNH YÊN | 14/03/2008 | Nam | 072208008684 | 2NT | | 80 | Tây Ninh | 25672 | phường Gia Lộc | TO | 7,37 | VA | 6,27 | TI | 8,1 | 200 | X02 | | 21,74 | 0,5 | 22,24 | 2026 |
| 4 | HỒ THỊ YẾN NHI | 22/02/2008 | Nữ | 066308006249 | 2NT | | 66 | Đắk Lắk | 24490 | Xã Krông Pắc | TO | 7,9 | LI | 7,6 | CNCN | 8,83 | 200 | X07 | | 24,33 | 0,38 | 24,71 | 2026 |
| 5 | NGUYỄN HOÀNG ANH | 03/12/2008 | Nam | 034208017590 | 2 | | 33 | Hưng Yên | 12922 | Xã Thái Ninh | TO | 5,83 | VA | 6,47 | LI | 6,53 | 200 | C01 | | 18,83 | 0,25 | 19,08 | 2026 |
| 6 | TRẦN LÊ TUẤN PHONG | 31/07/2008 | Nam | 074208005470 | 2 | | 86 | Vĩnh Long | 28984 | Xã Giồng Trôm | TO | 5,5 | VA | 5,8 | TI | 6,5 | 200 | X02 | | 17,8 | 0,25 | 18,05 | 2026 |
| 7 | ĐẶNG VĂN HẢI ĐĂNG | 13/12/2008 | Nam | 042208008811 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25945 | Phường Tân Đông Hiệp | TO | 5,17 | VA | 6,27 | CNCN | 6,27 | 200 | X03 | | 17,71 | 0,25 | 17,96 | 2026 |
| 8 | LÊ VĂN ANH THI | 29/08/2008 | Nam | 074208003289 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25867 | Xã An Long | TO | 6,07 | LI | 5,8 | HO | 6,73 | 200 | A00 | | 18,6 | 0,5 | 19,1 | 2026 |
| 9 | DƯƠNG MẠNH DŨNG | 16/10/2008 | Nam | 042208005267 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25920 | Phường Tân Hiệp | TO | 6,13 | VA | 7,23 | LI | 6,4 | 200 | C01 | | 19,76 | 0,5 | 20,26 | 2026 |
| 10 | LÊ HỒNG SƠN | 26/02/2008 | Nam | 038208008190 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25840 | Phường Long Nguyên | TO | 6,67 | LI | 7,13 | CNCN | 7,3 | 200 | X07 | | 21,1 | 0,25 | 21,35 | 2026 |
| 11 | QUÁCH THANH VŨ | 15/07/2008 | Nam | 038208002734 | 2 | 05a | 68 | Lâm Đồng | 25042 | Xã Hòa Bắc | TO | 5,93 | LI | 7,6 | CNCN | 7,53 | 200 | X07 | | 21,06 | 1,25 | 22,31 | 2026 |
| 12 | NGUYỄN TẤN DŨNG | 13/08/2008 | Nam | 082208006877 | 2 | | 82 | Đồng Tháp | 28627 | Xã Tân Thuận Bình | TO | 5,5 | VA | 5,7 | LI | 6,3 | 200 | C01 | | 17,5 | 0,25 | 17,75 | 2026 |
| 13 | AN TRƯỜNG BÌNH | 01/11/2008 | Nam | 079208033771 | 2NT | | 80 | Tây Ninh | 25534 | xã Tân Thành | TO | 7,57 | N1 | 7,47 | TI | 8,73 | 200 | X26 | | 23,77 | 0,42 | 24,19 | 2026 |
| 14 | LÊ NGUYỄN HOÀNG LONG | 01/09/2008 | Nam | 074208009280 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25822 | Xã Bàu Bàng | TO | 5,8 | VA | 6,63 | CNCN | 7,1 | 200 | X03 | | 19,53 | 0,25 | 19,78 | 2026 |
| 15 | ĐINH HOÀNG PHÚC | 16/03/2008 | Nam | 070208008924 | 2NT | | 75 | TP. Đồng Nai | 25308 | Xã Thiện Hưng | TO | 5,47 | VA | 6,33 | N1 | 6,47 | 200 | D01 | | 18,27 | 0,5 | 18,77 | 2026 |
| 16 | LƯ NGUYỄN CÔNG HẬU | 28/01/2008 | Nam | 072208009273 | 2NT | | 80 | Tây Ninh | 25666 | xã Truông Mít | TO | 6,6 | VA | 7,07 | TI | 7,53 | 200 | X02 | | 21,2 | 0,5 | 21,7 | 2026 |
| 17 | ĐỖ VŨ BẢO ANH | 19/06/2007 | Nam | 074207005570 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25837 | Phường Chánh Phú Hòa | TO | 7,83 | LI | 6,9 | HO | 7,97 | 200 | A00 | | 22,7 | 0,49 | 23,19 | 2026 |
| 18 | LÊ TRẦN ANH HUY | 10/01/2008 | Nam | 079208047319 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25349 | Xã Minh Đức | TO | 6,57 | VA | 6,1 | TI | 5,97 | 200 | X02 | | 18,64 | 0,25 | 18,89 | 2026 |
| 19 | LÊ GIA ĐIỀN | 11/09/2008 | Nam | 074208008895 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25760 | Phường Bình Dương | TO | 5,53 | VA | 7,37 | TI | 6,57 | 200 | X02 | | 19,47 | 0,25 | 19,72 | 2026 |
| 20 | PHẠM VĂN NAM | 31/10/2007 | Nam | 038207008223 | 2 | | 38 | Thanh Hoá | 16093 | Xã Nga Sơn | TO | 6,2 | LI | 6,97 | HO | 6,9 | 200 | A00 | | 20,07 | 0,25 | 20,32 | 2026 |
| 21 | LÊ HOÀNG TRUNG | 06/06/2008 | Nam | 070208002128 | 2NT | | 75 | TP. Đồng Nai | 25308 | Xã Thiện Hưng | TO | 4,97 | VA | 6,33 | TI | 6,3 | 200 | X02 | | 17,6 | 0,5 | 18,1 | 2026 |
| 22 | VÕ THIÊN PHÚ | 02/07/2008 | Nam | 079208053269 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 27508 | Xã An Nhơn Tây | TO | 7,5 | LI | 7,3 | HO | 6,37 | 200 | A00 | | 21,17 | 0,25 | 21,42 | 2026 |
| 23 | HỒ GIA PHÚC | 14/10/2008 | Nam | 072208011679 | 2 | | 80 | Tây Ninh | 25645 | phường Hòa Thành | TO | 6,53 | N1 | 6,47 | TI | 7,43 | 200 | X26 | | 20,43 | 0,25 | 20,68 | 2026 |
| 24 | CAO ĐỨC HIẾU | 27/01/2008 | Nam | 070208003944 | 1 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25450 | Xã Nha Bích | TO | 5,13 | N1 | 6,3 | TI | 7,1 | 200 | X26 | | 18,53 | 0,75 | 19,28 | 2026 |
| 25 | TĂNG THANH HẢI | 04/05/2008 | Nam | 074208010755 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25819 | Xã Trừ Văn Thố | TO | 5,97 | VA | 6,63 | TI | 7,23 | 200 | X02 | | 19,83 | 0,25 | 20,08 | 2026 |
| 26 | NGUYỄN VĂN KIỆT | 09/12/2008 | Nam | 089208016672 | 2 | | 91 | An Giang | 30388 | Xã Tân An | TO | 5,93 | VA | 8,27 | N1 | 6,27 | 200 | D01 | | 20,47 | 0,25 | 20,72 | 2026 |
| 27 | TRẦN TRUNG HIẾU | 23/04/2008 | Nam | 054208001270 | 2NT | | 66 | Đắk Lắk | 22255 | Xã Tây Hòa | TO | 8,07 | LI | 7,43 | HO | 7,27 | 200 | A00 | | 22,77 | 0,48 | 23,25 | 2026 |
| 28 | CHU ANH TUẤN | 25/02/2008 | Nam | 092208008605 | 2 | | 92 | Cần Thơ | 31231 | Xã Thạnh An | TO | 6,03 | LI | 7,57 | CNCN | 7,67 | 200 | X07 | | 21,27 | 0,25 | 21,52 | 2026 |
| 29 | NGUYỄN HOÀI KHANG | 11/11/2008 | Nam | 074208005782 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25891 | Phường Tân Khánh | TO | 5,53 | VA | 5,97 | CNCN | 6,67 | 200 | X03 | | 18,17 | 0,25 | 18,42 | 2026 |
| 30 | NGUYỄN ĐẠT PHÚC DUY | 09/12/2008 | Nam | 074208010476 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25888 | Phường Tân Uyên | TO | 7,53 | LI | 7,9 | HO | 7,53 | 200 | A00 | | 22,96 | 0,23 | 23,19 | 2026 |
| 31 | LÊ QUÝ LINH | 16/12/2008 | Nam | 038208002147 | 2 | | 38 | Thanh Hoá | 15865 | Xã Hoằng Hóa | TO | 4,97 | LI | 5,93 | HO | 5,63 | 200 | A00 | | 16,53 | 0,25 | 16,78 | 2026 |
| 32 | TRẦN PHÚC VĨ | 08/07/2008 | Nam | 070208007275 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25333 | Phường An Lộc | TO | 5,03 | VA | 6,4 | CNCN | 6,7 | 200 | X03 | | 18,13 | 0,25 | 18,38 | 2026 |
| 33 | NGUYỄN MẠNH GIÀU | 11/08/2008 | Nam | 074208004819 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25846 | Phường Thới Hòa | TO | 6,9 | VA | 7,17 | LI | 7,63 | 200 | C01 | | 21,7 | 0,25 | 21,95 | 2026 |
| 34 | NGUYỄN PHÚ HỘI | 24/02/2008 | Nam | 054208001247 | 1 | | 66 | Đắk Lắk | 22207 | Xã Sông Hinh | TO | 5,37 | VA | 6,33 | N1 | 4,73 | 200 | D01 | | 16,43 | 0,75 | 17,18 | 2026 |
| 35 | HOÀNG ĐÌNH HUY | 23/11/2007 | Nam | 038207005269 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25920 | Phường Tân Hiệp | TO | 7 | LI | 6,63 | HO | 7,5 | 200 | A00 | | 21,13 | 0,25 | 21,38 | 2026 |
| 36 | BÙI CÔNG NAM | 02/09/2008 | Nam | 042208006598 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25840 | Phường Long Nguyên | TO | 5,5 | N1 | 5,9 | TI | 9,3 | 200 | X26 | | 20,7 | 0,5 | 21,2 | 2026 |
| 37 | NGUYỄN TRẦN ANH DUY | 18/02/2008 | Nam | 067208003127 | 3 | | 68 | Lâm Đồng | 24760 | Xã Quảng Tín | TO | 8,33 | LI | 7,6 | HO | 7,67 | 200 | A00 | | 23,6 | 0 | 23,6 | 2026 |
| 38 | NGUYỄN NHẬT HUY | 06/02/2008 | Nam | 070208001157 | 2NT | | 75 | TP. Đồng Nai | 25292 | Xã Lộc Quang | TO | 7,4 | VA | 6,83 | CNCN | 7,77 | 200 | X03 | | 22 | 0,5 | 22,5 | 2026 |
| 39 | LÊ MINH TIẾN | 16/07/2008 | Nam | 074208000498 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25920 | Phường Tân Hiệp | TO | 5,33 | VA | 7,2 | CNCN | 6,53 | 200 | X03 | | 19,06 | 0,5 | 19,56 | 2026 |

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | ĐDCN | KV UT | ĐT UT | Mã tỉnh | Tên tỉnh | Mã quận huyện | Tên quận huyện | Môn 1 | | Môn 2 | | Môn 3 | | Mã PTXT | Mã THM | Điểm lệch | Tổng điểm chưa có UT (Thang 30) | Điểm ưu tiên (Thang 30) | Điểm trúng tuyển | Năm TN |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 40 | NGUYỄN TÀI HUY | 29/09/2008 | Nam | 033208004804 | 2NT | | 80 | Tây Ninh | 28165 | xã Phước Lý | TO | 6,53 | VA | 7,43 | TI | 8,77 | 200 | X02 | | 22,73 | 0,48 | 23,21 | 2026 |
| 41 | NGUYỄN TẤN HƯNG | 24/08/2008 | Nam | 074208007441 | 3 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25951 | Phường Đông Hòa | TO | 6,23 | VA | 6,27 | TI | 7,43 | 200 | X02 | | 19,93 | 0 | 19,93 | 2026 |
| 42 | BỒ ANH QUỲ | 23/05/2008 | Nam | 074208001411 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25837 | Phường Chánh Phú Hòa | TO | 5,5 | VA | 6,73 | CNCN | 6,63 | 200 | X03 | | 18,86 | 0,5 | 19,36 | 2026 |
| 43 | NGUYỄN THÀNH THÁI | 01/10/2008 | Nam | 074208004926 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25750 | Phường Phú Lợi | TO | 5,67 | LI | 6,4 | CNCN | 7,57 | 200 | X07 | | 19,64 | 0,25 | 19,89 | 2026 |
| 44 | NGUYỄN DƯƠNG GIA BẢO | 21/06/2008 | Nam | 080208011717 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25780 | Xã Minh Thạnh | TO | 5,53 | LI | 6,17 | CNCN | 7,83 | 200 | X07 | | 19,53 | 0,5 | 20,03 | 2026 |
| 45 | HUỲNH GIA KHANG | 29/11/2008 | Nam | 074208008147 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25768 | Phường Phú An | TO | 5,53 | N1 | 6,47 | TI | 6,67 | 200 | X26 | | 18,67 | 0,25 | 18,92 | 2026 |
| 46 | BÙI MẠNH HÙNG | 25/02/2008 | Nam | 017208007078 | 2 | 05a | 25 | Phú Thọ | 05014 | Xã Mường Động | TO | 6,23 | VA | 6,47 | TI | 8,2 | 200 | X02 | | 20,9 | 1,25 | 22,15 | 2026 |
| 47 | BÙI MINH THẮNG | 12/09/2008 | Nam | 074208009713 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25891 | Phường Tân Khánh | TO | 5,1 | VA | 6,27 | TI | 6,8 | 200 | X02 | | 18,17 | 0,25 | 18,42 | 2026 |
| 48 | LÊ ĐẠI NAM | 11/11/2007 | Nam | 038207004996 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25942 | Phường Dĩ An | TO | 7,27 | LI | 7,13 | HO | 7,17 | 200 | A00 | | 21,57 | 0,25 | 21,82 | 2026 |
| 49 | ĐẶNG NGỌC THIỆN | 01/07/2008 | Nam | 052208002862 | 2NT | | 52 | Gia Lai | 21715 | Xã Ân Tường | TO | 6,23 | VA | 7,1 | TI | 8,03 | 200 | X02 | | 21,36 | 0,5 | 21,86 | 2026 |
| 50 | ĐẶNG QUANG VINH | 25/08/2008 | Nam | 068208006778 | 2 | | 68 | Lâm Đồng | 25159 | Xã Cát Tiên | TO | 6,03 | VA | 6,4 | TI | 7,77 | 200 | X02 | | 20,2 | 0,25 | 20,45 | 2026 |
| 51 | NGUYỄN TUẤN ANH | 31/07/2008 | Nam | 074208003376 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25777 | Xã Dầu Tiếng | TO | 5,63 | LI | 6,6 | HO | 7,13 | 200 | A00 | | 19,36 | 0,5 | 19,86 | 2026 |
| 52 | PHAN TUẤN BẰNG | 22/03/2008 | Nam | 070208000705 | 2NT | | 75 | TP. Đồng Nai | 25308 | Xã Thiện Hưng | TO | 7,5 | LI | 7,1 | CNCN | 8,03 | 200 | X07 | | 22,63 | 0,49 | 23,12 | 2026 |
| 53 | HỒ MINH HẢI | 07/04/2007 | Nam | 074207008999 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25813 | Phường Bến Cát | TO | 5,5 | LI | 7,1 | CNCN | 7,2 | 200 | X07 | | 19,8 | 0,25 | 20,05 | 2026 |
| 54 | NGUYỄN PHÚ TÙNG | 04/11/2008 | Nam | 075208009786 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 26068 | Phường Biên Hòa | TO | 8,4 | LI | 8,2 | HO | 8,13 | 200 | A00 | | 24,73 | 0,18 | 24,91 | 2026 |
| 55 | NGUYỄN TẤN PHÁT | 06/08/2008 | Nam | 074208009378 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25843 | Phường Tây Nam | TO | 6,47 | N1 | 6,6 | TI | 9,1 | 200 | X26 | | 22,17 | 0,5 | 22,67 | 2026 |
| 56 | TÔ KIẾN QUỐC | 25/09/2008 | Nam | 074208010863 | 2NT | 05a | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25864 | Xã Phước Thành | TO | 6,13 | VA | 7 | TI | 7,53 | 200 | X02 | | 20,66 | 1,5 | 22,16 | 2026 |
| 57 | LÊ TẤN PHƯỚC | 22/09/2008 | Nam | 072208004836 | 2 | | 80 | Tây Ninh | 25633 | phường Thanh Điền | TO | 7,17 | VA | 6,77 | TI | 7,53 | 200 | X02 | | 21,47 | 0,25 | 21,72 | 2026 |
| 58 | VŨ VIỆT NHẬT ANH | 21/12/2008 | Nam | 070208005941 | 2NT | | 75 | TP. Đồng Nai | 25387 | Xã Thuận Lợi | TO | 5,07 | VA | 5,8 | TI | 6,37 | 200 | X02 | | 17,24 | 0,5 | 17,74 | 2026 |
| 59 | LÊ THÀNH TUẤN | 17/11/2007 | Nam | 066207002499 | 1 | | 66 | Đắk Lắk | 24316 | Xã Pơng Drang | TO | 5,1 | N1 | 5,8 | TI | 7,17 | 200 | X26 | | 18,07 | 0,75 | 18,82 | 2026 |
| 60 | NGUYỄN HOÀNG DUY | 27/09/2008 | Nam | 040208001227 | 2 | | 40 | Nghệ An | 17176 | Xã Quỳnh Anh | TO | 5,87 | LI | 7,27 | CNCN | 7,73 | 200 | X07 | | 20,87 | 0,25 | 21,12 | 2026 |
| 61 | NGUYỄN HOÀNG HUY | 19/06/2008 | Nam | 074208009511 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25846 | Phường Thới Hòa | TO | 7,17 | LI | 6,13 | HO | 7,8 | 200 | A00 | | 21,1 | 0,5 | 21,6 | 2026 |
| 62 | LÊ DUY HƯNG | 26/08/2008 | Nam | 074208005425 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25945 | Phường Tân Đông Hiệp | TO | 5,73 | VA | 4,57 | TI | 7,13 | 200 | X02 | | 17,43 | 0,25 | 17,68 | 2026 |
| 63 | NGUYỄN ĐỨC CẢNH | 10/08/2008 | Nam | 036208001085 | 2 | | 37 | Ninh Bình | 13822 | Xã Phong Doanh | TO | 5,83 | LI | 6,17 | CNCN | 8,1 | 200 | X07 | | 20,1 | 0,25 | 20,35 | 2026 |
| 64 | NGUYỄN MINH ĐĂNG | 17/07/2008 | Nam | 040208002518 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25942 | Phường Dĩ An | TO | 7,77 | VA | 5,93 | TI | 8,03 | 200 | X02 | | 21,73 | 0,25 | 21,98 | 2026 |
| 65 | LÊ MINH THUẬN | 30/07/2008 | Nam | 074208005328 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25768 | Phường Phú An | TO | 6,97 | LI | 6,43 | HO | 7,5 | 200 | A00 | | 20,9 | 0,5 | 21,4 | 2026 |
| 66 | NGUYỄN GIA HUY | 29/07/2008 | Nam | 074208002238 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25777 | Xã Dầu Tiếng | TO | 6,37 | LI | 6,67 | HO | 6,6 | 200 | A00 | | 19,64 | 0,5 | 20,14 | 2026 |
| 67 | VÕ THÀNH TRUNG | 13/04/2008 | Nam | 074208006591 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25840 | Phường Long Nguyên | TO | 5,93 | LI | 5,33 | HO | 6,1 | 200 | A00 | | 17,36 | 0,5 | 17,86 | 2026 |
| 68 | NGUYỄN HUY HOÀNG | 10/01/2008 | Nam | 042208001759 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25942 | Phường Dĩ An | TO | 5,37 | VA | 6,33 | TI | 6,07 | 200 | X02 | | 17,77 | 0,25 | 18,02 | 2026 |
| 69 | TĂNG VĂN HOÀ | 05/06/2008 | Nam | 070208006321 | 1 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25326 | Phường Bình Long | TO | 8,13 | VA | 5,8 | TI | 7,93 | 200 | X02 | | 21,86 | 0,75 | 22,61 | 2026 |
| 70 | CAO VIẾT ĐỨC | 02/10/2006 | Nam | 040206001601 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25819 | Xã Trừ Văn Thố | TO | 6,3 | N1 | 5,93 | TI | 6,77 | 200 | X26 | | 19 | 0,25 | 19,25 | 2026 |
| 71 | VIÊN GIA BẢO | 06/07/2008 | Nam | 008208005547 | 2 | 05a | 08 | Tuyên Quang | 02545 | Xã Tân Trào | TO | 5,63 | VA | 6,67 | LI | 6,1 | 200 | C01 | | 18,4 | 1,25 | 19,65 | 2026 |
| 72 | TRƯỢNG NGỌC NGUYÊN VŨ | 27/06/2008 | Nam | 058208005353 | 1 | 01 | 56 | Khánh Hoà | 22870 | Xã Ninh Phước | TO | 5,8 | VA | 6,57 | N1 | 5,9 | 200 | D01 | | 18,27 | 2,75 | 21,02 | 2026 |
| 73 | LÊ NGÔ TUẤN KIỆT | 17/04/2008 | Nam | 074208007587 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25891 | Phường Tân Khánh | TO | 5,7 | VA | 5,53 | CNCN | 6,8 | 200 | X03 | | 18,03 | 0,25 | 18,28 | 2026 |
| 74 | LÊ KHẮC HÀ | 19/08/2008 | Nam | 038208020282 | 2 | | 38 | Thanh Hoá | 15853 | Phường Đông Tiến | TO | 6,27 | VA | 6,43 | TI | 7,93 | 200 | X02 | | 20,63 | 0,25 | 20,88 | 2026 |
| 75 | PHẠM HOÀNG MINH | 06/08/2008 | Nam | 062208003975 | 2 | | 51 | Quảng Ngãi | 23284 | Phường Đăk Cấm | TO | 6,17 | VA | 6,3 | CNCN | 7,27 | 200 | X03 | | 19,74 | 0,25 | 19,99 | 2026 |
| 76 | PHẠM MINH VIỆT | 14/04/2008 | Nam | 074208001780 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25920 | Phường Tân Hiệp | TO | 6,07 | VA | 5,5 | TI | 6,7 | 200 | X02 | | 18,27 | 0,25 | 18,52 | 2026 |
| 77 | ĐẶNG HỒNG HÒA | 09/01/2008 | Nam | 070208008819 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25220 | Phường Phước Bình | TO | 6,3 | LI | 7,53 | N1 | 7,03 | 200 | A01 | | 20,86 | 0,25 | 21,11 | 2026 |
| 78 | NGUYỄN VĂN HÒA | 28/01/2008 | Nam | 070208012334 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25867 | Xã An Long | TO | 6,07 | N1 | 6,83 | TI | 7,13 | 200 | X26 | | 20,03 | 0,25 | 20,28 | 2026 |
| 79 | HOÀNG MINH QUANG | 04/12/2007 | Nam | 030207011075 | 2 | | 31 | Hải Phòng | 10846 | Xã Hà Tây | TO | 5,6 | N1 | 8,03 | TI | 7,9 | 200 | X26 | | 21,53 | 0,25 | 21,78 | 2026 |
| 80 | VÂN THÁI SƠN | 13/12/2008 | Nam | 052208006866 | 2NT | | 52 | Gia Lai | 21835 | Xã Bình Phú | TO | 8,67 | LI | 9 | HO | 9,4 | 200 | A00 | | 27,07 | 0,2 | 27,27 | 2026 |
| 81 | LÊ MINH TRIẾT | 28/05/2008 | Nam | 036208009059 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25891 | Phường Tân Khánh | TO | 5,83 | VA | 7,13 | CNCN | 7,97 | 200 | X03 | | 20,93 | 0,25 | 21,18 | 2026 |
| 82 | NGÔ MINH HIẾU | 14/04/2008 | Nam | 070208004424 | 2NT | | 75 | TP. Đồng Nai | 25357 | Xã Tân Khai | TO | 6,37 | LI | 6,53 | CNCN | 7,97 | 200 | X07 | | 20,87 | 0,5 | 21,37 | 2026 |
| 83 | TRẦN HOÀNG ANH | 04/02/2008 | Nam | 038208023054 | 2 | | 38 | Thanh Hoá | 15853 | Phường Đông Tiến | TO | 6,43 | VA | 6,63 | LI | 6,5 | 200 | C01 | | 19,56 | 0,25 | 19,81 | 2026 |
| 84 | PHẠM TIẾN THẮNG | 10/10/2008 | Nam | 034208007167 | 2 | | 33 | Hưng Yên | 12817 | Phường Trà Lý | TO | 7,6 | LI | 6,43 | HO | 7,3 | 200 | A00 | | 21,33 | 0,25 | 21,58 | 2026 |
| 85 | NGUYỄN ĐÌNH HUY | 12/01/2008 | Nam | 070208007353 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25326 | Phường Bình Long | TO | 6,1 | N1 | 7,67 | TI | 7,43 | 200 | X26 | | 21,2 | 0,25 | 21,45 | 2026 |
| 86 | NGUYỄN BÌNH MINH | 13/02/2008 | Nam | 075208003503 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25966 | Phường Lái Thiêu | TO | 6,3 | LI | 6,8 | HO | 6,07 | 200 | A00 | | 19,17 | 0,25 | 19,42 | 2026 |
| 87 | NGUYỄN BÁ NAM | 22/11/2008 | Nam | 038208028189 | 2 | | 38 | Thanh Hoá | 15835 | Xã Thiệu Trung | TO | 6,4 | VA | 5,97 | TI | 6,37 | 200 | X02 | | 18,74 | 0,25 | 18,99 | 2026 |
| 88 | HOÀNG TRUNG HIẾU | 18/07/2008 | Nam | 020208006022 | 1 | 01 | 66 | Đắk Lắk | 22222 | Xã Đức Bình | TO | 7,03 | LI | 8,03 | HO | 8,53 | 200 | A00 | | 23,59 | 2,35 | 25,94 | 2026 |
| 89 | VÕ THÀNH LÂM | 25/10/2008 | Nam | 079208023128 | 3 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25942 | Phường Dĩ An | TO | 5,57 | VA | 5,67 | TI | 7,47 | 200 | X02 | | 18,71 | 0 | 18,71 | 2026 |
| 90 | PHẠM MINH LONG | 07/11/2008 | Nam | 074208005899 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25906 | Xã Bắc Tân Uyên | TO | 5,27 | VA | 6,6 | LI | 5,83 | 200 | C01 | | 17,7 | 0,5 | 18,2 | 2026 |

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | ĐDCN | KV UT | ĐT UT | Mã tỉnh | Tên tỉnh | Mã quận huyện | Tên quận huyện | Môn 1 | | Môn 2 | | Môn 3 | | Mã PTXT | Mã THM | Điểm lệch | Tổng điểm chưa có UT (Thang 30) | Điểm ưu tiên (Thang 30) | Điểm trúng tuyển | Năm TN |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 91 | NGUYỄN TRẦN TUẤN ANH | 22/04/2008 | Nam | 079208003271 | 3 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 26809 | Phường Hiệp Bình | TO | 7,97 | VA | 8,1 | N1 | 8,7 | 200 | D01 | | 24,77 | 0 | 24,77 | 2026 |
| 92 | LƯU ĐÔNG DƯƠNG | 26/10/2008 | Nam | 087208014169 | 2NT | | 82 | Đồng Tháp | 29869 | Phường Cao Lãnh | TO | 6,8 | VA | 7,17 | TI | 7,37 | 200 | X02 | | 21,34 | 0,5 | 21,84 | 2026 |
| 93 | TRẦN VĂN LỘC | 17/11/2008 | Nam | 051208010115 | 2 | | 51 | Quảng Ngãi | 21472 | Xã Khánh Cường | TO | 8,27 | VA | 5,87 | N1 | 6,77 | 200 | D01 | | 20,91 | 0,25 | 21,16 | 2026 |
| 94 | ĐINH TRỌNG HOÀNG QUÂN | 22/10/2008 | Nam | 074208004662 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25987 | Phường Bình Hòa | TO | 6,8 | LI | 6,47 | HO | 6,5 | 200 | A00 | | 19,77 | 0,25 | 20,02 | 2026 |
| 95 | VŨ NGỌC SANG | 14/04/2008 | Nam | 074208002405 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25780 | Xã Minh Thạnh | TO | 5,93 | LI | 7 | HO | 6,4 | 200 | A00 | | 19,33 | 0,5 | 19,83 | 2026 |
| 96 | NGUYỄN AN THÀNH | 17/07/2008 | Nam | 079208052117 | 2 | | 80 | Tây Ninh | 25711 | xã Hưng Thuận | TO | 7,17 | VA | 6,73 | CNCN | 8,1 | 200 | X03 | | 22 | 0,25 | 22,25 | 2026 |
| 97 | HOÀNG QUỐC THẮNG | 07/07/2008 | Nam | 074208008795 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25771 | Phường Chánh Hiệp | TO | 5,5 | VA | 7,5 | TI | 7,4 | 200 | X02 | | 20,4 | 0,25 | 20,65 | 2026 |
| 98 | PHAN ĐÌNH THƯỜNG | 28/09/2008 | Nam | 054208009216 | 2NT | | 66 | Đắk Lắk | 22153 | Xã Tuy An Nam | TO | 6,6 | N1 | 6,03 | TI | 7 | 200 | X26 | | 19,63 | 0,5 | 20,13 | 2026 |
| 99 | LÊ TRUNG TÍNH | 12/08/2008 | Nam | 074208005898 | 3 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25840 | Phường Long Nguyên | TO | 5,6 | VA | 5,83 | TI | 8,47 | 200 | X02 | | 19,9 | 0 | 19,9 | 2026 |

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ-KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

TS. LS. Nguyễn Thị Thu Hà

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2026*

MẪU TS2

# DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
## ĐỢT XÉT TUYỂN: TUYỂN SINH ĐỢT 1
## NGÀNH: LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 154/QĐ-ĐHKTKT ngày 14 tháng 08 năm 2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương)*

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | ĐDCN | KV ƯT | ĐT ƯT | Mã tỉnh | Tên tỉnh | Mã quận huyện | Tên quận huyện | Môn 1 | | Môn 2 | | Môn 3 | | Mã PTXT | Mã THM | Điểm lệch | Tổng điểm chưa có ƯT (Thang 30) | Điểm ưu tiên (Thang 30) | Điểm trúng tuyển | Năm TN |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | NGUYỄN NHƯ PHÚC | 05/07/2008 | Nữ | 074308002930 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25843 | Phường Tây Nam | TO | 6,83 | VA | 6,5 | KTPL | 9,1 | 200 | C14 | | 22,43 | 0,5 | 22,93 | 2026 |
| 2 | NGUYỄN THỊ THU THẢO | 09/03/2008 | Nữ | 074308007282 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25843 | Phường Tây Nam | TO | 5,67 | VA | 6 | KTPL | 8,4 | 200 | C14 | | 20,07 | 0,5 | 20,57 | 2026 |
| 3 | ĐỖ THIÊN THANH | 27/08/2008 | Nữ | 072308000559 | 2 | | 80 | Tây Ninh | 25630 | phường Long Hoa | TO | 5,7 | VA | 6,77 | TI | 7,9 | 200 | X02 | | 20,37 | 0,25 | 20,62 | 2026 |
| 4 | PHẠM HỒNG ANH THƯ | 22/04/2008 | Nữ | 074308002149 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25882 | Xã Phước Hòa | TO | 6,97 | VA | 8,07 | KTPL | 8,3 | 200 | C14 | | 23,34 | 0,44 | 23,78 | 2026 |
| 5 | PHAN THỊ MAI PHƯƠNG | 27/07/2008 | Nữ | 040308001124 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 26800 | Phường Linh Xuân | TO | 6,43 | VA | 7,67 | TI | 8,5 | 200 | X02 | | 22,6 | 0,25 | 22,85 | 2026 |
| 6 | NGUYỄN TẤN PHÁT | 04/09/2008 | Nam | 074208005385 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25760 | Phường Bình Dương | TO | 6,13 | VA | 7,6 | TI | 7,57 | 200 | X02 | | 21,3 | 0,25 | 21,55 | 2026 |
| 7 | NGUYỄN HỒNG NHẬT | 02/04/2007 | Nam | 074207009377 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25888 | Phường Tân Uyên | TO | 5,87 | LI | 6,1 | HO | 6,77 | 200 | A00 | | 18,74 | 0,25 | 18,99 | 2026 |
| 8 | NGUYỄN NGỌC CHÂU PHA | 22/09/2008 | Nữ | 074308001136 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25858 | Xã Phú Giáo | TO | 5,47 | VA | 6,27 | KTPL | 7,03 | 200 | C14 | | 18,77 | 0,5 | 19,27 | 2026 |
| 9 | TRẦN NGUYỄN HẢI NGUYỆT | 19/06/2008 | Nữ | 074308001523 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25858 | Xã Phú Giáo | TO | 5,23 | VA | 5,97 | SU | 6,97 | 200 | C03 | | 18,17 | 0,5 | 18,67 | 2026 |
| 10 | NGUYỄN THỊ NGỌC NGÂN | 12/06/2008 | Nữ | 074308008700 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25858 | Xã Phú Giáo | TO | 6,9 | VA | 6,7 | SU | 8,4 | 200 | C03 | | 22 | 0,5 | 22,5 | 2026 |
| 11 | NGUYỄN THỊ YẾN NHI | 15/05/2008 | Nữ | 089308004472 | 2 | | 91 | An Giang | 30388 | Xã Tân An | TO | 5,93 | VA | 8,5 | KTPL | 7,3 | 200 | C14 | | 21,73 | 0,25 | 21,98 | 2026 |
| 12 | LƯƠNG ĐOÀN THẾ QUANG | 26/02/2008 | Nam | 094208009648 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25969 | Phường Thuận Giao | TO | 5,87 | VA | 7,6 | SU | 7,67 | 200 | C03 | | 21,14 | 0,25 | 21,39 | 2026 |
| 13 | ĐỖ THỊ THANH THÙY | 25/07/2008 | Nữ | 074308004667 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25768 | Phường Phú An | TO | 5,67 | VA | 6,93 | KTPL | 8,8 | 200 | C14 | | 21,4 | 0,5 | 21,9 | 2026 |
| 14 | NGUYỄN DUY THANH | 29/09/2008 | Nam | 074208003110 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25864 | Xã Phước Thành | TO | 5,9 | VA | 7 | TI | 6,83 | 200 | X02 | | 19,73 | 0,5 | 20,23 | 2026 |
| 15 | PHẠM THỊ MỸ HÒA | 25/12/2008 | Nữ | 074308009622 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25858 | Xã Phú Giáo | TO | 5,9 | VA | 7,13 | TI | 7,17 | 200 | X02 | | 20,2 | 0,5 | 20,7 | 2026 |
| 16 | VÕ LÊ QUỐC BẢO | 20/11/2008 | Nam | 038208015855 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25819 | Xã Trừ Văn Thố | TO | 5,9 | VA | 6,87 | SU | 7,83 | 200 | C03 | | 20,6 | 0,25 | 20,85 | 2026 |
| 17 | ĐINH KIM THƯ | 19/01/2008 | Nữ | 074308006773 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25840 | Phường Long Nguyên | TO | 6,1 | VA | 7,1 | SU | 9,17 | 200 | C03 | | 22,37 | 0,25 | 22,62 | 2026 |
| 18 | NGUYỄN MINH TÂN | 28/01/2008 | Nam | 074208006801 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25846 | Phường Thới Hòa | TO | 6,53 | VA | 6,63 | SU | 8,37 | 200 | C03 | | 21,53 | 0,25 | 21,78 | 2026 |
| 19 | LÊ THỊ QUỲNH ANH | 14/12/2008 | Nữ | 074308003018 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25813 | Phường Bến Cát | TO | 6,17 | VA | 7,53 | TI | 8,13 | 200 | X02 | | 21,83 | 0,5 | 22,33 | 2026 |
| 20 | PHẠM THANH DUY | 20/05/2008 | Nam | 046208004999 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25261 | Xã Phú Trung | TO | 6,67 | TI | 8,93 | CNCN | 8,13 | 200 | X56 | | 23,73 | 0,21 | 23,94 | 2026 |
| 21 | HOÀNG NHẬT TÂN | 04/04/2008 | Nam | 070208007705 | 2NT | 05a | 75 | TP. Đồng Nai | 25309 | Xã Hưng Phước | TO | 5,07 | VA | 6,73 | KTPL | 6,93 | 200 | C14 | | 18,73 | 1,5 | 19,23 | 2026 |
| 22 | LÊ NGUYỄN NHẬT TRƯỜNG | 15/10/2008 | Nam | 082208006659 | 2NT | | 82 | Đồng Tháp | 28729 | Phường Sơn Qui | TO | 6,57 | VA | 7,37 | KTPL | 7,17 | 200 | C14 | | 21,11 | 0,5 | 21,61 | 2026 |
| 23 | CAO ĐẶNG ĐĂNG KHOA | 20/01/2008 | Nam | 054208006770 | 2NT | | 66 | Đắk Lắk | 22250 | Xã Sơn Thành | TO | 8,4 | N1 | 9,07 | CNCN | 9,27 | 200 | X27 | | 26,74 | 0,22 | 26,96 | 2026 |
| 24 | ĐỖ THỊ KIM YẾN | 21/03/2008 | Nữ | 074308010149 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25920 | Phường Tân Hiệp | TO | 5,93 | VA | 6,6 | SU | 7,27 | 200 | C03 | | 19,8 | 0,25 | 20,05 | 2026 |
| 25 | NGUYỄN KIM THANH | 07/10/2008 | Nữ | 070308009579 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25432 | Phường Chơn Thành | TO | 6,33 | N1 | 6,93 | TI | 7,37 | 200 | X26 | | 20,63 | 0,25 | 20,88 | 2026 |
| 26 | LÊ TUYẾT NHƯ | 12/07/2008 | Nữ | 074308003508 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25768 | Phường Phú An | TO | 6,57 | VA | 8,33 | TI | 8,33 | 200 | X02 | | 23,23 | 0,23 | 23,46 | 2026 |
| 27 | ĐỖ THỊ THANH ĐIỆP | 14/12/2008 | Nữ | 052308005885 | 2NT | | 52 | Gia Lai | 21901 | Xã Ngô Mây | TO | 7,53 | VA | 8,2 | TI | 8,73 | 200 | X02 | | 24,46 | 0,37 | 24,83 | 2026 |
| 28 | NGUYỄN HỮU TÀI | 16/03/2008 | Nam | 038208022157 | 2 | | 38 | Thanh Hoá | 16279 | Xã Nông Cống | TO | 6,93 | VA | 7,03 | SU | 8,33 | 200 | C03 | | 22,29 | 0,25 | 22,54 | 2026 |
| 29 | PHẠM HOÀNG NAM | 28/04/2008 | Nam | 074208003224 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25747 | Phường Thủ Dầu Một | TO | 7,53 | VA | 6,43 | SU | 7,63 | 200 | C03 | | 21,59 | 0,25 | 21,84 | 2026 |
| 30 | NGUYỄN ANH TÀI | 09/04/2008 | Nam | 052208000887 | 2 | | 52 | Gia Lai | 21910 | Phường An Nhơn | TO | 6,83 | N1 | 8,13 | TI | 8,3 | 200 | X26 | | 23,26 | 0,22 | 23,48 | 2026 |
| 31 | ĐẶNG ĐÌNH HOÀNG | 01/07/2008 | Nam | 042208000383 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25945 | Phường Tân Đông Hiệp | TO | 6,77 | VA | 6,5 | KTPL | 8 | 200 | C14 | | 21,27 | 0,25 | 21,52 | 2026 |
| 32 | HUỲNH MINH LUÂN | 09/04/2008 | Nam | 072208004075 | 2 | | 80 | Tây Ninh | 25630 | phường Long Hoa | TO | 8,53 | VA | 5,63 | KTPL | 7,33 | 200 | C14 | | 21,49 | 0,25 | 21,74 | 2026 |
| 33 | LÊ MINH TOÀN | 16/05/2008 | Nam | 074208000592 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25846 | Phường Thới Hòa | TO | 5,73 | N1 | 7,07 | TI | 7 | 200 | X26 | | 19,8 | 0,25 | 20,05 | 2026 |
| 34 | PHẠM VĂN VIỆT ANH | 12/06/2008 | Nam | 038208023933 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25813 | Phường Bến Cát | TO | 5,83 | VA | 6,13 | SU | 8 | 200 | C03 | | 19,96 | 0,25 | 20,21 | 2026 |
| 35 | ĐẶNG THỊ PHƯỢNG | 18/08/2008 | Nữ | 066308015382 | 2NT | | 66 | Đắk Lắk | 24346 | Xã Dliê Ya | TO | 6,7 | VA | 6,83 | CNCN | 7,8 | 200 | X03 | | 21,33 | 0,5 | 21,83 | 2026 |
| 36 | LÂU TUYẾT LINH | 08/12/2008 | Nữ | 079308042710 | 2 | 05a | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 27544 | Xã Bình Mỹ | TO | 4,9 | VA | 6,77 | KTPL | 8,87 | 200 | C14 | | 20,54 | 1,25 | 21,79 | 2026 |
| 37 | NGUYỄN CÔNG ĐẠI | 06/10/2008 | Nam | 074208004868 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25951 | Phường Đông Hòa | TO | 5,97 | VA | 5,8 | KTPL | 6,77 | 200 | C14 | | 18,54 | 0,25 | 18,79 | 2026 |
| 38 | BÙI NGUYỄN NGỌC KHÁNH | 26/02/2008 | Nữ | 074308000328 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25750 | Phường Phú Lợi | TO | 6,77 | VA | 6,73 | TI | 7,93 | 200 | X02 | | 21,43 | 0,25 | 21,68 | 2026 |
| 39 | NGUYỄN NGỌC HÂN | 19/08/2008 | Nữ | 074308001843 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25750 | Phường Phú Lợi | TO | 6,77 | VA | 6 | SU | 7,4 | 200 | C03 | | 20,17 | 0,25 | 20,42 | 2026 |

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | ĐĐCN | KV ƯT | ĐT ƯT | Mã tỉnh | Tên tỉnh | Mã quận huyện | Tên quận huyện | Môn 1 | | Môn 2 | | Môn 3 | | Mã PTXT | Mã THM | Điểm lệch | Tổng điểm chưa có ƯT (Thang 30) | Điểm ưu tiên (Thang 30) | Điểm trúng tuyển | Năm TN |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 40 | HOÀNG CÔNG MINH | 27/09/2008 | Nam | 036208005199 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25837 | Phường Chánh Phú Hòa | TO | 6,8 | VA | 6,63 | SU | 9,1 | 200 | C03 | | 22,53 | 0,25 | 22,78 | 2026 |
| 41 | NGUYỄN PHAN HẢI YẾN | 12/12/2008 | Nữ | 074308010236 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25747 | Phường Thủ Dầu Một | TO | 5,43 | VA | 6,53 | KTPL | 8,67 | 200 | C14 | | 20,63 | 0,25 | 20,88 | 2026 |
| 42 | LÊ HỮU LỘC | 18/12/2007 | Nam | 094207007321 | 2 | | 92 | Cần Thơ | 31753 | Phường Mỹ Quới | TO | 7,4 | VA | 7,47 | SU | 8,37 | 200 | C03 | | 23,24 | 0,23 | 23,47 | 2026 |
| 43 | LƯƠNG TRẦN GIA HUY | 05/08/2008 | Nam | 079208000494 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25846 | Phường Thới Hòa | TO | 7,9 | VA | 6,93 | TI | 7,5 | 200 | X02 | | 22,33 | 0,25 | 22,58 | 2026 |
| 44 | ĐÀO TRUNG HIẾU | 12/02/2008 | Nam | 074208004341 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25760 | Phường Bình Dương | TO | 5,87 | VA | 5,9 | TI | 7,57 | 200 | X02 | | 19,34 | 0,25 | 19,59 | 2026 |
| 45 | VÕ NGỌC QUỲNH GIAO | 16/06/2008 | Nữ | 074308002533 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25771 | Phường Chánh Hiệp | TO | 7,3 | VA | 6,37 | SU | 7,47 | 200 | C03 | | 21,14 | 0,25 | 21,39 | 2026 |
| 46 | CAO THIÊN KHÁNH | 21/06/2008 | Nam | 034208000422 | 2 | | 33 | Hưng Yên | 12454 | Phường Trần Lãm | TO | 7,1 | VA | 6,37 | SU | 7,13 | 200 | C03 | | 20,6 | 0,25 | 20,85 | 2026 |
| 47 | MAI HỮU THÀNH | 04/09/2007 | Nam | 075207009460 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25969 | Phường Thuận Giao | TO | 8,67 | TI | 8,9 | CNCN | 9,23 | 200 | X56 | | 26,8 | 0,21 | 27,01 | 2026 |
| 48 | VŨ ĐỨC TÀI | 11/02/2008 | Nam | 074208003365 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25747 | Phường Thủ Dầu Một | TO | 7,3 | VA | 7,23 | KTPL | 8,83 | 200 | C14 | | 23,36 | 0,22 | 23,58 | 2026 |
| 49 | NGUYỄN MINH QUÂN | 19/10/2008 | Nam | 056208008902 | 2 | | 56 | Khánh Hoà | 22561 | Phường Đông Ninh Hòa | TO | 7,17 | VA | 5,47 | SU | 8,13 | 200 | C03 | | 20,77 | 0,25 | 21,02 | 2026 |
| 50 | HUỲNH THANH TRÚC | 30/11/2007 | Nữ | 086307007806 | 2 | | 86 | Vĩnh Long | 29590 | Phường Thanh Đức | TO | 6,07 | TI | 8 | CNCN | 8,87 | 200 | X56 | | 22,94 | 0,24 | 23,18 | 2026 |
| 51 | LÊ NGỌC TRÀ MY | 27/05/2008 | Nữ | 042308112448 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25975 | Phường An Phú | TO | 6,1 | VA | 6,5 | KTPL | 8,03 | 200 | C14 | | 20,63 | 0,25 | 20,88 | 2026 |
| 52 | PHẠM NGỌC TRÂM | 02/02/2008 | Nữ | 074308006833 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25978 | Phường Thuận An | TO | 7,53 | VA | 7,47 | SU | 8,73 | 200 | C03 | | 23,73 | 0,21 | 23,94 | 2026 |
| 53 | ĐẶNG THÀNH CHUNG | 28/07/2008 | Nam | 074208004391 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25771 | Phường Chánh Hiệp | TO | 7 | VA | 8,13 | SU | 7,8 | 200 | C03 | | 22,93 | 0,24 | 23,17 | 2026 |
| 54 | NGUYỄN THÚY BĂNG | 14/07/2008 | Nữ | 091308013299 | 2NT | | 91 | An Giang | 30928 | Xã Ngọc Chúc | TO | 6,37 | VA | 7,07 | KTPL | 8,63 | 200 | C14 | | 22,07 | 0,5 | 22,57 | 2026 |
| 55 | TRẦN QUỐC KIỆT | 31/03/2008 | Nam | 089208010241 | 2NT | | 91 | An Giang | 30463 | Xã Châu Phú | TO | 7,53 | TI | 8,4 | CNCN | 8,1 | 200 | X56 | | 24,03 | 0,4 | 24,43 | 2026 |
| 56 | TRẦN QUANG MINH | 28/06/2008 | Nam | 030208003198 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25846 | Phường Thới Hòa | TO | 5,97 | VA | 7,33 | TI | 8,2 | 200 | X02 | | 21,5 | 0,25 | 21,75 | 2026 |
| 57 | VÕ CHÍ NGUYÊN | 28/09/2008 | Nam | 091208012452 | 2 | | 91 | An Giang | 31018 | Xã An Minh | TO | 6,17 | VA | 7,17 | SU | 9,07 | 200 | C03 | | 22,41 | 0,25 | 22,66 | 2026 |
| 58 | NGUYỄN PHẠM CHÍ BẢO | 11/04/2008 | Nam | 074208000380 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25760 | Phường Bình Dương | TO | 7,9 | VA | 6,53 | SU | 7,77 | 200 | C03 | | 22,2 | 0,25 | 22,45 | 2026 |
| 59 | NGUYỄN NHƯ QUỲNH | 16/02/2008 | Nữ | 034308007600 | 2 | | 33 | Hưng Yên | 12694 | Xã Bắc Đông Hưng | TO | 5,83 | VA | 6,67 | KTPL | 7,53 | 200 | C14 | | 20,03 | 0,25 | 20,28 | 2026 |
| 60 | HOÀNG ĐẮC VIỆT | 17/05/2008 | Nam | 024208004531 | 3 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25822 | Xã Bàu Bàng | TO | 6,83 | VA | 7,7 | SU | 8,67 | 200 | C03 | | 23,2 | 0 | 23,2 | 2026 |
| 61 | NGUYỄN HUỲNH MỸ LIÊN | 07/08/2008 | Nữ | 074308019325 | 2 | | 80 | Tây Ninh | 28015 | xã Bình Đức | TO | 5,73 | VA | 5,57 | SU | 6,23 | 200 | C03 | | 17,53 | 0,25 | 17,78 | 2026 |
| 62 | TÔ HỮU BẰNG | 27/05/2008 | Nam | 072208010545 | 2 | | 80 | Tây Ninh | 25630 | phường Long Hoa | TO | 7,63 | LI | 7,5 | TI | 7,7 | 200 | X06 | | 22,83 | 0,24 | 23,07 | 2026 |
| 63 | HÀ THỊ THẢO NHI | 14/03/2008 | Nữ | 038308010902 | 2NT | | 38 | Thanh Hoá | 15349 | Xã Vĩnh Lộc | TO | 8,7 | VA | 8,2 | SU | 8,47 | 200 | C03 | | 25,37 | 0,31 | 25,68 | 2026 |
| 64 | HOÀNG VÕ KHÁNH ĐĂNG | 23/01/2008 | Nam | 040208009072 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25975 | Phường An Phú | TO | 5,37 | N1 | 6,8 | TI | 7,37 | 200 | X26 | | 19,54 | 0,25 | 19,79 | 2026 |
| 65 | TRẦN QUANG HUY | 21/09/2006 | Nam | 074206003652 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25915 | Phường Bình Cơ | TO | 5,8 | VA | 7,47 | TI | 8 | 200 | X02 | | 21,27 | 0,25 | 21,52 | 2026 |
| 66 | PHAN NGUYỄN TRINH NA | 05/02/2008 | Nữ | 052308008479 | 2 | | 52 | Gia Lai | 21697 | Xã Ân Hảo | TO | 7,13 | VA | 6,57 | KTPL | 8,27 | 200 | C14 | | 21,97 | 0,25 | 22,22 | 2026 |
| 67 | ĐINH THUỲ LINH | 05/12/2008 | Nữ | 074308003103 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25942 | Phường Dĩ An | TO | 6,03 | VA | 6,4 | SU | 6,77 | 200 | C03 | | 19,2 | 0,25 | 19,45 | 2026 |
| 68 | NGUYỄN TRẦN KHÁNH NGỌC | 01/11/2008 | Nữ | 040308002974 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25441 | Phường Minh Hưng | TO | 8,23 | N1 | 8,27 | CNCN | 8,6 | 200 | X27 | | 25,1 | 0,16 | 25,26 | 2026 |
| 69 | PHẠM BẢO MÂN | 08/12/2008 | Nam | 087208018164 | 2 | | 82 | Đồng Tháp | 29992 | Xã Long Phú Thuận | TO | 6,27 | VA | 7,13 | SU | 7,9 | 200 | C03 | | 21,3 | 0,25 | 21,55 | 2026 |
| 70 | NGUYỄN NGỌC THẢO NHI | 27/05/2008 | Nữ | 075308011613 | 2NT | | 75 | TP. Đồng Nai | 26134 | Xã Tà Lài | TO | 7,07 | VA | 7,87 | SU | 8,77 | 200 | C03 | | 23,71 | 0,42 | 24,13 | 2026 |
| 71 | TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO | 08/02/2008 | Nữ | 074308000383 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25760 | Phường Bình Dương | TO | 4,43 | VA | 6,33 | TI | 7,63 | 200 | X02 | | 18,39 | 0,25 | 18,64 | 2026 |
| 72 | TRẦN VĂN MINH | 03/10/2007 | Nam | 074207005273 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25813 | Phường Bến Cát | TO | 5,6 | VA | 6,47 | SU | 7,4 | 200 | C03 | | 19,47 | 0,25 | 19,72 | 2026 |
| 73 | NGUYỄN THỊ THÙY DUNG | 12/01/2008 | Nữ | 035308009287 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25750 | Phường Phú Lợi | TO | 5,27 | VA | 6,53 | TI | 7,53 | 200 | X02 | | 19,33 | 0,25 | 19,58 | 2026 |
| 74 | TRẦN NGỌC TRIỀU | 26/06/2007 | Nam | 074207006089 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25912 | Phường Vĩnh Tân | TO | 6,4 | VA | 6,4 | SU | 7,2 | 200 | C03 | | 20 | 0,5 | 20,5 | 2026 |
| 75 | PHAN THỊ THANH HUYỀN | 05/09/2008 | Nữ | 070308001610 | 2NT | | 75 | TP. Đồng Nai | 25292 | Xã Lộc Quang | TO | 6,87 | TI | 8,17 | CNCN | 7,8 | 200 | X56 | | 22,84 | 0,48 | 23,32 | 2026 |
| 76 | HÀ TRIỆU QUÝ PHÚ | 05/01/2008 | Nam | 030208002239 | 2NT | | 31 | Hải Phòng | 11203 | Xã Ninh Giang | TO | 5,8 | N1 | 7,9 | TI | 7,97 | 200 | X26 | | 21,67 | 0,5 | 22,17 | 2026 |
| 77 | NGUYỄN CÔNG PHÚC | 27/02/2008 | Nam | 074208000708 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25760 | Phường Bình Dương | TO | 5,43 | VA | 6,63 | SU | 7,63 | 200 | C03 | | 19,69 | 0,25 | 19,94 | 2026 |
| 78 | NGUYỄN TRẦN THÁI KHANG | 03/09/2008 | Nam | 074208009897 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25915 | Phường Bình Cơ | TO | 5,97 | VA | 7,2 | SU | 8,13 | 200 | C03 | | 21,3 | 0,5 | 21,8 | 2026 |
| 79 | TRẦN QUANG VINH | 08/08/2008 | Nam | 044208008274 | 2NT | | 44 | Quảng Trị | 19291 | Xã Tân Mỹ | TO | 7,2 | VA | 7,5 | TI | 8,1 | 200 | X02 | | 22,8 | 0,48 | 23,28 | 2026 |
| 80 | NGUYỄN VĂN MINH THIỆN | 03/10/2008 | Nam | 087208006007 | 2 | | 82 | Đồng Tháp | 29978 | Phường Thường Lạc | TO | 8,2 | VA | 6,7 | SU | 8,27 | 200 | C03 | | 23,17 | 0,23 | 23,4 | 2026 |
| 81 | ĐẶNG THỊ PHƯƠNG THANH | 20/10/2008 | Nữ | 079308020809 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25942 | Phường Dĩ An | TO | 5,87 | LI | 5,77 | HO | 5,83 | 200 | A00 | | 17,47 | 0,25 | 17,72 | 2026 |
| 82 | NGUYỄN THỊ THU UYÊN | 28/10/2008 | Nữ | 070308003841 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25220 | Phường Phước Bình | TO | 5,7 | TI | 8,2 | CNCN | 7,5 | 200 | X56 | | 21,4 | 0,25 | 21,65 | 2026 |

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ-KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

TS. LS. Nguyễn Thị Thu Hà

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU TS2

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2026*

# DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
## ĐỢT XÉT TUYỂN: TUYỂN SINH ĐỢT 1
## NGÀNH: DƯỢC HỌC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 154/QĐ-ĐHKTKT ngày 14 tháng 08 năm 2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương)*

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | ĐDCN | KV ƯT | ĐT ƯT | Mã tỉnh | Tên tỉnh | Mã quận huyện | Tên quận huyện | Môn 1 | | Môn 2 | | Môn 3 | | Mã PTXT | Mã THM | Điểm lệch | Tổng điểm chưa có ƯT (Thang 30) | Điểm ưu tiên (Thang 30) | Điểm trúng tuyển | Năm TN |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | TRẦN LONG NHẬT | 06/02/2008 | Nam | 052208001625 | 2NT | | 52 | Gia Lai | 21817 | Xã Bình Hiệp | TO | 7,73 | VA | 7,97 | SI | 8,03 | 200 | B03 | | 23,73 | 0,42 | 24,15 | 2026 |
| 2 | NGUYỄN TRƯỜNG THỊNH | 30/10/2008 | Nam | 089208023108 | 1 | | 91 | An Giang | 30469 | Xã Mỹ Đức | TO | 8,67 | VA | 7,83 | N1 | 7,4 | 200 | D01 | | 23,9 | 0,61 | 24,51 | 2026 |
| 3 | VÕ THỊ CẨM TÚ | 22/08/2008 | Nữ | 070308006422 | 2NT | | 75 | TP. Đồng Nai | 25292 | Xã Lộc Quang | TO | 7,83 | VA | 7,57 | SI | 8,03 | 200 | B03 | | 23,43 | 0,44 | 23,87 | 2026 |
| 4 | LÊ THỊ NGỌC ANH | 05/01/2008 | Nữ | 038308008188 | 2NT | | 75 | TP. Đồng Nai | 25405 | Xã Bom Bo | TO | 9,2 | LI | 9,07 | HO | 8,83 | 200 | A00 | | 27,1 | 0,19 | 27,29 | 2026 |

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ-KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

TS. LS. Nguyễn Thị Thu Hà

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU TS2

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2026*

# DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
## ĐỢT XÉT TUYỂN: TUYỂN SINH ĐỢT 1
## NGÀNH: QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 854 /QĐ-ĐHKTKT ngày 14 tháng 08 năm 2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương)*

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | ĐDCN | KV ƯT | ĐT ƯT | Mã tỉnh | Tên tỉnh | Mã quận huyện | Tên quận huyện | Môn 1 | | Môn 2 | | Môn 3 | | Mã PTXT | Mã THM | Điểm lệch | Tổng điểm chưa có ƯT (Thang 30) | Điểm ưu tiên (Thang 30) | Điểm trúng tuyển | Năm TN |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | VŨ LÝ MINH THUẬN | 21/06/2008 | Nam | 074208008714 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25777 | Xã Dầu Tiếng | TO | 5,27 | VA | 6,1 | SU | 7 | 200 | C03 | | 18,37 | 0,5 | 18,87 | 2026 |
| 2 | ĐÀO HUỲNH DIỄM KIỀU | 23/11/2008 | Nữ | 089308013775 | 2NT | | 91 | An Giang | 30487 | Xã Bình Mỹ | VA | 7,23 | SU | 6,77 | DI | 7,07 | 200 | C00 | | 21,07 | 0,5 | 21,57 | 2026 |
| 3 | NGUYỄN THỊ THẢO | 02/07/2008 | Nữ | 091308017290 | 2NT | | 91 | An Giang | 31042 | Xã Vân Khánh | TO | 8,03 | VA | 8 | SU | 8,7 | 200 | C03 | | 24,73 | 0,35 | 25,08 | 2026 |
| 4 | NGUYỄN NGỌC HẢI YẾN | 10/08/2008 | Nữ | 074308003014 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25888 | Phường Tân Uyên | VA | 7,57 | SU | 7,57 | DI | 7,2 | 200 | C00 | | 22,34 | 0,25 | 22,59 | 2026 |
| 5 | LƯƠNG THẢO VY | 10/09/2008 | Nữ | 031308006854 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25912 | Phường Vĩnh Tân | VA | 6,03 | SU | 6,93 | DI | 6,3 | 200 | C00 | | 19,26 | 0,25 | 19,51 | 2026 |
| 6 | TRẦN QUỐC HÀO | 17/05/2008 | Nam | 074208002347 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25858 | Xã Phú Giáo | VA | 6,5 | SU | 7,33 | DI | 6,83 | 200 | C00 | | 20,66 | 0,5 | 21,16 | 2026 |
| 7 | PHÙNG MINH VI | 24/07/2008 | Nữ | 074308002437 | 2 | 05a | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25813 | Phường Bến Cát | TO | 6,4 | VA | 7,03 | SU | 8,23 | 200 | C03 | | 21,66 | 1,25 | 22,91 | 2026 |
| 8 | LÊ KIỀU DIỄM | 14/05/2008 | Nữ | 074308010223 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25942 | Phường Dĩ An | VA | 6,27 | SU | 6,27 | DI | 7,73 | 200 | C00 | | 20,27 | 0,25 | 20,52 | 2026 |
| 9 | NGUYỄN DIỄM NHƯ | 25/10/2008 | Nữ | 038308008362 | 2 | | 51 | Quảng Ngãi | 21307 | Xã Sơn Linh | VA | 6,77 | SU | 8,6 | DI | 7,6 | 200 | C00 | | 22,97 | 0,23 | 23,2 | 2026 |
| 10 | LÊ PHƯƠNG ANH | 13/10/2008 | Nữ | 089308003686 | 3 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 27190 | Phường Vườn Lài | VA | 7,93 | SU | 6,73 | DI | 6,73 | 200 | C00 | | 21,39 | 0 | 21,39 | 2026 |
| 11 | LÊ HOÀNG HẢI LONG | 22/05/2008 | Nam | 082208008774 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25771 | Phường Chánh Hiệp | VA | 5,9 | SU | 6,83 | DI | 6,77 | 200 | C00 | | 19,5 | 0,25 | 19,75 | 2026 |
| 12 | NGUYỄN THỊ DIỄM TRINH | 16/12/2008 | Nữ | 089308017560 | 2NT | | 91 | An Giang | 30658 | Xã Nhơn Mỹ | TO | 7,63 | VA | 8,47 | SU | 7,77 | 200 | C03 | | 23,87 | 0,41 | 24,28 | 2026 |

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ-KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

**TS. LS. Nguyễn Thị Thu Hà**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU TS2

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2026*

# DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
## ĐỢT XÉT TUYỂN: TUYỂN SINH ĐỢT 1
## NGÀNH: THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 154/QĐ-ĐHKTKT ngày 14 tháng 08 năm 2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương)*

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | ĐDCN | KV UT | ĐT UT | Mã tỉnh | Tên tỉnh | Mã quận huyện | Tên quận huyện | Môn 1 | | Môn 2 | | Môn 3 | | Mã PTXT | Mã THM | Điểm lệch | Tổng điểm chưa có UT (Thang 30) | Điểm ưu tiên (Thang 30) | Điểm trúng tuyển | Năm TN |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | BÙI QUỐC THỊNH | 03/09/2008 | Nam | 070208000176 | 2 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25220 | Phường Phước Bình | VA | 7,83 | KTPL | 9,23 | CNCN | 8,5 | 200 | Y08 | | 25,56 | 0,15 | 25,71 | 2026 |
| 2 | NGUYỄN HỮU KHANG | 16/12/2008 | Nam | 074208002844 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25846 | Phường Thới Hòa | TO | 5,97 | VA | 7,53 | LI | 7 | 200 | C01 | | 20,5 | 0,25 | 20,75 | 2026 |
| 3 | NGUYỄN SỸ LUÂN | 23/02/2008 | Nam | 054208004635 | 2NT | | 66 | Đắk Lắk | 22147 | Xã Ô Loan | TO | 5,4 | VA | 5,73 | CNCN | 7,37 | 200 | X03 | | 18,5 | 0,5 | 19 | 2026 |
| 4 | NGUYỄN THỊ THU HIỀN | 19/07/2008 | Nữ | 036308012373 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 27541 | Xã Phú Hòa Đông | TO | 6,83 | VA | 7,07 | KTPL | 8,13 | 200 | C14 | | 22,03 | 0,25 | 22,28 | 2026 |
| 5 | LÊ HỮU HIẾU | 07/05/2008 | Nam | 038208032012 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25846 | Phường Thới Hòa | VA | 6,9 | KTPL | 7,13 | CNCN | 7,2 | 200 | Y08 | | 21,23 | 0,25 | 21,48 | 2026 |
| 6 | NGUYỄN QUỲNH NHƯ | 16/12/2008 | Nữ | 038308004476 | 2 | | 38 | Thanh Hoá | 15682 | Xã Hợp Tiến | TO | 6,6 | VA | 7,37 | KTPL | 8,13 | 200 | C14 | | 22,1 | 0,25 | 22,35 | 2026 |
| 7 | NGUYỄN BÁ THÀNH LUÂN | 18/05/2008 | Nam | 074208003173 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25792 | Xã Long Hòa | TO | 6,63 | N1 | 7,23 | TI | 6,97 | 200 | X26 | | 20,83 | 0,5 | 21,33 | 2026 |
| 8 | TRẦN TRUNG TRÍ | 20/08/2008 | Nam | 074208008980 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25760 | Phường Bình Dương | TO | 6,73 | LI | 7 | HO | 7,5 | 200 | A00 | | 21,23 | 0,25 | 21,48 | 2026 |
| 9 | MAI NGỌC PHƯƠNG TRANG | 28/11/2008 | Nữ | 044308005804 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25915 | Phường Bình Cơ | TO | 5,4 | VA | 6,87 | KTPL | 8,13 | 200 | C14 | | 20,4 | 0,25 | 20,65 | 2026 |
| 10 | ĐẶNG LÊ QUỐC ANH | 14/04/2008 | Nam | 054208001244 | 2NT | | 66 | Đắk Lắk | 22303 | Xã Phú Hòa 2 | TO | 7,57 | DI | 8 | N1 | 7 | 200 | D10 | | 22,57 | 0,5 | 23,07 | 2026 |
| 11 | BÙI THÀNH VINH | 04/12/2008 | Nam | 040208013911 | 2 | | 40 | Nghệ An | 17779 | Xã Xuân Lâm | TO | 5,73 | VA | 6,9 | KTPL | 7,7 | 200 | C14 | | 20,33 | 0,25 | 20,58 | 2026 |
| 12 | TRỊNH MAI HOÀNG | 16/06/2008 | Nữ | 037308000605 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25975 | Phường An Phú | TO | 7,63 | LI | 7,63 | HO | 7,2 | 200 | A00 | | 22,46 | 0,25 | 22,71 | 2026 |
| 13 | ĐỖ THỊ DIỄM MY | 30/10/2008 | Nữ | 038308020646 | 2 | | 38 | Thanh Hoá | 16078 | Xã Vạn Lộc | TO | 6 | VA | 7,27 | KTPL | 7,67 | 200 | C14 | | 20,94 | 0,25 | 21,19 | 2026 |
| 14 | NGUYỄN HẢI ANH | 20/07/2008 | Nữ | 038308019814 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25942 | Phường Dĩ An | TO | 5,87 | DI | 7,73 | N1 | 7,03 | 200 | D10 | | 20,63 | 0,25 | 20,88 | 2026 |
| 15 | ĐÀM KIM NGÂN | 03/09/2008 | Nữ | 079308020334 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 27169 | Phường Diên Hồng | TO | 7,77 | VA | 7,33 | KTPL | 8,17 | 200 | C14 | | 23,27 | 0,22 | 23,49 | 2026 |
| 16 | ĐÀO PHÁT DANH | 26/02/2006 | Nam | 034206012039 | 2 | | 33 | Hưng Yên | 12523 | Xã Phụ Dực | TO | 6,03 | LI | 6,6 | HO | 6,3 | 200 | A00 | | 18,93 | 0,25 | 19,18 | 2026 |

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ-KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

**TS. LS. Nguyễn Thị Thu Hà**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU TS2

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2026*

# DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
## ĐỢT XÉT TUYỂN: TUYỂN SINH ĐỢT 1
## NGÀNH: TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 154 /QĐ-ĐHKTKT ngày 14 tháng 08 năm 2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương)*

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | ĐĐCN | KV UT | ĐT UT | Mã tỉnh | Tên tỉnh | Mã quận huyện | Tên quận huyện | Môn 1 | | Môn 2 | | Môn 3 | | Mã PTXT | Mã THM | Điểm lệch | Tổng điểm chưa có UT (Thang 30) | Điểm ưu tiên (Thang 30) | Điểm trúng tuyển | Năm TN |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | TRẦN THANH ÁNH DƯƠNG | 05/11/2008 | Nữ | 074308005178 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25813 | Phường Bến Cát | TO | 6,47 | VA | 6,17 | SU | 6,77 | 200 | C03 | | 19,41 | 0,25 | 19,66 | 2026 |
| 2 | NGUYỄN NGỌC NHUNG | 09/04/2008 | Nữ | 074308009938 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25768 | Phường Phú An | TO | 7,2 | VA | 6,9 | SU | 8,07 | 200 | C03 | | 22,17 | 0,5 | 22,67 | 2026 |
| 3 | TRẦN LÂM TUẤN | 15/04/2008 | Nam | 074208007287 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25909 | Xã Thường Tân | TO | 5,47 | LI | 6,9 | HO | 7,2 | 200 | A00 | | 19,57 | 0,5 | 20,07 | 2026 |
| 4 | NGUYỄN HOÀI BẢO NGUYÊN | 12/10/2008 | Nữ | 074308010288 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25849 | Phường Hòa Lợi | VA | 6,93 | SU | 6,17 | DI | 7,93 | 200 | C00 | | 21,03 | 0,25 | 21,28 | 2026 |
| 5 | NGUYỄN THỊ THU THỦY | 29/02/2008 | Nữ | 052308005524 | 2NT | | 52 | Gia Lai | 21703 | Xã Vạn Đức | TO | 5,7 | VA | 6,8 | SU | 8,03 | 200 | C03 | | 20,53 | 0,5 | 21,03 | 2026 |
| 6 | NGÔ THỊ BÍCH VÂN | 02/03/2008 | Nữ | 079308029091 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 26890 | Phường Hạnh Thông | VA | 6,43 | SU | 7,07 | DI | 7,3 | 200 | C00 | | 20,8 | 0,25 | 21,05 | 2026 |
| 7 | VÕ LÊ QUỲNH NHƯ | 02/07/2008 | Nữ | 045308000105 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25768 | Phường Phú An | TO | 6,6 | VA | 7 | SU | 8,7 | 200 | C03 | | 22,3 | 0,25 | 22,55 | 2026 |
| 8 | PHẠM ÂN THIÊN | 19/02/2008 | Nam | 079208029742 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 27238 | Phường Minh Phụng | TO | 7,43 | VA | 6,87 | SU | 8,93 | 200 | C03 | | 23,23 | 0,23 | 23,46 | 2026 |
| 9 | TRẦN THỊ HÀ MI | 20/07/2008 | Nữ | 066308015938 | 2 | | 66 | Đắk Lắk | 22261 | Phường Hòa Hiệp | VA | 8,07 | N1 | 7,73 | DI | 8,3 | 200 | D15 | | 24,1 | 0,2 | 24,3 | 2026 |
| 10 | VÕ THỊ THU NGÂN | 03/12/2008 | Nữ | 074308003116 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25867 | Xã An Long | TO | 6,8 | VA | 6,77 | SU | 7,33 | 200 | C03 | | 20,9 | 0,5 | 21,4 | 2026 |
| 11 | NGUYỄN XUÂN ĐẠT | 03/09/2008 | Nam | 070208006586 | 1 | | 75 | TP. Đồng Nai | 25349 | Xã Minh Đức | VA | 5,67 | SU | 7,1 | DI | 6,77 | 200 | C00 | | 19,54 | 0,75 | 20,29 | 2026 |
| 12 | ĐÀO GIA KIÊN | 28/01/2008 | Nữ | 052308009855 | 2NT | | 52 | Gia Lai | 21739 | Xã Phù Mỹ Bắc | VA | 7,73 | SU | 8 | DI | 7,73 | 200 | C00 | | 23,46 | 0,44 | 23,9 | 2026 |
| 13 | NGUYỄN ĐÌNH THI | 02/06/2007 | Nam | 074207004090 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25760 | Phường Bình Dương | TO | 6,07 | VA | 5,63 | SU | 6,47 | 200 | C03 | | 18,17 | 0,25 | 18,42 | 2026 |
| 14 | NGUYỄN TRẦN TRÚC NGUYÊN | 24/03/2008 | Nữ | 082308009896 | 2NT | | 75 | TP. Đồng Nai | 25308 | Xã Thiện Hưng | VA | 6,5 | SU | 7,07 | DI | 7,87 | 200 | C00 | | 21,44 | 0,5 | 21,94 | 2026 |
| 15 | NGUYỄN THỊ KIM LIÊN | 10/04/2008 | Nữ | 058308006886 | 2NT | | 56 | Khánh Hoà | 22861 | Xã Xuân Hải | VA | 6,73 | SU | 7,67 | DI | 7,67 | 200 | C00 | | 22,07 | 0,5 | 22,57 | 2026 |
| 16 | PHẠM SỸ CHIẾN | 27/10/2008 | Nam | 070208009976 | 2NT | | 75 | TP. Đồng Nai | 25292 | Xã Lộc Quang | TO | 7,23 | LI | 8,03 | HO | 7,2 | 200 | A00 | | 22,46 | 0,5 | 22,96 | 2026 |
| 17 | HUỲNH NHẬT NAM | 29/05/2008 | Nam | 038208014749 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25942 | Phường Dĩ An | VA | 6,47 | N1 | 6,8 | SU | 6,43 | 200 | D14 | | 19,7 | 0,25 | 19,95 | 2026 |
| 18 | NGUYỄN THỊ THU YÊN | 12/05/2008 | Nữ | 066308015482 | 1 | | 66 | Đắk Lắk | 24340 | Phường Cư Bao | TO | 5,83 | LI | 6,27 | HO | 7,17 | 200 | A00 | | 19,27 | 0,75 | 20,02 | 2026 |
| 19 | TRẦN NGUYỄN MINH THƯ | 28/05/2008 | Nữ | 074308001441 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25978 | Phường Thuận An | TO | 7,73 | VA | 6,67 | SU | 7,27 | 200 | C03 | | 21,67 | 0,25 | 21,92 | 2026 |
| 20 | NGUYỄN THANH HIỀN | 22/03/2007 | Nam | 074207007302 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25888 | Phường Tân Uyên | VA | 7,2 | SU | 7,77 | DI | 7,93 | 200 | C00 | | 23,41 | 0,24 | 23,14 | 2026 |
| 21 | ĐINH THỊ THUỲ LINH | 07/04/2008 | Nữ | 082308008874 | 2 | | 82 | Đồng Tháp | 28537 | Xã Long Hưng | TO | 6,1 | VA | 6,97 | SU | 6,97 | 200 | C03 | | 20,04 | 0,25 | 20,29 | 2026 |
| 22 | PHAN HOÀNG YẾN NHI | 31/10/2008 | Nữ | 035308006994 | 2 | | 37 | Ninh Bình | 13591 | Xã Nam Xang | VA | 6,73 | SU | 8,47 | DI | 7,5 | 200 | C00 | | 22,7 | 0,24 | 22,94 | 2026 |
| 23 | THÁI TUẤN KIỆT | 31/08/2008 | Nam | 074208009975 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25771 | Phường Chánh Hiệp | VA | 6,93 | SU | 7,3 | DI | 8 | 200 | C00 | | 22,23 | 0,25 | 22,48 | 2026 |
| 24 | NGUYỄN NGỌC BẢO TRÂN | 06/06/2008 | Nữ | 079308013059 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 27568 | Xã Đông Thạnh | VA | 6,4 | SU | 6,77 | DI | 7,17 | 200 | C00 | | 20,34 | 0,25 | 20,59 | 2026 |
| 25 | NGUYỄN NGỌC NHẬT HUY | 01/01/2004 | Nam | 074204008645 | 3 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25978 | Phường Thuận An | VA | 6,33 | SU | 6,87 | DI | 6,27 | 200 | C00 | | 19,47 | 0 | 19,47 | 2026 |
| 26 | TÔNG LÊ BẢO THY | 06/10/2008 | Nữ | 074308007829 | 2NT | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25858 | Xã Phú Giáo | VA | 6,47 | SU | 7,13 | DI | 6,77 | 200 | C00 | | 20,37 | 0,5 | 20,87 | 2026 |
| 27 | LÊ THỊ THUỲ TRANG | 24/06/2008 | Nữ | 038308026118 | 2NT | | 75 | TP. Đồng Nai | 25292 | Xã Lộc Quang | VA | 6,17 | N1 | 5,87 | SU | 7 | 200 | D14 | | 19,04 | 0,5 | 19,54 | 2026 |
| 28 | LÝ THỪA TỒN | 01/03/2008 | Nam | 072208010771 | 2 | | 80 | Tây Ninh | 25645 | phường Hòa Thành | VA | 5,17 | SU | 5,97 | DI | 7,07 | 200 | C00 | | 18,21 | 0,25 | 18,46 | 2026 |
| 29 | DƯƠNG THIỆN ĐỨC | 07/01/2008 | Nam | 024208016950 | 3 | | 24 | Bắc Ninh | 07333 | Xã Quang Trung | VA | 6,4 | SU | 6,97 | DI | 6,53 | 200 | C00 | | 19,9 | 0 | 19,9 | 2026 |
| 30 | LƯU NGỌC TRÂN | 22/12/2008 | Nữ | 093308004001 | 3 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25840 | Phường Long Nguyên | VA | 6,77 | SU | 9,47 | DI | 8,53 | 200 | C00 | | 24,77 | 0 | 24,77 | 2026 |
| 31 | TRẦN NGUYỄN THỊ MY | 12/01/2008 | Nữ | 036308011583 | 2 | | 96 | Cà Mau | 31927 | Xã Vĩnh Hậu | VA | 6,47 | SU | 7,7 | DI | 6,9 | 200 | C00 | | 21,07 | 0,25 | 21,32 | 2026 |
| 32 | TRẦN NGỌC CHÂU | 02/05/2008 | Nữ | 074308008896 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25760 | Phường Bình Dương | VA | 6,23 | SU | 7,53 | DI | 8,27 | 200 | C00 | | 22,03 | 0,25 | 22,28 | 2026 |
| 33 | NGUYỄN KHÁNH AN | 11/10/2008 | Nữ | 074308007388 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25750 | Phường Phú Lợi | VA | 6,8 | SU | 8,83 | DI | 8,87 | 200 | C00 | | 24,5 | 0,18 | 24,68 | 2026 |
| 34 | NGUYỄN DUY THANH | 14/11/2008 | Nam | 040208021528 | 2 | | 40 | Nghệ An | 17779 | Xã Xuân Lâm | TO | 6,33 | VA | 6,23 | SU | 6,2 | 200 | C03 | | 18,76 | 0,25 | 19,01 | 2026 |
| 35 | NÔNG VĂN DUY | 20/10/2008 | Nam | 070208011316 | 2 | 05a | 75 | TP. Đồng Nai | 25195 | Phường Bình Phước | TO | 6,5 | LI | 7,03 | HO | 7,37 | 200 | A00 | | 20,9 | 1,25 | 22,15 | 2026 |
| 36 | Y HỒNG LINH CHI | 17/06/2008 | Nữ | 062308006316 | 1 | 01 | 51 | Quảng Ngãi | 23326 | Xã Ia Chim | VA | 6,77 | SU | 7,8 | DI | 7,17 | 200 | C00 | | 21,74 | 2,75 | 24,49 | 2026 |
| 37 | PHẠM THỊ XUÂN MAI | 07/11/2008 | Nữ | 074308007990 | 2NT | 05a | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25864 | Xã Phước Thành | VA | 7,73 | SU | 7,2 | DI | 7,63 | 200 | C00 | | 22,56 | 1,49 | 24,05 | 2026 |
| 38 | TRẦN NGUYỄN MINH HÙNG | 03/07/2008 | Nam | 074208004584 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25978 | Phường Thuận An | VA | 5,87 | N1 | 6,43 | SU | 5,97 | 200 | D14 | | 18,27 | 0,25 | 18,52 | 2026 |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 39 | NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ | 24/08/2006 | Nữ | 074306001251 | 2 | | 79 | Tp Hồ Chí Minh | 25771 | Phường Chánh Hiệp | VA | 6,37 | SU | 7,57 | DI | 7,3 | 200 | C00 | | 21,24 | 0,25 | 21,49 | 2026 |
| 40 | NGUYỄN THANH HOÀNG | 19/09/2008 | Nam | 074208007462 | 2 | | 79 | Tp. Hồ Chí Minh | 25750 | Phường Phú Lợi | VA | 6,7 | SU | 6,5 | DI | 7,57 | 200 | C00 | | 20,77 | 0,25 | 21,02 | 2026 |
| 41 | NGÔ DẠ UYÊN | 10/06/2008 | Nữ | 060308005501 | 2NT | | 68 | Lâm Đồng | 23173 | Xã Đồng Kho | VA | 7,43 | SU | 8,47 | DI | 9,1 | 200 | C00 | | 25 | 0,33 | 25,33 | 2026 |

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ-KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

TS. LS. Nguyễn Thị Thu Hà